BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số: 418 / HABECO-VP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (HABECO)**
- Mã chứng khoán: BHN
- Địa chỉ trụ sở chính: 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.38453843 Fax: 024.37223784
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Bùi Trường Thắng**
- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☐ bất thường ☑ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/4/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Habeco đã thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (xem Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Biên bản họp đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 29/4/2021 tại đường dẫn: http://www.habeco.com.vn/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Trường Thắng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VTh, VP.

Tài liệu đính kèm:
- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU- NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

A. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên Doanh nghiệp:** TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
2. **Mã số doanh nghiệp:** 0101376672
3. **Trụ sở chính:** Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
4. **Thời gian:** Từ 8h00 đến 10h30 ngày 28 tháng 04 năm 2021
5. **Địa điểm:** Hội trường Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội, số 183 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP.Hà Nội.
6. **Chương trình và nội dung Đại hội:**

- Xem xét Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Xem xét Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2020, định hướng năm 2021, tình hình quản trị;
- Xem xét Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Xem xét Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Xem xét Tờ trình thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021;
- Xem xét Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Xem xét Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020, mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Xem xét Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Xem xét Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bia- Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

- Xem xét Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;
- Xem xét toàn văn Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

7. Thành phần tham dự Đại hội:

7.1. Khách mời tham dự Đại hội:

- Ông Ngô Khải Hoàn – Phó cục trưởng Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương;
- Ông Nguyễn Việt Tân – Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ – Bộ Công Thương.
- Cùng với các Ông Bà đại diện Cục, Vụ của Bộ Công Thương.

7.2. Thành viên HĐQT:

- Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Ngô Quế Lâm - Thành viên HĐQT;
- Ông Vũ Xuân Dũng - Thành viên HĐQT;
- Ông Trần Thuận An - Thành viên HĐQT;
- Ông Bùi Hữu Quang - Thành viên HĐQT;

7.3. Thành viên Ban kiểm soát:

- Bà Chử Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Trần Minh Tuấn – Kiểm soát viên.

7.4. Thành viên Ban Điều hành:

- Ông Ngô Quế Lâm – Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Dũng – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Trung Kiên – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Thuận An – Phó Tổng Giám đốc.

7.5. Cùng các cổ đông của Tổng Công ty

B. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. Khai mạc Đại hội:

Đại hội đã nghe ông Trần Văn Trung – Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị – Thay mặt Ban tổ chức phát biểu khai mạc Đại hội.

II. Báo cáo tư cách kiểm tra cổ đông tham dự Đại hội:

Đại hội đã nghe Bà Chử Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần của HABECO là 231.800.000 cổ phần, tương ứng 231.800.000 số phiếu có quyền biểu quyết (01 cổ phần/01 phiếu biểu quyết).
- Tổng số cổ đông được quyền dự họp chốt đến ngày 30/03/2021 là 531 cổ đông, đại diện cho **231.800.000** số phiếu có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ của Tổng công ty.
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội vào thời điểm 08h00 ngày 28/4/2021 là 10 cổ đông(trong đó có 04 cổ đông tham dự trực tiếp và 6 cổ đông ủy quyền tham dự hợp lệ), đại diện cho 229.828.930 cổ phần phổ thông, đạt tỷ lệ 99,1497% tổng số phiếu biểu quyết của Tổng công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty sửa đổi lần thứ tư ngày 30/6/2020, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội ngày 28/4/2021 đủ điều kiện tiến hành.

III. Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.

Chủ tọa Đại hội – Ông Trần Đình Thanh - đề xuất và xin ý kiến Đại hội thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

❖ **Đoàn Chủ tịch**

- Ông Trần Đình Thanh - Chủ tọa đại hội
- Ông Ngô Quế Lâm - Thành viên
- Quách Thị Thu Huyền - Thành viên

❖ **Ban Thư ký:**

- Bà Tạ Nguyệt Minh - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Minh Phương - Thành viên

❖ **Ban Kiểm phiếu:**

- Bà Chử Thị Thu Trang - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên
- Ông Trần Đức Giang - Thành viên.

1. **Ý kiến thảo luận của cổ đông:** Không có.

2. **Phương thức biểu quyết**: Giơ Thẻ biểu quyết

3. **Kết quả biểu quyết:**

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

4. **Kết luận**: Đại hội thống nhất thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu.

IV. Thông qua Chương trình họp và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Đại hội nghe Ông Trần Đình Thanh – Chủ tọa trình bày nội dung Chương trình họp và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 trình Đại hội thông qua.

1. **Ý kiến thảo luận của cổ đông**: Không có.

2. **Phương thức biểu quyết**: Giơ Thẻ biểu quyết.

3. **Kết quả biểu quyết**:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

4. **Kết luận**: ĐHĐCĐ thống nhất thông qua Chương trình họp và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội.

V. Các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội:

1. Các Báo cáo được trình bày tại Đại hội:

- Ông Ngô Quế Lâm –Tổng Giám đốc - Đại diện Ban điều hành trình bày Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (*Văn bản đính kèm*).
- Ông Trần Đình Thanh – Chủ tịch HĐQT Habeco trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2020, định hướng năm 2021, tình hình quản trị (*Văn bản đính kèm*).
- Bà Chử Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (*Văn bản đính kèm*).

2. ***Các Tờ trình được trình bày tại Đại hội:***

Bà Quách Thị Thu Huyền trình bày:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Tờ trình thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
- Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020, mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bia- Rượu-Nước giải khát Hà Nội;
- Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

VI. Thảo luận tại Đại hội.

Sau khi Đại hội nghe trình bày các Báo cáo, Tờ trình, Chủ tọa Đại hội - Ông Trần Đình Thanh chủ trì việc thảo luận.

1. **Câu hỏi**: Habeco có sản phẩm craft bản thử nghiệm. Vậy Habeco có dự định thương mại hóa sản phẩm này hay không?

   Trả lời: Habeco có ý định thương mại hóa sản phẩm này. Nhưng còn phụ thuộc kế hoạch marketing từng thời điểm để đảm bảo hiệu quả.

2. **Câu hỏi:** Đề nghị giải thích tại sao Habeco lại xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 thấp như vậy?

   Trả lời: Do tình hình Covid diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tới việc tiêu thụ. Sản lượng ngành bia trong năm 2020 giảm khiến cho tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngành bia gay gắt hơn.

Ngoài ra, Kế hoạch được xây dựng như vậy có tính dự phòng và đảm bảo tính khả thi trong trường hợp dịch Covid bùng phát trở lại tại Việt Nam. Habeco sẽ nỗ lực để hoàn thành vượt kế hoạch nêu trên.

3. **Câu hỏi:** Đề nghị cho biết kết quả kinh doanh Quý I năm 2021 của Habeco?

Trả lời: Trong Quý I năm 2021, Habeco lãi khoảng 67 tỷ đồng. Theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất, lãi của Habeco là khoảng 62 tỷ đồng. Đây là tín hiệu đáng mừng. Cũng phải kể tới đặc thù tiêu thụ bia tại khu vực phía Bắc bị ảnh hưởng bởi mùa đông.

4. **Câu hỏi:** Kế hoạch bán vốn cho Carlsberg như thế nào?

Trả lời: Bộ Công Thương đã có văn bản báo cáo Chính phủ về nội dung này. Habeco được nhận định là thương hiệu lớn của quốc gia, có lịch sử truyền thống. Khi Habeco phát triển hơn nữa thì kết quả của việc bán vốn khi thực hiện sẽ tốt hơn.

5. **Câu hỏi**: Kế hoạch phát triển sản phẩm tại thị trường phía Nam năm 2021 của Habeco như thế nào?

Trả lời: Habeco đang tiếp tục bán hàng tại thị trường phía Nam với chiến lược chậm và chắc. Habeco hiện đã xây dựng đội ngũ bán hàng để thâm nhập vào thị trường này. Tuy nhiên, việc đầu tư vốn lớn vào thị trường này hiện nay là chưa phù hợp với tình hình dịch bệnh hiện tại.

6. **Câu hỏi**: Habeco có chiến lược như thế nào để cạnh tranh với các đối thủ bia ngoại?

Trả lời: Hiện nay, tại thị trường miền Bắc, Bia Hà Nội vẫn giữ vững vị trí số một. Trong thời gian qua, Habeco đã thực hiện nhiều giải pháp để giữ vững thị phần của mình.

7. **Câu hỏi**: Đánh giá hiệu quả của sản phẩm bia hơi đóng lon trong năm 2020?

Trả lời: Trong năm 2020, Habeco đã nghiên cứu, đưa ra thị trường sản phẩm mới, hợp gu người tiêu dùng, cũng như đáp ứng sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng. Sản phẩm bia hơi đóng lon đã giúp Habeco có sự tăng trưởng khả quan. Các nhà hàng tương đối lớn đều có sản phẩm bia hơi đóng lon của Habeco.

8. **Câu hỏi**: Habeco có chính sách nào để mở rộng kênh bán hàng online?

Habeco có bộ phận nghiên cứu và triển khai kênh bán hàng trực tuyến (website, kết hợp grab…).

VII. Biểu quyết

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi biểu quyết

Đại hội đã nghe Bà Chử Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi biểu quyết.

Kết quả như sau:

Tổng số cổ đông tham dự Đại hội vào thời điểm 09 giờ 15 phút ngày 28/4/2021 là 10 cổ đông (trong đó có 04 cổ đông tham dự trực tiếp và 06 cổ đông ủy quyền tham dự hợp lệ), đại diện cho 229.828.930 cổ phần phổ thông, đạt tỷ lệ 99,1497% số phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

2. **Các nội dung được thông qua tại Đại hội và kết quả biểu quyết**

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu để thông qua các nội dung đã trình Đại hội. Nội dung được thông qua và kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

2.1. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (Bản đính kèm) như sau:

Kết quả SXKD năm 2020:

- Tổng sản lượng tiêu thụ bia: 307,8 triệu lít
- Tổng sản lượng tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua: 2,1 triệu lít
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính: 5.893,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 708,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 625,3 tỷ đồng

Kế hoạch SXKD năm 2021:

- Tổng sản lượng tiêu thụ bia: 278,2 triệu lít
- Tổng sản lượng tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua: 1,8 triệu lít
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính: 5.391,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 319,15 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 255,14 tỷ đồng

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2020, định hướng năm 2021; tình hình quản trị (Bản đính kèm)

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Bản đính kèm).

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.4. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, đồng thời thông qua việc lấy ý kiến cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 sau khi Bộ Công Thương và Bộ Tài chính có ý kiến

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.5. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1. Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu	Triệu lít	280

Trong đó:		
- *Bia các loại*	*Triệu lít*	278,2
- *Nước uống đóng chai UniAqua*	*Triệu lít*	1,8
2. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Triệu đồng	5.391.639
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	319.150
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	255.145
5. Mức chia cổ tức	%/năm	6,5

Kết quả biểu quyết:
Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	189.630.730	82,5095
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	40.198.200	17,4905

2.6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	**Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021**	**255.145.412.282**
II	**Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021**	**255.145.412.282**
1	**Trích lập các quỹ Công ty mẹ**	**104.475.412.282**
1.1	Quỹ đầu tư phát triển	72.348.236.837
1.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ	28.531.721.323
1.3	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.044.000.000
1.4	Quỹ an sinh xã hội (1% LNST)	2.551.454.122
2	**Trả cổ tức năm 2021**	**150.670.000.000**
-	Tỷ lệ chi trả (%)	6,5%

Kết quả biểu quyết:
Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.7. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020, mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	**KH tiền lương và thù lao theo NQ ĐHĐCĐ năm 2020**	**3.072.000.000**
2	**Thực hiện**	**3.745.004.868**
	Tiền lương của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách	2.290.260.583
	Thù lao của thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm	1.454.744.285
3	**Kết luận: chênh lệch thực hiện tăng so với KH thông qua ĐHĐCĐ**	**673.004.868**

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

a) Kế hoạch tiền lương, thù lao

- Tiền lương của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách: 2.347,2 triệu đồng.

- Thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.339,2 triệu đồng.

Tổng cộng: **3.686,4** triệu đồng

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện: sẽ được quyết toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước có xem xét loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận thực hiện năm 2021.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.8. Uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán có uy tín trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích

công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

2.9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

3. Thông qua toàn văn Biên bản, Nghị quyết kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Đại hội biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết: 229.828.930 phiếu. Trong đó:

Phân loại phiếu	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp (%)
Hợp lệ	229.828.930	100
Không hợp lệ	0	0
Tán thành	229.828.930	100
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

C. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Trần Đình Thanh – Chủ tọa phát biểu kết thúc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội kết thúc vào lúc 10h30 cùng ngày./.

CHỦ TỌA

M.S.D.N: 0101376672 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

TRẦN ĐÌNH THANH

Ban Thư ký Đại hội

Ký bởi:

Bà Tạ Nguyệt Minh

Chức vụ: Thư ký Đại hội

Ký bởi:

Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Chức vụ: Thư ký Đại hội

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Số 02/NQ-ĐHĐCĐ-HABECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước Giải Khát Hà Nội sửa đổi lần thứ tư tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Biên bản họp ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (*Bản đính kèm*), như sau:

1. Kết quả SXKD năm 2020:

-	Tổng sản lượng tiêu thụ bia:	307,8	triệu lít
-	Tổng sản lượng tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua:	2,1	triệu lít
-	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính:	5.893,8	tỷ đồng
-	Lợi nhuận trước thuế:	708,8	tỷ đồng
-	Lợi nhuận sau thuế:	625,3	tỷ đồng

2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

-	Tổng sản lượng tiêu thụ bia:	278,2	triệu lít
-	Tổng sản lượng tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua:	1,8	triệu lít
-	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính:	5.391,6	tỷ đồng
-	Lợi nhuận trước thuế:	319,15	tỷ đồng
-	Lợi nhuận sau thuế:	255,14	tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2020, định hướng năm 2021; tình hình quản trị (*Bản đính kèm*).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (*Bản đính kèm*).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 sau khi Bộ Công Thương và Bộ Tài chính có ý kiến.

Điều 6. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1. Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu	Triệu lít	280
Trong đó:		
- *Bia các loại*	*Triệu lít*	278,2
- *Nước uống đóng chai UniAqua*	*Triệu lít*	1,8
2. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Triệu đồng	5.391.639
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	319.150
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	255.145
5. Mức chia cổ tức	%/năm	6,5

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	**Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021**	**255.145.412.282**
II	**Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021**	**255.145.412.282**
1	**Trích lập các quỹ Công ty mẹ**	**104.475.412.282**
1.1	Quỹ đầu tư phát triển	72.348.236.837
1.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ	28.531.721.323
1.3	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.044.000.000
1.4	Quỹ an sinh xã hội (1% LNST)	2.551.454.122
2	**Trả cổ tức năm 2021**	**150.670.000.000**
-	Tỷ lệ chi trả (%)	6,5%

Điều 8. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020; mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	**KH tiền lương và thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020**	**3.072.000.000**
2	**Thực hiện:**	**3.745.004.868**
-	Tiền lương của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách	2.290.260.583
-	Thù lao của thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm	1.454.744.285
3	**Kết luận: Chênh lệch thực hiện so với kế hoạch thông qua ĐHĐCĐ**	**673.004.868**

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021:

a) Kế hoạch tiền lương, thù lao:

- Tiền lương của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chuyên trách: 2.347,2 triệu đồng.

- Thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 1.339,2 triệu đồng.

Tổng cộng: 3.686,4 triệu đồng

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện: sẽ được quyết toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước có xem xét loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận thực hiện năm 2021.

Điều 9. Uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán có uy tín trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021 của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Điều 10. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Dự thảo Điều lệ và tổ chức hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội.

Điều 11. Điều khoản thi hành

- Toàn văn Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- HOSE, UBCKNN;
- Lưu VTh, VP.HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Trần Đình Thanh

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông HABECO

I. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Tình hình chung:

Theo báo cáo của Công ty Nielsen Việt Nam, năm 2020, thị trường bia Việt Nam dưới tác động kép của dịch bệnh Covid 19 và Nghị định 100 đã chịu sự sụt giảm lớn so với năm 2019, trong đó, sản lượng tiêu thụ của HABECO và Sabeco có mức giảm tương đương nhau.

Tại khu vực Miền Bắc và Bắc Trung Bộ là thị trường chính của Habeco, ngành bia có sự suy giảm mạnh hơn so với các khu vực thị trường khác. Mặc dù phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đến từ các thương hiệu bia quốc tế cũng như địa phương, HABECO vẫn giữ vững vị trí là nhà sản xuất dẫn đầu tại thị trường này. Sau thời gian giãn cách xã hội trong quý 1/2020 và đầu quý 2/2020, HABECO đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong 3 tháng liên tiếp vào mùa vụ hè và hết năm 2020, HABECO đã được ghi nhận đạt mức 38,5% thị phần về sản lượng.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

2.1 Các kết quả đạt được:

- Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 309,9 triệu lít, tăng 37,7% so với KH, trong đó:
    - Tiêu thụ bia các loại đạt 307,8 triệu lít, tăng 37,9% so với KH.
    - Tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua đạt 2,1 triệu lít, tăng 10,4% so với KH.
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 5.893,8 tỷ đồng, tăng 39% so với KH.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 708,8 tỷ đồng, tăng 126,4% so với KH.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 625,3 tỷ đồng, tăng 152,2% so với KH.

- Mức cổ tức năm 2020 dự kiến: 15,5%

** Các chỉ số tài chính năm 2020:*

- Hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh được đảm bảo (>1);
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 26,99%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt (ROE) 12,92%;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản đạt (ROA) 10,09%.
- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu thấp: 0,28.
- Hệ số bảo toàn vốn: 1.

Các chỉ số trên cho thấy kết quả sản xuất kinh doanh của HABECO đạt mức bình quân của ngành, đảm bảo an toàn tài chính, khả năng tự tài trợ vốn của HABECO ở mức cao, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

3. Những giải pháp đã thực hiện năm 2020:

3.1. Về công tác truyền thông và phát triển thương hiệu :

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Chiến lược phát triển thương hiệu 2019-2021 với mục tiêu nâng tầm vị thế của doanh nghiệp sản xuất bia Việt Nam duy nhất, tiếp cận và tương tác tối đa với đối tượng khách hàng mục tiêu, đẩy mạnh phát triển thương hiệu, hỗ trợ các chiến dịch truyền thông chiến lược 360^0, thúc đẩy hoạt động bán hàng, tiêu thụ các sản phẩm mang thương hiệu HABECO. Theo đó, tập trung vào việc quản lý thương hiệu tổng thể, đa dạng hóa phương tiện truyền thông, phủ sóng thương hiệu trên các hệ sinh thái phù hợp thông qua các chiến dịch truyền thông tổng quan diện rộng và các hoạt động truyền thông tương tác trực tiếp.

Trong năm, hình ảnh thương hiệu Bia Hà Nội đã được quảng bá mạnh mẽ trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện thông qua chiến dịch truyền thông "Tôi yêu Bia Hà Nội". Chiến dịch đã giúp khách hàng trên toàn quốc cảm nhận sâu sắc hơn những giá trị Văn hóa - Truyền thống - Cộng đồng của một thương hiệu Việt lâu đời đã trở thành một nét văn hóa của người Việt, đưa thương hiệu Bia Hà Nội đạt Top 3 Bảng xếp hạng ngành bia tháng 8/2020.

Bên cạnh đó, HABECO ngày càng đổi mới công tác truyền thông trực tiếp nhằm mục tiêu tăng cường nhận diện thương hiệu với khách hàng, tăng cường trải nghiệm của khách hàng với các sản phẩm của HABECO. Lần đầu tiên, HABECO mang sắc Tết đến với 11 tỉnh thành trên khắp cả nước thông qua chuỗi "Quầy bán Bia Hà Nội Tết 2021", tạo ấn tượng mạnh mẽ về mặt hình ảnh và nhanh nhạy đón đầu hoạt động bán hàng trước các đối thủ cạnh tranh, từ đó thúc đẩy hiệu quả hoạt động bán hàng, tăng trưởng sản lượng tiêu thụ sản phẩm dịp Tết 2021.

3.2. Về sản phẩm :

Trong hoàn cảnh khó khăn khi toàn thị trường chịu tác động kép của Nghị định 100 và Dịch bệnh Covid-19, HABECO đã có động thái nhanh nhạy trong việc nghiên cứu phát triển và đưa ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng trong bối cảnh "bình thường mới". Đặc biệt, sản phẩm Bia Hơi Hà Nội 500ml và Bia Hơi Hà Nội 1 lít nhận được những đón nhận tích cực từ người tiêu dùng.

Ngoài ra, đánh dấu kỷ niệm tròn 1 năm ra mắt thương hiệu Hanoi BOLD & Light, hai sản phẩm lon dung tích 330ml cho Hanoi BOLD và Hanoi Light cũng đã được trình diện trên thị trường vào tháng 6/2020, hoàn thành bộ sản phẩm của thương hiệu dành cho giới trẻ của HABECO.

Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội. Với thiết kế tinh tế, kiểu dáng hiện đại và chất lượng tuyệt hảo, Bia Hà Nội 1890 đại diện cho những giá trị văn hóa của dân tộc với sứ mệnh luôn đồng hành cùng lịch sử phát triển của Việt Nam.

3.3. Về quản trị, tài chính :

- Tiếp tục khai thác hiệu quả của Hệ thống quả trị doanh nghiệp (ERP) để hỗ trợ bộ phận quản lý và Ban lãnh đạo Tổng công ty tiếp cận một cách nhanh chóng và chính xác các số liệu sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời để xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất, bán hàng cũng như tận dụng những cơ hội mới để phát triển.

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh, Habeco đã cắt giảm nhiều hạng mục công việc chưa cần phải thực hiện ngay để tiết giảm tối đa chi phí, thực hiện việc chào hàng cạnh tranh theo đúng quy định để tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, dịch vụ với mức giá tốt nhất, đồng thời làm việc với các nhà cung ứng để giữ ổn định giá trong điều kiện sản lượng tiêu thụ suy giảm... nhờ đó phần lớn các chi phí đều theo sát kế hoạch đã xây dựng.

- Thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành, đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

3.4. Công tác nhân sự:

Năm 2020, do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid 19, Tổng công ty đã chủ động thực hiện sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo tình hình dịch bệnh; Sửa đổi và ban hành lại Quy chế trả thu nhập, hệ thống thang bảng lương đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.5. Công tác kỹ thuật, chất lượng:

- Rà soát, sửa đổi cập nhật quy trình công nghệ, xây dựng cập nhật các tiêu chuẩn chất lượng theo hướng tiên tiến hơn và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Triển khai các thử nghiệm thay đổi bao bì, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất... nhằm tối ưu hóa định mức kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí sản xuất, tăng tính cạnh tranh giữa các nhà cung cấp.

- Tổ chức ring test các chỉ tiêu chỉ tiêu hóa lý, vi sinh vật, cảm quan đối với bia thành phẩm trong nội bộ và trong toàn hệ thống để nâng cao tay nghề KCS, căn chỉnh thiết bị phân tích, năng lực kiểm soát vi sinh vật tại chỗ cho các phòng thí nghiệm tại công ty mẹ và các công ty con; đào tạo củng cố, nâng cao kiến thức cảm quan…

- Nghiên cứu thử nghiệm nhiều sản phẩm mới phục vụ cho mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm: bia không cồn, cider vị hoa quả, bia hoa quả, nước tăng lực….

3.6. Công tác đầu tư:

- Hoàn thiện dự án xây dựng khu nhà làm việc Khối Kỹ thuật tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh.

- Golive dự án ERP trong tháng 12/2019, tích hợp hóa đơn điện tử và hoàn thiện các báo cáo tồn đọng năm 2020.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho hầu hết các khu đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty.

3.7. Công tác xã hội khác:

Duy trì tốt và chủ động việc thăm hỏi, trợ cấp ốm đau cho cán bộ CNVCLĐ bị đau yếu và có hoàn cảnh khó khăn; giải quyết tốt các chế độ chính sách của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, phúc lợi….; duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương và một số hoạt động từ thiện khác, tham gia ủng hộ nhân dân bị ảnh hưởng mưa lũ tại các tỉnh miền Trung. Số tiền từ thiện xã hội năm 2020 là hơn 4 tỷ đồng.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Tình hình chung:

Năm 2021 tiếp tục là năm nhiều thách thức đối với Habeco. Theo nhận định của Bộ Y tế, cuộc chiến với Covid 19 không thể kết thúc trong 6 tháng đầu năm, thậm chí có thể cả năm 2021. Nguồn cung vắc xin còn nhiều hạn chế, giải pháp chủ yếu để không chế dịch bệnh đang được thực hiện là khoanh vùng, cách ly, giãn cách… sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế xã hội, kéo theo sự suy giảm của nhiều ngành nghề kinh tế. Nhiều doanh nghiệp,

đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng, vận tải... tiếp tục gánh chịu những tổn thất to lớn trong năm Covid thứ 2, thu nhập của nhiều lao động giảm sút và không ổn định. Tất cả những khó khăn này sẽ trực tiếp tác động, làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng sản phẩm bia, rượu, nước giải khát.

Về đối thủ cạnh tranh:

Các đối thủ cạnh tranh tập trung nguồn lực rất lớn vào việc thực hiện các chương trình khuyến mại đến người tiêu dùng xuyên suốt năm, đầu tư rất nhiều cho hệ thống phân phối, đồng thời liên tục đưa ra thị trường các sản phẩm mới nhằm đa dạng danh mục sản phẩm và cạnh tranh trực tiếp vào phân khúc phổ thông, vốn là thế mạnh của HABECO. Tháng 4/2020, Heineken Việt Nam đã tung ra sản phẩm Bia Việt; tháng 6/2020, sản phẩm Bia Lạc Việt của Sabeco ra mắt, đây là những sản phẩm thuộc phân khúc phổ thông, cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm Bia Hà Nội. Tháng 9/2020, Sabeco tiếp tục tung sản phẩm Saigon Chill thuộc phân khúc cận cao cấp với mục tiêu cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm Hanoi Premium, Hanoi BOLD và Hanoi Light. Carlsberg cũng cho thấy nhưng nỗ lực bằng việc mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm HUDA tại thị trường Miền Bắc...

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:

Năm 2021, Habeco đặt mục tiêu như sau:

- Tiếp tục duy trì vị thế số 1 tại thị trường Miền Bắc và Bắc Miền Trung, nỗ lực vượt qua những khó khăn để đạt mức sản lượng tiêu thụ 280 triệu lít.

- Tái cấu trúc danh mục thương hiệu và sản phẩm để nâng cao thị phần tại các khu vực thị trường.

Trên cơ sở những mục tiêu trên, Habeco dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2021 như sau:

- Tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu: 280 triệu lít, trong đó:
  - Bia các loại: 278,2 triệu lít.
  - Nước uống đóng chai UniAqua: 1,8 triệu lít
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính: 5.391,6 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 319,15 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 255,14 tỷ đồng.
- Cổ tức : 6,5%

(*Biểu số liệu chi tiết kèm theo*)

2. Giải pháp:

2.1 Công tác bán hàng :

- Xây dựng Chiến lược thương hiệu nhằm tập trung khai thác đúng phân khúc thị trường.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác Quy hoạch nhà phân phối.

- Triển khai ứng dụng công nghệ (phần mềm DMS) trong quản lý và tổ chức bán hàng.

- Tăng cường và cải thiện độ phủ và chất lượng độ phủ hàng hóa của Habeco trên toàn Miền Bắc, gia tăng nhanh chóng tại Miền Trung và Miền Nam.

- Triển khai hệ thống E-Commerce và Kênh siêu thị, ưu tiên Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục phát triển thương hiệu, khai thác lợi thế: Thương Hiệu Việt, tính truyền thống, "Gìn Giữ Tinh Hoa Nâng Tầm Vị Thế", "Một Nét Văn Hóa Hà Nội" của thương hiệu Habeco.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, nâng cao năng lực và kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường trong bối cảnh mới.

- Tiếp tục đổi mới, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, hoàn thiện dần các sản phẩm mới (cả về hình thức và chất lượng) để phát triển thành sản phẩm trọng điểm tại từng phân khúc thị trường theo chiến lược phát triển đã đề ra.

2.2. Về công tác tài chính:

- Quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền hiệu quả, đảm bảo đáp ứng vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm của HABECO.

- Quản trị tốt tình hình thực hiện chi phí sản xuất nhằm góp phần gia tăng giá trị cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí, dự báo kịp thời kết quả sản xuất kinh doanh từng thời kỳ, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã đề ra.

- Tiếp tục công tác thoái vốn tại những đơn vị đầu tư ngoài ngành.

- Nghiên cứu, khai thác và áp dụng các giải pháp tài chính hỗ trợ các công ty thành viên khó khăn, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và qua đó, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của HABECO.

2.3. Công tác tổ chức, lao động :

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty. Lao động tuyển dụng tăng chủ yếu sẽ là lao động kỹ thuật công nghệ

trong các dây chuyền chiết, lao động phục vụ công tác phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, truyền thông.

- Tiếp tục triển chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nhiều biến động.

2.4. Công tác chất lượng, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật công nghệ

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để giảm chi phí sản xuất, chi phí và áp lực xả thải ra môi trường cho trên toàn hệ thống sau khi đã thử nghiệm thành công tại Tổng công ty.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng bia, giảm giá thành sản xuất.

- Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ kỹ thuật tại các đơn vị thành viên trong công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

- Cải tiến liên tục, nâng cao hiệu quả và chất lượng phần mềm quản lý hệ thống ISO, hướng đến tích hợp với các phần mềm của các bộ phận khác tại Tổng công ty nhằm tối ưu hóa việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (xây dựng các phần mềm chuyên biệt, đặc thù) vào việc quản lý chất lượng, quản lý sản xuất.

- Xây dựng các chương trình thúc đẩy thêm các sáng kiến ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn, hoạt động sản xuất, nhằm nâng cao tính sáng tạo của người lao động hơn.

- Nghiên cứu phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu chuyên sâu, khai thác các thiết bị phân tích hiện đại để đánh giá sâu hơn chất lượng bia cả về hóa lý, vi sinh, cảm quan.

- Nâng cao kỹ năng cảm quan của cả hệ thống, sử dụng công cụ cảm quan một cách hữu hiệu trong việc xác định các nguy cơ về công nghệ, thiết bị trong việc kiểm soát quá trình.

2.5. Công tác đầu tư, sửa chữa :

- Xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư hệ thống lọc bia, nâng cao năng lực chiết rót, đóng gói sản phẩm, bổ sung bồn chứa lên men... để tăng năng suất, hiệu suất của dây chuyền.

- Cải tạo dây chuyền chiết bia để đa dạng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu của thị trường và hệ thống kho chứa hàng để đảm bảo chất lượng hàng hóa lưu kho.

- Triển khai Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO và triển khai bổ sung phân hệ quản lý sản xuất, quản lý chất lượng trên hệ thống SAP ERP HABECO.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch

sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến để hoạt động của Ban điều hành được hiệu quả hơn.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0101376672 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Ngô Quế Lâm

Nơi nhận:
- Như trên;
- TVHĐQT, Ban KS;
- VP HĐQT;
- Các phòng: TCKT, TCNS, MKT;
- Lưu: VTh, KH.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
183 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 84-024 3845 3843/3846 3378 Fax: 84-024 37223784

HABECO Est.1890

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2021

(Kèm theo báo cáo của Tổng Giám đốc tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	TH 20/KH 20	KH 21/ TH 20
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=3/2
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	1000 lít	225.000	317.023	280.000	140,90	88,32
2	Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ	1000 lít	225.000	309.926	280.000	137,74	90,34
3	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Triệu đồng	4.238.831	5.893.883	5.391.639	139,05	91,48
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.434.599	1.599.989	1.528.519	111,53	95,53
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	313.051	708.834	319.150	226,43	45,02
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	247.988	625.348	255.145	252,17	40,80
7	Cổ tức	%	6,0	15,5	6,5	258,33	41,94

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ("HABECO") xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") trong năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 như sau:

I. Báo cáo về tình hình hoạt động năm 2020

1. Tình hình chung:

Theo báo cáo của Công ty Nielsen Việt Nam, năm 2020, thị trường bia Việt Nam dưới tác động kép của dịch bệnh Covid 19 và Nghị định 100 đã chịu sự sụt giảm lớn so với năm 2019, trong đó, sản lượng tiêu thụ của HABECO và Sabeco có mức giảm tương đương nhau.

Tại khu vực Miền Bắc và Bắc Trung Bộ là thị trường chính của Habeco, ngành bia có sự suy giảm mạnh hơn so với các khu vực thị trường khác. Mặc dù phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đến từ các thương hiệu bia quốc tế cũng như địa phương, HABECO vẫn giữ vững vị trí là nhà sản xuất dẫn đầu tại thị trường này. Sau thời gian giãn cách xã hội trong quý 1/2020 và đầu quý 2/2020, HABECO đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong 3 tháng liên tiếp vào mùa vụ hè và hết năm 2020, HABECO đã được ghi nhận đạt mức 38,5% thị phần về sản lượng.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh 2020:

Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt: 309,9 triệu lít.

Trong đó:

Tiêu thụ bia các loại đạt: 307,8 triệu lít.

Tiêu thụ nước uống đóng chai Uniaqua đạt: 2,1 triệu lít.

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 5.893,8 tỷ đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 708,8 tỷ đồng, tăng 126,4% so với kế hoạch.

Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 625,3 tỷ đồng, tăng 152,2% so với kế hoạch.

3. Hoạt động chính của HĐQT trong năm 2020

Trong năm 2020, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống HABECO, HĐQT thường xuyên theo dõi, kiểm tra và giám sát chỉ đạo Ban điều hành, theo sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") để tổ chức thực hiện với tinh thần tích cực, cẩn trọng.

Để thực hiện và hoàn thành Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT ban hành 25 Nghị quyết, trong đó 18 Nghị quyết thông qua các phiên họp trực tiếp của HĐQT và 07 Nghị quyết thông qua việc xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Đối với các nghị quyết của HĐQT đã được thông qua, hàng tháng đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả trong từng phiên họp HĐQT.

Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2020 thông qua các vấn đề chính sau:

3.1. Về hoạt động kinh doanh

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO như:

- Thống nhất với Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 xem xét thông qua.

- Thông qua chính sách trả chậm tiền hàng đối với Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.

- Thống nhất hoàn nhập chi phí dự phòng về khoản phạt phát sinh đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

- Thống nhất danh mục ngành nghề kinh doanh bổ sung và nội dung sửa đổi Điều lệ trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.

- Thống nhất về định mức nguyên vật liệu, hóa chất cho sản phẩm bia hơi HN, Bia lon Hà Nội nhãn đỏ, bia chai Hà Nội nhãn đỏ, Bia chai/lon Hanoi Beer Premium, bia chai/lon Trúc Bạch, bia chai/lon Hà Nội nhãn xanh.

- Thống nhất phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn thoái vốn của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu Nước giải khát Hà Nội tại Công ty cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội.

- Phê duyệt kế hoạch mua sắm trang thiết bị theo nội dung đề xuất của Văn phòng Hội đồng quản trị...

3.2. Về tổ chức - lao động

- Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng HABECO.

- Phê duyệt và ban hành Quy định phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Habeco.

- Bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc HABECO.

- Thống nhất nội dung về Danh sách nhân sự đại diện phần vốn, giới thiệu tham gia HĐQT và nhân sự Kiểm soát viên của HABECO tham gia Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp khác.

- Thống nhất các nội dung về phương án sắp xếp, bố trí lao động năm 2020 do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid-19.

- Thống nhất kiện toàn nhân sự đại diện phần vốn, kiểm soát viên của Habeco tại các doanh nghiệp khác.

- Thống nhất kết quả đánh giá Người đại diện vốn và Kiểm soát viên của Habeco tại doanh nghiệp khác năm 2019.

- Bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Người phụ trách quản trị HABECO.

- Phê duyệt rà soát, sửa đổi định mức, định biên lao động và chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, Nhà máy.

- Thống nhất kế hoạch lao động năm 2020.

- Thống nhất quyết toán tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch tiền lương, tiền thưởng năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc.

- Thống nhất về các chỉ tiêu tiền lương năm 2020 của HABECO...

3.3. Về ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Trong năm 2020, HABECO đã thực hiện rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định nội bộ sau:

- Quy chế sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số trên Hệ thống văn bản điện tử của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội;

- Quy chế dân chủ.

- Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi.

- Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

- Quy chế trả thu nhập.

3.4. Về hoạt động của các công ty thành viên.

HABECO hiện có 26 công ty thành viên, trong đó, có 16 công ty chiếm tỷ lệ sở hữu trên 50% vốn điều lệ; 06 công ty có tỷ lệ sở hữu từ 20% đến dưới 50% vốn điều

lệ và 04 Công ty có tỷ lệ sở hữu dưới 20% vốn điều lệ. Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động của công ty thành viên thông qua cử người đại diện vốn tham gia vào HĐQT, Ban điều hành của các công ty. Người đại diện vốn của HABECO tại các công ty thành viên thực hiện đúng chế độ thông tin, báo cáo, xin ý kiến HĐQT Tổng công ty về các nội dung tham gia biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện phê duyệt chủ trương kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm chức danh Giám đốc, Kế toán trưởng.. của một số công ty thành viên.

3.5. Về hoạt động đầu tư.

- Thống nhất chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm bia hơi đóng chai PET.
- Thống nhất chủ trương đầu tư Hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV HABECO.
- Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư Hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco.
- Phê duyệt chủ trương đầu tư "*Dự án Đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại các công ty thương mại*".
- Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về chủ trương đầu tư trang thiết bị để sản xuất sản phẩm bia hơi loại keg 2 lít.

4. Kết quả giám sát và hỗ trợ của HĐQT đối với Ban điều hành

HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

- Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO;
- Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu

tư;

- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của HABECO.

6. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác

Các phòng, ban, đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Cán bộ quản lý làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành.

7. Báo cáo về hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

7.1. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Trần Đình Thanh:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO;

- Luôn tích cực chỉ đạo, sát sao trong công tác điều hành nhằm hạn chế tối đa tác động của đại dịch COVID, Nghị định 100/2019/NĐ-CP đến tình hình sản xuất kinh doanh của HABECO;

- Nỗ lực trong công tác chỉ đạo điều hành, phối hợp với Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn suy giảm và tạo tiền đề cho sự phát triển và giữ vững thị phần của HABECO, có sự tăng trưởng trong những năm tiếp theo;

- Xây dựng cũng như hoàn thiện các Quy chế, Quy định của HABECO, chỉ đạo các công việc liên quan đến công ty thành viên.

7.2. Đối với thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Ông Ngô Quế Lâm:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO;

- Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư;

- Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty mẹ theo quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của HABECO;

- Đã cùng Hội đồng quản trị và Ban điều hành nỗ lực trong công tác chỉ đạo điều hành, triển khai các giải pháp đồng bộ để hạn chế tác động của đại dịch COVID, Nghị định 100/2019/NĐ-CP nhằm chặn đà suy giảm và tạo tiền đề để giữ thị phần, có sự tăng trưởng trong những năm tiếp theo;

- Luôn chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, triển khai các công việc để ổn

định tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;

- Cùng với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng Công ty, qua các cuộc họp luôn quyết liệt chỉ đạo việc triển khai dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

7.3. Đối với thành viên HĐQT - Ông Bùi Hữu Quang:

Trong năm 2020, Ông Bùi Hữu Quang đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nghĩa vụ của thành viên HĐQT, làm tốt vai trò là đầu mối trong quan hệ và báo cáo hoạt động, tình hình của HABECO với cổ đông chiến lược Carlsberg Breweries A/S;

Cùng với các thành viên HĐQT khác, Ông Bùi Hữu Quang đã có đóng góp, đưa ra đề xuất về việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Habeco;

7.4. Đối với thành viên HĐQT - Ông Vũ Xuân Dũng:

Trong năm 2020, Ông Vũ Xuân Dũng luôn làm tốt các trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của Habeco.

Ngoài ra, trong năm 2020, trước tác động của đại dịch COVID, ảnh hưởng của Nghị định 100/2019/NĐ-CP, Ông Vũ Xuân Dũng đã cùng các thành viên khác trong HĐQT Tổng công ty đưa ra các giải pháp, chỉ đạo điều hành, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, Ông Vũ Xuân Dũng cũng có nhiều đóng góp trong công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kỹ thuật, chất lượng, sản xuất của Tổng công ty, công tác xây dựng các định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật ... góp phần đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;

7.5. Đối với thành viên HĐQT – Ông Trần Thuận An:

Trong năm 2020, Ông Trần Thuận An đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của Habeco.

Cùng các thành viên HĐQT khác, Ông Trần Thuận An đã nhiều đóng góp trong công tác quản trị doanh nghiệp, công tác xây dựng chiến lược, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing của Tổng công ty nhằm xây dựng, bảo vệ, phát triển và khai thác có hiệu quả thương hiệu HABECO.

7.6. Đối với thành viên độc lập – Bà Quản Lê Hà

Trong năm 2020, Bà Quản Lê Hà đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của Habeco. Cùng với các thành viên HĐQT khác,

Bà Quản Lê Hà đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị HABECO.

8. Báo cáo về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị đã chi trong năm 2020:

STT	Họ và tên	Thời gian đảm nhiệm trong năm 2020	Chức danh	Số tiền (đồng)
1	Trần Đình Thanh	Từ ngày 01/01/2020 đến hết 31/12/2020	Chủ tịch HĐQT	771.000.000
2	Ngô Quế Lâm	Từ ngày 01/01/2020 đến hết 31/12/2020	TV.HĐQT	98.800.000
3	Bùi Hữu Quang	Từ ngày 22/01/2020 đến hết 31/12/2020	TV.HĐQT	-
4	Vũ Xuân Dũng	Từ ngày 01/01/2020 đến hết 31/12/2020	TV.HĐQT	98.800.000
5	Trần Thuận An	Từ ngày 01/01/2020 đến hết 31/12/2020	TV.HĐQT	96.070.000
6	Quản Lê Hà	Từ ngày 22/01/2020 đến hết 31/12/2020	TV độc lập	-
7	Stefano Clini	Từ 01/01/2020 đến 22/01/2020	TV.HĐQT	-
Tổng cộng				**1.064.670.000**

9. Báo cáo về tình hình thực hiện thoái vốn tại công ty thành viên có kết quả kinh doanh thua lỗ và thoái vốn đầu tư ngoài ngành:

9.1. Về tình hình thực hiện thoái vốn tại công ty thành viên có kết quả kinh doanh thua lỗ:

Trước kết quả kinh doanh thua lỗ, tình hình tài chính của Halico đang tiềm ẩn rủi ro cao, từ năm 2018, HABECO đã tiến hành các công việc cần thiết để thoái toàn bộ vốn cổ phần tại Halico và mong muốn được thực hiện chào bán cổ phần tại Halico cho các nhà đầu tư khác. HABECO đã xây dựng các phương thức thoái vốn, tuy nhiên các phương thức đều đang gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Nguyên nhân là do kết quả kinh doanh thua lỗ, Halico không đáp ứng được các điều kiện về chào bán theo phương thức đấu giá công khai theo quy định tại Luật Chứng khoán, đồng thời biên độ giá giao dịch và tính thanh khoản của cổ phiếu Halico trên thị trường ở mức rất thấp, do đó chưa thực hiện được việc chào bán thông qua hình thức giao dịch

khớp lệnh trên sàn tại thời điểm hiện tại. HABECO đã phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn, cập nhật tiến độ cũng như các vướng mắc khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện để báo cáo, đề xuất xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương.

Trong năm 2020, HABECO đã có các văn bản báo cáo xin ý kiến chỉ đạo:

- Báo cáo, đề xuất Bộ Công Thương xem xét báo cáo Chính phủ cho phép HABECO thuộc đối tượng áp dụng của Luật số 69/2014/QH13 về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 để được loại trừ các điều kiện về chào bán chứng khoán ra công chúng khi thực hiện chào bán cổ phần sở hữu tại doanh nghiệp khác, ngay cả khi doanh nghiệp đó đang có lỗ lũy kế, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước.

- Báo cáo, đề xuất Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cho phép HABECO được chào bán cổ phần theo phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán để đảm bảo tính công khai, minh bạch, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước trong quá trình thoái vốn của HABECO tại doanh nghiệp.

- Báo cáo đề xuất Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính xem xét cho ý kiến hướng dẫn để HABECO được chào bán cổ phần tại Halico theo phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán.

Đồng thời, HABECO đã tổ chức đấu thầu lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thẩm định giá và đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn. Trong năm 2021, HABECO sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn cập nhật các văn bản mới của Nhà nước quy định về việc thoái vốn, để xây dựng phương án thoái vốn tại Halico, thực hiện báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương trước khi thực hiện, đảm bảo công tác thoái vốn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

9.2. Về việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành:

Hiện nay, HABECO còn có vốn góp đầu tư tại 05 công ty hoạt động ngoài ngành, bao gồm 03 công ty trong hoạt động trong lĩnh vực bất động sản (Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại; Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Habeco), 01 công ty đào tạo (Trường đại học Công nghiệp Vinh) và 01 công ty hoạt động kinh doanh tổng hợp (Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam). Trong các đơn vị nêu trên, ngoại trừ Công ty cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại có hiệu quả kinh doanh tốt, các công ty còn lại có kết quả kinh doanh kém hiệu quả.

Công tác thoái vốn đầu tư ngoài ngành của HABECO trong những năm vừa qua đang gặp khó khăn, vướng mắc như sau:

- Đối với các công ty chưa phải là công ty đại chúng, không đủ điều kiện đăng ký giao dịch, niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và có kết quả kinh doanh thua lỗ như CTCP Bất động sản Lilama,Trường ĐH Công Nghiệp Vinh, CTCP Đầu tư phát triển Habeco: Trong giai đoạn vừa qua, Nhà nước chưa có văn bản hướng dẫn phương thức chào bán cổ phần thông qua đấu giá đối với các công ty chưa phải công ty đại chúng. Đồng thời việc chuyển nhượng vốn có thể được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển nhượng, tuy nhiên, do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị này kém hiệu quả, gây khó khăn trong việc tìm đối tác chuyển nhượng cổ phần.

- Đối với Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên Upcom nhưng có kết quả kinh doanh thua lỗ và có lỗ lũy kế việc thoái vốn tại đơn vị này cũng gặp những khó khăn, vướng mắc tương tự như trường hợp thoái vốn tại Halico.

Trong năm 2021, HABECO sẽ nghiên cứu, cập nhật các quy định mới tại, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản của Nhà nước quy định về việc thoái vốn, để xây dựng phương án thoái vốn, thực hiện báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương trước khi thực hiện, đảm bảo công tác thoái vốn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

10. Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Hiện nay, Tổng công ty có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Bà Quản Lê Hà. Về hoạt động của Hội đồng quản trị HABECO năm 2020, Thành viên độc lập có đánh giá như sau:

Năm 2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội đã hoạt động tích cực, hiệu quả, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành. Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của mình với tinh thần chủ động, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty. Đặc biệt, HĐQT HABECO đã có nhiều nỗ lực cùng Ban điều hành chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp nhằm làm giảm tác động của đại dịch Covid và Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019.

II. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức phía trước, năm 2021, HĐQT HABECO đã thống nhất một số chỉ tiêu kinh doanh chính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua như sau:

Kế hoạch các chỉ tiêu chính năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
Tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu:	Triệu lít	280
Trong đó:		
- Bia các loại:	Triệu lít	278,2
- Nước uống đóng chai Uniaqua	Triệu lít	1,8
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Tỷ đồng	5.391,6
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	319,15
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	255,14
Cổ tức	%	6,5

Để triển khai kế hoạch kinh doanh của HABECO, HĐQT đề ra các biện pháp chỉ đạo điều hành linh hoạt, hiệu quả, quyết liệt hơn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

1. Công tác quản trị:

- Nâng cao chất lượng quản trị, áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh của HABECO, đạt được tín nhiệm của cổ đông và các nhà đầu tư.

- Cập nhật các hình thức quản trị hiện đại, phù hợp với môi trường kinh doanh quốc tế cho cán bộ lãnh đạo cao cấp và trung cấp. Tham gia tích cực các chương trình nâng cao nghiệp vụ quản trị hàng năm dành cho các cấp Lãnh đạo do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức uy tín tổ chức.

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ và các Quy chế nội bộ của HABECO; nâng cao năng lực quản trị, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của HABECO và các Công ty thành viên.

- Chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021; tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt một số nhiệm vụ

quan trọng.

- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội, thoái vốn đầu tư ngoài ngành.

2. Công tác tổ chức sản xuất kinh doanh:

- Đổi mới, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, hoàn thiện dần các sản phẩm mới; xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng bia, giảm giá thành sản xuất; thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ kỹ thuật tại các đơn vị thành viên.

- Cải tiến liên tục, nâng cao hiệu quả và chất lượng phần mềm quản lý hệ thống, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất, nâng cao kỹ năng cảm quan của cả hệ thống....

3. Công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu:

- Xây dựng chiến lược thương hiệu nhằm tập trung khai thác đúng phân khúc thị trường;

- Tăng cường và cải thiện độ phủ và chất lượng độ phủ hàng hóa của HABECO trên toàn Miền Bắc, gia tăng nhanh chóng tại Miền Trung và Miền Nam.

4. Công tác đầu tư:

- Xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư hệ thống lọc bia, nâng cao năng lực chiết rót, đóng gói sản phẩm, bổ sung bồn chứa lên men..;

- Cải tạo dây chuyền chiết bia;

- Thực hiện triển khai Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO...

5. Nguồn nhân lực:

- Hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành;

- Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty;

- Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nhiều biến động..

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của HĐQT HABECO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và góp ý kiến để hoạt động của HĐQT ngày càng hiệu quả hơn, góp phần cho sự phát triển ổn định và bền vững của HABECO.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0101376676 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Trần Đình Thanh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

HABECO Est.1890

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu – Nước giải khát Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội,

Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên ("ĐHĐCĐ") kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của HABECO trong năm 2020 như sau:

I. Về hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội trong năm 2020:

1. Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát:

- Bà Chử Thị Thu Trang: Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Trần Minh Tuấn: Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Thiều Hồng Nhung: Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 22/01/2020
- Ông Bùi hữu Quang: Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 22/01/2020.

2. Các nội dung hoạt động trọng tâm:

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 05 lần với sự tham gia đầy đủ của các Kiểm soát viên. Nội dung:

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát;
- Thông qua dự thảo nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ;
- Thảo luận và thống nhất ý kiến đóng góp tại các cuộc họp lớn;

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.

- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật như nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT với người lao động và các nghĩa vụ khác.

- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo quy định tại Quyết định số 1885/QĐ-BCT ngày 17/5/2016 của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty và các Văn bản pháp luật có liên quan để trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

- Tham gia các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp cần thiết của Ban điều hành.

II/ Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020:

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được lập bởi Ban Tổng Giám đốc và đã được Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán, các số liệu tài chính tóm tắt như sau:

Đvt: VNĐ

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng	Báo cáo tài chính hợp nhất
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.752.999.224.178	4.500.763.443.175
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	565.088.789.837	818.705.165.651
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.172.511.000.000	2.386.211.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	453.391.195.293	384.457.518.077
IV. Hàng tồn kho	257.293.774.523	597.223.915.582
V.Tài sản ngắn hạn khác	304.714.464.525	314.165.843.865
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.449.357.666.576	3.183.319.157.800
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	10.000.000
II.Tài sản cố định	1.053.330.956.477	2.556.020.619.257
III. Bất động sản đầu tư	-	5.887.518.056
IV. Tài sản dở dang dài hạn	28.318.642.195	47.359.180.340
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.261.645.289.806	265.201.627.502

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng	Báo cáo tài chính hợp nhất
VI. Tài sản dài hạn khác	106.062.778.098	308.840.212.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.202.356.890.754	7.684.082.600.975
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.360.605.295.877	1.948.544.585.402
I. Nợ ngắn hạn	1.225.076.046.627	1.746.185.904.092
II. Nợ dài hạn	135.529.249.250	202.358.681.310
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.841.751.594.877	5.735.538.015.573
I. Vốn chủ sở hữu	4.841.751.594.877	5.733.808.658.790
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	1.729.356.783
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.202.356.890.754	7.684.082.600.975
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.474.207.925.013	7.514.370.576.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.264.244.209	61.778.467.162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.472.943.680.804	7.452.592.109.444
4. Giá vốn hàng bán	4.260.374.728.859	5.473.064.507.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.212.568.951.945	1.979.527.601.546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	156.871.929.618	120.704.137.745
7. Chi phí tài chính	(5.129.656.992)	24.321.027.003
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	(821.338.393)
9. Chi phí bán hàng	677.678.844.207	1.074.390.462.145
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	273.203.384.467	515.589.422.823
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	423.688.309.881	485.109.488.927
12. Thu nhập khác	289.477.424.389	299.215.281.908
13. Chi phí khác	4.332.197.334	17.077.447.662
14. Lợi nhuận khác	285.145.227.055	282.137.834.246
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	708.833.536.936	767.247.323.173
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	83.485.851.389	110.304.477.699
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(3.645.894.662)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	625.347.685.547	660.588.740.136

1. Kết quả kinh doanh và một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty mẹ (theo số liệu Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ)

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 5.474,2 tỷ đồng, bằng 77,24% so với năm 2019.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 708,8 tỷ đồng, bằng 115,6 % so với năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 625,3 tỷ đồng, bằng 124,6 % so với năm 2019.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt: 12,92%.
- Tỷ suất lợ nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt: 10,09%
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 0,28 lần
- Hệ số bảo toàn vốn: 1
- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát: 4,56 lần.

Các chỉ tiêu về tài chính nêu trên cho thấy Công ty mẹ - HABECO có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp an toàn, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thấp thể hiện khả năng tự chủ về tài chính của doanh nghiệp tốt.

2. Kết quả kinh doanh theo số liệu hợp nhất:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 7.514,4 tỷ đồng, bằng 79,9% so với năm 2019.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 767,2 tỷ đồng, bằng 114,6% so với năm 2019.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 660,6 tỷ đồng, bằng 126,3% so với năm 2019.

Toàn Tổng công ty năm 2020 có 13 trên tổng số 16 công ty con có kết quả sản xuất kinh doanh có lãi, 3 công ty con có kết quả kinh doanh lỗ.

III/ Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

Hội đồng quản trị HABECO ("HĐQT") đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất trong các thành viên. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 18 phiên họp, ban hành 18 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 7 Nghị quyết thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT HABECO.

Năm 2020, HABECO tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, từng bước sắp xếp điều chỉnh, đề bạt bổ nhiệm một số cán bộ, lãnh đạo tại Công ty mẹ và một số Công ty thành viên.

Việc thực hiện các chỉ tiêu ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đề ra, cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 309,9 triệu lít, tăng 37,7% so với kế hoạch, trong đó:

✓ Tiêu thụ bia các loại đạt 307,8 triệu lít, tăng 37,9% so với kế hoạch.

✓ Tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua đạt 2,1 triệu lít, tăng 10,4% so với kế hoạch.

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính đạt 5.893,8 tỷ đồng, tăng 39% so với kế hoạch.

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 708,8 tỷ đồng, tăng 126,4% so với kế hoạch.

- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 625,3 tỷ đồng, tăng 152,2% so với kế hoạch.

- Mức cổ tức năm 2020 dự kiến: 15,5%

IV/ Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Cổ đông.

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của HABECO cũng như các quy chế, quy định trong hệ thống quy chế quản lý nội bộ HABECO để triển khai công tác giám sát.

Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành HABECO tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT, tham gia một số cuộc họp của Ban điều hành.

Ban kiểm soát giữ vững mối quan hệ chặt chẽ với các cổ đông, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HABECO theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

VI/ Ý kiến của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát ghi nhận về tính đầy đủ, rõ ràng của số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Báo cáo tài chính của HABECO đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định hiện hành.

Kiến nghị đề xuất:

- Năm 2021 được xác định là năm tiếp tục khó khăn đối với tình hình sản xuất kinh doanh của HABECO, do Luật phòng chống tác hại của rượu bia, Nghị định 100/2019/NĐ, cùng với tác động từ đại dịch Covid - 19 đã gây tác động nghiêm trọng đến các ngành kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh dịch vụ, ăn uống. Trước nhưng biến động lớn của môi trường kinh doanh, HABECO cần có chiến lược tổng thể để điều chỉnh, tái cấu trúc lại toàn Tổng công ty gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên, định hướng kinh doanh, sản phẩm, vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh việc đào tạo các cán bộ cao cấp từ nội bộ Tổng công ty để có nguồn lực cấp trung cơ bản, lâu dài cho Tổng công ty và các Công ty thành viên.

- Nghiên cứu và thực hiện tái cơ cấu vốn tại các Công ty thành viên.

- Đề nghị phân tích, đánh giá hiệu quả về sản lượng, mặt hàng, doanh thu và lợi nhuận sau khi triển khai các chiến dịch quảng cáo và chương trình bán hàng, hướng đến việc giữ và phát triển thị phần.

- Đề nghị đánh giá tổng kết sau 3 năm hệ thống các công ty thương mại và các giải pháp tiếp theo đảm bảo hiệu quả.

- Đề nghị Tổng công ty tiếp tục triển khai thực hiện thoái vốn tại các công ty đầu tư ngoài ngành theo chủ trương đã được Bộ Công Thương phê duyệt.

- Đối với các công ty thành viên có kết quả sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, phát sinh lỗ và còn lỗ lũy kế, Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty thông qua Người đại diện vốn, kiểm soát viên tại đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sắp xếp và tinh giảm lao động nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

- Đối với việc thu hồi công nợ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An, tổng công nợ phải thu đối với Công ty cổ phần Tổng công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào tại thời điểm 31/12/2020 là 40,46 tỷ đồng. Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty tiếp tục đôn đốc yêu cầu Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An tích cực và quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ.

- Đối với Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội ("Halico"), lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 444,61 tỷ đồng gấp hơn 2 lần vốn điều lệ. Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty phối hợp với đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ xây dựng phương án thoái vốn tại Halico trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty, phối hợp với HĐQT Công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ tình hình kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm tối đa

chi phí, quản lý tình hình tài chính của Công ty nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo để chấn chỉnh hoạt động quản lý.

VII/ Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của các Kiểm soát viên.

1. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ Tổ chức, hoạt động của Tổng công ty, với kết quả hoạt động như đã nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã làm tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản trị và điều hành Tổng công ty.

- Đã hoàn thành tốt việc thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm và 6 tháng của Tổng công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có tham gia đề xuất, kiến nghị với HĐQT sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định để kịp thời cập nhật các quy định mới nhằm thống nhất, đồng bộ và tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát đã tổ chức các phiên họp định kỳ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức, hoạt động của Tổng công ty. Để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh, ngoài các cuộc họp trực tiếp, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến các Kiểm soát viên qua thư điện tử.

- Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định. Các quyết định của Ban kiểm soát đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên:

Trên cơ sở Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát, Bản phân công nhiệm vụ đối với các Kiểm soát viên, các Kiểm soát viên đều đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Các Kiểm soát viên tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động và các cuộc họp của Ban kiểm soát với tinh thần trách nhiệm, tích cực đóng góp các ý kiến xây dựng.

Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động đối với từng Kiểm soát viên như sau:

2.1. Đối với Trưởng Ban kiểm soát - Bà Chử Thị Thu Trang:

- Thực hiện tốt việc tổ chức chỉ đạo và điều hành hoạt động của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.

- Lập chương trình và tổ chức triển khai công tác kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành và chấp hành pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, các quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Xem xét, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, phân chia cổ tức và trích lập các quỹ.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT và cuộc họp Ban Tổng giám đốc theo quy định.

- Phối hợp cùng các Kiểm soát viên thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm và 6 tháng của Tổng công ty. Tham gia công tác soát xét, chấp thuận báo cáo tài chính của các Công ty thành viên.

- Chủ trì việc soạn thảo và báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên của Tổng công ty về kết quả hoạt động và kế hoạch nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

2.2. Đối với Kiểm soát viên - Ông Trần Minh Tuấn:

Thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công của Ban kiểm soát, bao gồm:

- Phối hợp xem xét, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc.

- Soát xét các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành và thực hiện theo đúng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

- Phối hợp cùng các Kiểm soát viên thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm và 6 tháng của Tổng công ty. Tham gia công tác soát xét, chấp thuận báo cáo tài chính của các Công ty thành viên.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT theo quy định.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát.

2.3. Đối với Kiểm soát viên - Bà Thiều Hồng Nhung:

Thực hiện tốt các nhiệm vụ theo sự phân công của Ban kiểm soát, bao gồm:

- Phối hợp cùng các Kiểm soát viên thực hiện thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm và 6 tháng của Tổng công ty.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT theo quy định.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát.

VIII/ Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Thẩm định báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát sẽ thuê tư vấn độc lập hoặc phối hợp, điều động nhân sự kiểm toán nội bộ của Tổng công ty (khi cần thiết) để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc theo chuyên đề khi có phát sinh.

Báo cáo này đã được tất cả các Kiểm soát viên nhất trí thông qua, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các phòng chức năng, các đơn vị thành viên và các Quý vị cổ đông đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao.

Xin kính chúc sức khỏe đến các Quý vị đại biểu và Quý cổ đông tham dự đại hội./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Chử Thị Thu Trang

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty

(Năm 2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ("HABECO") xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình quản trị công ty trong năm 2020 như sau:

Tên công ty:	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	024.38453843
Fax:	024 37223784
Email:	*contact@habeco.com.vn*
Vốn điều lệ:	2.318.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai nghìn, ba trăm mười tám tỷ đồng)*
Mã chứng khoán:	BHN
Mô hình quản trị công ty:	Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ-HABECO	22/01/2020	- Thống nhất miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội đối với Ông Stefano Clini;

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			- Thống nhất miễn nhiệm Kiểm soát viên Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội đối với Ông Bùi Hữu Quang; - Thống nhất bầu Ông Bùi Hữu Quang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội, nhiệm kỳ 2018 - 2023; - Thống nhất bầu Bà Quản Lê Hà là thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội, nhiệm kỳ 2020-2025; - Thống nhất bầu Bà Thiều Hồng Nhung là Kiểm soát viên của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 -2025; - Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội.
2	20/NQ-ĐHĐCĐ-HABECO	30/06/2020	- Thông qua Báo cáo của Ban điều hành đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020. - Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 và định hướng năm 2020. - Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch 2020. - ĐHĐCĐ thông qua việc lấy ý kiến của cổ đông sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Công Thương về Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. - Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. - Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2019; mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. - Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			ty kiểm toán có uy tín trong danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2020 của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. - Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội về ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với sự thay đổi.

II. Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT	28/6/2018	
2	Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên HĐQT	28/6/2018	
3	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	06/9/2019	
4	Ông Trần Thuận An	Thành viên HĐQT	06/9/2019	
5	Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên HĐQT	22/01/2020	
6	Bà Quản Lê Hà	Thành viên độc lập	22/01/2020	
7	Ông Stefano Clini	Thành viên HĐQT	28/6/2018	22/01/2020

2. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Đình Thanh	18/18	100%	
2	Ông Ngô Quế Lâm	18/18	100%	
3	Ông Vũ Xuân Dũng	18/18	100%	
4	Ông Trần Thuận An	18/18	100%	
5	Ông Bùi Hữu Quang	16/18	89%	-Được bổ nhiệm từ 22/01/2020. -Có lý do chính đáng báo trước.
6	Bà Quản Lê Hà	16/18	89%	-Được bổ nhiệm từ 22/01/2020. -Có lý do chính đáng báo trước.

7	Ông Stefano Clini	0/18	0%	Miễn nhiệm từ 22/01/2020

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định, thông báo của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty theo quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Tổng công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Văn phòng HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	36/NQ-HĐQT-HABECO	8/01/2020	- Thông qua Tờ trình của Tổng Giám đốc về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng HABECO. - Thống nhất đánh giá các Phó Tổng Giám đốc và Phụ trách Kế toán năm 2019.	100%
2	02/NQ-HĐQT-HABECO	21/02/2020	- Thống nhất với báo cáo về tình hình thị trường thực tế. Giao Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo, theo dõi diễn biến thị trường để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đảm bảo tính khả thi khi thực hiện. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt chủ trương bổ sung 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh của Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt rà soát, bổ sung Danh sách quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại Công ty con giai đoạn 2019 – 2021. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Kim Bài và Công ty cổ phần Bia Hà Nội -Thái Bình.	100%

			- Thống nhất cơ cấu, nhiệm vụ của Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành các Dự án theo thông báo của Chủ tịch HĐQT; - Phê duyệt và ban hành Quy định phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Habeco. - Thống nhất về thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội; - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện vốn tại CTCP Cồn Rượu Hà Nội về sửa đổi Quy chế quản lý tài chính và thay đổi tên Công ty. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung văn bản của Người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội. - Đối với Tờ trình của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy chế sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số trên Hệ thống văn bản điện tử của Tổng công ty, HĐQT thống nhất thông báo cho Bộ phận đại diện phần vốn Nhà nước báo cáo xin ý kiến của Bộ Công Thương. HĐQT sẽ xem xét phê duyệt và ban hành Quy chế sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số trên Hệ thống văn bản điện tử của Tổng công ty sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương. - Ý kiến chỉ đạo HĐQT đối với đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư "*Dự án Đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại các công ty thương mại*". - Giao Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội tại doanh nghiệp khác có ý kiến với Hội đồng quản trị Công ty về các vấn đề thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và hồ sơ họp ĐHĐCĐ	

			thường niên năm 2020.	
3	04/NQ-HĐQT-HABECO	12/03/2020	Đồng ý với ý kiến của Người đại diện phần vốn của Habeco tại Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại theo văn bản ngày 02/03/2020 về việc chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 2020 của Công ty cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại.	100%
4	05/NQ-HĐQT-HABECO	20/03/2020	- Phê duyệt và ban hành "*Quy chế sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số trên Hệ thống văn bản điện tử của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội*"; - Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương theo đề nghị của Bộ phận quản lý vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Dương.	100%
5	06/NQ-HĐQT-HABECO	30/03/2020	- Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về chính sách trả chậm tiền hàng đối với Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO. - Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần HABECO-Hải Phòng.	100%
6	07/NQ-HĐQT-HABECO	15/04/2020	- Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc HABECO kể từ ngày 20/04/2020. - Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt Quy chế quản lý cán bộ của Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.	100%
7	09/NQ-HĐQT-HABECO	20/04/2020	Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính Quý I năm 2020.	100%
8	10/NQ-HĐQT-HABECO	22/04/2020	- Thống nhất lùi thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. - Thống nhất thời gian cụ thể họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.	100%

			Căn cứ văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tình hình thực tế của Tổng công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định tổ chức vào thời gian thích hợp, tuy nhiên, không vượt quá thời hạn nêu trên.	
9	11/NQ-HĐQT-HABECO	28/04/2020	Thống nhất nội dung đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình về Danh sách nhân sự đại diện phần vốn, giới thiệu tham gia HĐQT và nhân sự Kiểm soát viên của HABECO tham gia Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp khác.	100%
10	12/NQ-HĐQT-HABECO	12/05/2020	- Thống nhất nội dung Tờ trình của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO về phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ năm 2019. - Thống nhất các nội dung liên quan đến việc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.	100%
11	14/NQ-HĐQT-HABECO	26/05/2020	Thống nhất các nội dung đề xuất tại Tờ trình của Tổng Giám đốc về phương án sắp xếp, bố trí lao động năm 2020 do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid-19.	100%
12	15/NQ-HĐQT-HABECO	02/06/2020	- Thống nhất chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm bia hơi đóng chai PET theo đề xuất tại Tờ trình Tổng Giám đốc ngày 11/05/2020. - Thống nhất chủ trương đầu tư Hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV HABECO. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về công tác cán bộ của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình. - Thống nhất sửa đổi, bổ sung Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty cổ phần Bia- Rượu- Nước giải khát Hà Nội. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về kiện toàn nhân sự đại diện phần vốn, kiểm soát viên của Habeco tại các doanh nghiệp khác và công tác cán bộ	100%

			tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về chủ trương đầu tư trang thiết bị để sản xuất sản phẩm bia hơi loại keg 2 lít theo đề xuất của Tổng Giám đốc. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về sửa đổi bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội. - Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 221/TTr-TGĐ ngày 01/06/2020 (tỷ lệ thông qua 83%). - Thống nhất danh mục ngành nghề kinh doanh bổ sung và nội dung sửa đổi Điều lệ trình ĐHĐCĐ thường niên 2020. - Ý kiến của HĐQT đối với Người đại diện vốn tại Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng. - Thống nhất chủ trương sản xuất bia hơi Keg 02 lít mang nhãn hiệu HABECO – ID theo ý kiến của Người đại diện vốn tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội - Ý kiến HĐQT đối với tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại, Công ty CP Bia Hà Nội – Nam Định, Công ty CP Bia Hà Nội – Kim Bài, Công ty CP Bia Hà Nội – Thanh Hóa, Công ty CP Bia Hà Nội – Hồng Hà, Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89, Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội, Công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội – Quảng Ninh, Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Bình.	
13	16/NQ-HĐQT-HABECO	15/06/2020	- Thống nhất việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu	100%

			– Nước giải khát Hà Nội vào ngày 30/6/2020. Chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ: Kèm theo. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông theo quy định. - Ý kiến của HĐQT đối với tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty CP Bia Hà Nội – Hải Phòng, Công ty CP Habeco Hải Phòng, Công ty CP Bia Hà Nội –Hải Dương, Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội, Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Bình, Công ty CP Vận tải Habeco.	
14	18/NQ-HĐQT-HABECO	19/06/2020	- Thống nhất với Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 xem xét thông qua. - Thống nhất nội dung văn bản trình ĐHĐCĐ thường niên 2020. - Thống nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 238/TTr-HABECO ngày 15/06/2020. - Thống nhất chủ trương giao Bà Trần Thị Diệp nhiệm vụ Phụ trách Kế toán Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Nam Định. - Ý kiến của HĐQT đối với tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội, Công ty CP Bia Hà Nội – Thái Bình, Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Trị, Công ty CP Bia Hà Nội – Nghệ An; Công ty CP Bao Bì Bia-Rượu-Nước giải khát.	100%
15	19a/NQ-HĐQT-HABECO	26/06/2020	- Ý kiến của HĐQT đối với tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Bao Bì Habeco, Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco. - Thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc về kế hoạch dự toán chi Quỹ An sinh xã hội của Habeco năm 2020.	100%

16	21/NQ-HĐQT-HABECO	30/06/2020	Giao Văn phòng Hội đồng quản trị là đầu mối phối hợp với các Phòng/Ban chức năng để tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội theo quy định tại Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ hiện hành của Tổng Công ty, báo cáo HĐQT Tổng công ty kết quả lựa chọn. Phạm vi dịch vụ kiểm toán, soát xét như sau: - Soát xét các Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho các kỳ kế toán: Từ ngày 01/4/2020 đến 30/6/2020; từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/9/2020; từ ngày 01/10/2020 đến 31/12/2020 của Tổng công ty. - Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2020 và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty. - Soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO.	100%
17	Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT-HABECO	10/7/2020	- Thống nhất Dự thảo Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco. - Thống nhất với đề xuất của Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành về việc phê duyệt thù lao thực hiện thẩm tra quyết toán các dự án của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu Nước giải khát Hà Nội. - Thống nhất kết quả đánh giá Người đại diện vốn và Kiểm soát viên của Habeco tại doanh nghiệp khác năm 2019. - Ý kiến của HĐQT đối với ý kiến của Người đại diện Habeco tại Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội tại văn bản xin ý kiến ngày 29/06/2020.	100%

			- Thống nhất với ý kiến mà Người đại diện vốn của Habeco tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Habeco đã đề xuất tại Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ngày 08/07/2020. - Thống nhất giới thiệu Bà Vũ Thị Ngân, Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty, hiện đang là Người đại diện phần vốn của Habeco, Thành viên HĐQT tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco đảm nhiệm chức vụ Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật thay Ông Phan Ngọc Anh hiện là Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty. - Bổ nhiệm Ông Trần Văn Trung, hiện là Chánh Văn phòng HĐQT-Thư ký HABECO kiêm nhiệm giữ chức vụ Người phụ trách quản trị HABECO nhiệm kỳ 2020-2025.	
18	Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT-HABECO	31/7/2020	- Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Thanh Hóa đối với Ông Lê Nguyên Hùng và quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Hồng Hà đối với Ông Dương Văn Hoan. - Phê duyệt chủ trương cho phép Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco phát hành bảo lãnh thanh toán đối với phần công nợ trả chậm với HABECO theo quy định của Hợp đồng, đảm bảo tối ưu chi phí cũng như khai thác tối đa giá trị gia tăng từ chương trình bảo lãnh, sử dụng hiệu quả hạn mức bảo lãnh thanh toán. - Thống nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt rà soát, sửa đổi định mức, định biên lao động và chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, Nhà máy.	100%
19	Nghị quyết số	31/7/2020	Thống nhất nội dung liên quan đến việc nghỉ hưu của cán bộ và chỉ đạo	100%

	23A/NQ-HĐQT-HABECO		của HĐQT đối với Người đại diện của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Nghệ An.	
20	Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT-HABECO	03/9/2020	- Thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế trả thu nhập của Tổng Công ty. - Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi. - Thống nhất kế hoạch lao động năm 2020. - Thống nhất quyết toán tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch tiền lương, tiền thưởng năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc. - Thống nhất về các chỉ tiêu tiền lương năm 2020 của HABECO. - Thống nhất đánh giá kiểm soát viên năm 2019 tại Habeco Land, LILAMA Land và quyết toán thù lao, tiền thưởng năm 2019 đối với Người đại diện phần vốn, Kiểm soát viên của HABECO thay đổi trong năm 2019. - Thống nhất về định mức nguyên vật liệu, hóa chất cho sản phẩm bia hơi HN, Bia lon Hà Nội nhãn đỏ, bia chai Hà Nội nhãn đỏ, Bia chai/lon Hanoi Beer Premium, bia chai/lon Trúc Bạch, bia chai/lon Hà Nội nhãn xanh. - Thống nhất phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn thoái vốn của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu Nước giải khát Hà Nội tại Công ty cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội. - Giao Người đại diện vốn tại Công ty Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng phối hợp với Bộ phận pháp chế Tổng Công ty xem xét tổng thể các nội dung báo cáo của Người đại diện vốn tại Công ty, nghiên cứu quy định, đề xuất phương án xử lý. - Đồng ý với ý kiến của Nhóm Người đại diện tại Công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội – Quảng Ninh về việc mua sắm xe ô tô và xe nâng 3 tấn.	100%

			- Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Hồng Hà về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 sau ĐHĐCĐ, chủ trương mua bổ sung 01 xe ô tô, bổ sung Danh sách quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Hồng Hà giai đoạn 2020-2021, đăng ký lưu ký cổ phiếu và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, báo cáo HĐQT Tổng công ty kết quả thực hiện. - Giao Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo rà soát Kế hoạch kinh doanh 2020 của Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco và báo cáo HĐQT xem xét phê duyệt. - Phê duyệt quỹ thù lao thực hiện của Chủ tịch, Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco năm 2019. - Đồng ý chủ trương đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải và truyền số liệu quan trắc tự động, liên tục; mua thêm 01 ô tô và sửa đổi Quy chế quản lý tài chính theo ý kiến của Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Thái Bình. - Đồng ý với ý kiến của Nhóm người đại diện vốn tại Công ty CP Bia Hà Nội-Nghệ An ngày 26/8/2020. - Giao Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng có ý kiến với HĐQT Công ty chỉ đạo thực hiện dứt điểm việc thoái vốn sở hữu chéo của Công ty tại Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng, báo cáo HĐQT Tổng công ty kết quả thực hiện. - Giao Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa có ý kiến với HĐQT Công ty chỉ đạo thực hiện dứt điểm việc thoái vốn sở hữu chéo của Công ty tại Cổ phần Bao Bì Bia Rượu Nước giải khát, báo cáo HĐQT Tổng công ty kết quả thực hiện. - Giao Người đại diện vốn của HABECO	

			tại LILAMA Land có ý kiến với HĐQT Công ty về việc tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ và giới thiệu nhân sự của HABECO tham gia Ban Kiểm soát Công ty.	
21	Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT-HABECO	18/9/2020	- Thống nhất với đề xuất của Người đại diện phần vốn tại Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama. - Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Quảng Bình.	100%
22	Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT-HABECO	21/9/2020	- Thống nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc về việc sắp xếp các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty theo quy định của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017. HĐQT có ý kiến với Bộ phận đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO báo cáo Bộ Công Thương danh mục, đề xuất và xin ý kiến chấp thuận về phương án sắp xếp, xử lý đối với các cơ sở nhà đất, mà Tổng công ty đang quản lý, sử dụng. - Thống nhất với đề xuất của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO về việc trích Quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2019. - Đồng ý về mặt chủ trương việc bổ sung kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh theo ý kiến mà Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội Nam Định đã đề xuất. - Đồng ý chủ trương về việc thực hiện Dự án Máy đóng thùng tự động và Dự án hệ thống Xiclo chứa malt gạo theo ý kiến mà Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Thanh Hóa đã đề xuất. - Thống nhất giới thiệu nhân sự tại Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng theo đề xuất của Tổng Giám đốc.	100%

			- Giao Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama thay mặt Tổng công ty biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng.	
23	27/NQ HĐQT-HABECO	8/10/ 2020	- Phê duyệt kế hoạch mua sắm trang thiết bị theo nội dung đề xuất của Văn phòng Hội đồng quản trị. - Thống nhất chủ trương về phương án và chi phí hỗ trợ cho người lao động nghỉ việc theo đề xuất của Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Hải Dương. - Phê duyệt việc thực hiện quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Quảng Bình. - Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng từ nguồn nhân sự trong quy hoạch tại chỗ của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Hồng Hà. - Phê duyệt chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng từ nguồn nhân sự trong quy hoạch tại chỗ của Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng.	100%
24	28/NQ-HĐQT-HABECO	02/12/ 2020	- Thống nhất các nội dung liên quan đến việc lấy ý kiến cổ đông Tổng công ty bằng văn bản. - Đối với nội dung đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt chủ trương mở hạn mức tín dụng tại các tổ chức tín dụng, Bộ phận đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO sẽ có văn bản báo cáo xin ý kiến Bộ Công Thương. HĐQT Tổng công ty sẽ xem xét phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương. - Thống nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc về việc hoàn nhập chi phí dự phòng về khoản phạt phát sinh đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.	100%

			- Đối với nội dung đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Nhà máy Bia Hà Nội-Mê Linh, Bộ phận đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO sẽ có văn bản báo cáo xin ý kiến Bộ Công Thương. HĐQT Tổng công ty sẽ xem xét phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương. - Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư Hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco. - Thống nhất với đề xuất của Tổng Giám đốc về bổ nhiệm Kế toán trưởng của CTCP Habeco-Hải Phòng, CTCP Bia Hà Nội-Hồng Hà. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận Người đại diện vốn của HABECO tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Quảng Bình về Quy chế chi tiêu nội bộ và Kế hoạch lao động tiền lương của Công ty năm 2020. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận đại diện vốn của HABECO tại Bia Hà Nội-Thái Bình về Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế trả thu nhập; Hệ thống thang bảng lương cố định; Quy định về thanh toán thu nhập và các khoản bồi dưỡng; Phương án đầu tư dây chuyền sản xuất bia hơi. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại CTCP Bia Hà Nội-Nghệ An về việc đầu tư lắp đặt tuyến ống HDPE D125 cấp nước thô từ giếng G3 về bể trung gian của Công ty CP Bia Hà Nội-Nghệ An. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận đại diện vốn của HABECO tại HABECO-ID về việc được sản xuất bia nhãn hiệu CAMEL để xuất khẩu, xin mua ô tô con	

III. Ban kiểm soát:

			07 chỗ, điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện vốn tại CTCP Bia HN-Nghệ An về nội dung liên quan đến việc thu hồi công nợ và Ông Nguyễn Hồng Linh. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận đại diện vốn của HABECO tại BALPAC về Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ và Quy chế trả thu nhập. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận đại diện vốn của HABECO tại Công ty CP Bia Hà Nội-Hồng Hà về việc đầu tư hệ thống lọc màng công suất 120hl/giờ tại Bia Hà Nội-Hồng Hà. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận đại diện phần vốn của HABECO tại CTCP Habeco Hải Phòng về việc ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ và chủ trương sản xuất gia công sản phẩm bia mang nhãn hiệu "Bia lon Hải Phòng" của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung Kế hoạch kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Bộ phận đại diện phần vốn của HABECO tại Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng. - Thống nhất sửa đổi Quy chế dân chủ. - Thống nhất đánh giá Người đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO năm 2019. - Thống nhất đánh giá các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng năm 2020.	
			- Đối với nội dung đề xuất của Tổng Giám đốc về Kế hoạch sản xuất kinh doanh tạm thời năm 2021, Bộ phận đại	

			diện phần vốn Nhà nước tại HABECO sẽ có văn bản báo cáo xin ý kiến Bộ Công Thương. HĐQT Tổng công ty sẽ xem xét phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương (Tỷ lệ thông qua 83%)	
25	30/NQ-HĐQT-HABECO	25/12/2020	- Phê duyệt Danh sách rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty giai đoạn 2020-2021; Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco giai đoạn 2020-2022. - Phê duyệt chủ trương bổ sung 01 Phó Giám đốc phụ trách tiêu thụ từ nguồn nhân sự trong quy hoạch tại chỗ của CTCP Bia Hà Nội-Hải Phòng. - Phê duyệt Danh sách quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại CTCP Bia Hà Nội-Nam Định giai đoạn 2020-2021. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại CTCP Bia Hà Nội-Hải Dương về chủ trương mua keg inox để phục vụ công tác bán hàng bia hơi Hà Nội. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện vốn tại CTCP Bia Hà Nội-Nghệ An về vấn đề Ban thu hồi công nợ và việc lắp đặt tuyến ống HDPE D125 cấp nước thô từ giếng G3 về bể trung gian. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện vốn tại CTCP Thương mại Bia Hà Nội-Hưng Yên 89 về việc đầu tư hệ thống lọc bia theo công nghệ lọc màng. - HĐQT xem xét nội dung Công văn số 5363/TCT-DNL của Tổng Cục thuế ngày 17/12/2020. - Thống nhất chủ trương mua xe ô tô theo đề xuất của Tổng Giám đốc. - Ý kiến chỉ đạo của HĐQT đối với nội dung xin ý kiến của Người đại diện phần	100%

			vốn của Tổng Công ty tại CTCP Bia Hà Nội-Thái Bình về phương án li xăng bia hơi Hà Nội. - Yêu cầu Người đại diện vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị thành viên có ý kiến với HĐQT Công ty giao Ban điều hành Công ty triển khai xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2021 theo sản lượng kế hoạch do Phòng Kế hoạch Tổng Công ty gửi.	

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Chử Thị Thu Trang	Trưởng BKS	28/6/2018		Cử nhân kế toán; Cử nhân quản trị kinh doanh thương mại.
2	Trần Minh Tuấn	Kiểm soát viên	25/4/2019		Thạc sỹ nghiên cứu thị trường và chiến lược marketing; Cử nhân tài chính tín dụng.
3	Thiều Hồng Nhung	Kiểm soát viên	22/01/2020		Cử nhân kinh tế
4	Bùi Hữu Quang	Kiểm soát viên	28/6/2018	22/01/2020	Cử nhân Tài chính-Kế toán

2. Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Chử Thị Thu Trang	05/05	100%	100%	
2	Trần Minh Tuấn	05/05	100%	100%	
3	Thiều Hồng Nhung	05/05	100%	100%	
4	Bùi Hữu Quang	0/05	0%		Miễn nhiệm 22/01/2020

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban kiểm soát cử nhân sự tham dự đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban tuần do Ban Tổng Giám đốc tổ chức và các cuộc họp khác của Ban Tổng Giám đốc (nếu Ban Tổng Giám đốc mời).

4. **Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc, phối hợp với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn. tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ HABECO, quy chế hoạt động, kế hoạch hành động chung và vì lợi ích của HABECO.

5. Hoạt động khác của BKS:

Giám sát công tác quản trị, công bố thông tin, các giao dịch mua bán cổ phiếu của các Công ty con đã niêm yết, đăng ký giao dịch.

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Ngô Quế Lâm *Tổng Giám đốc*	07/9/1972	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí chế tạo máy; Cử nhân luật	28/6/2018
2	Ông Vũ Xuân Dũng *Phó Tổng Giám đốc*	02/02/1973	Thạc sỹ sinh học; Cử nhân kế toán	16/07/2009
3	Ông Bùi Trường Thắng *Phó Tổng Giám đốc*	27/03/1967	Cử nhân kinh tế vật tư	01/02/2018
4	Ông Phạm Trung Kiên *Phó Tổng Giám đốc*	05/04/1970	Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Kỹ sư công nghệ thực phẩm; Cử nhân quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản.	29/7/2019
5	Ông Trần Thuận An *Phó Tổng Giám đốc*	10/10/1975	Cử nhân quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản	20/4/2020

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thu Thủy	01/10/1982	Cử nhân kế toán Cử nhân Tiếng Anh	08/01/2020

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.

VII. Giao dịch của người có liên quan của Tổng công ty với chính Tổng Công ty

1. Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có;

2. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát: Không có;

3. Giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng khác:

3.1. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có;

3.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có;

3.3. Các giao dịch khác của Tổng công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ: Không có

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Trần Đình Thanh

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HABECO

(Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Ghi chú:

- *Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi*
- *Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán.*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.*

Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**	**CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**	

Điều 1. Giải thích từ ngữ Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này có quy định khác, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Tổng Công ty và được quy định tại Điều 4 Điều lệ này. b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014. c. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ có giá trị khác tương đương lần đầu. d. " Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong HABECO có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán. f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc. g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của HABECO được quy định tại Khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này được Đại	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 4 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020; c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; d. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là HABECO) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy tờ có giá trị khác tương đương lần đầu; e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong HABECO có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc. g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán. h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều	Cập nhật theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019

hội đồng cổ đông của HABECO thông qua bằng Nghị quyết. h. "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. i. " Cổ đông chiến lược" trong Điều lệ này là Tập đoàn Carlsberg Breweries A/S. k ."Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010. l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán "Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành". Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	4 Luật Chứng khoán "Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành" i. "Cổ đông chiến lược" trong Điều lệ này là Tập đoàn Carlsberg Breweries A/S. j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của HABECO được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của HABECO thông qua bằng nghị quyết; k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; l. "Tổ chức kiểm toán được chấp thuận" là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập. 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	Cập nhật theo khoản 4 điều 18 Luật chứng khoán Bổ sung theo Khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.	**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.**	
1. HABECO có hai (02) người đại diện theo pháp luật: a. Chủ tịch HĐQT b. Tổng Giám đốc	1. HABECO có hai (02) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: a. Chủ tịch HĐQT b. Tổng Giám đốc	
2. Trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO. a. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO theo quy định tại Điều lệ này và Điều 14 Luật doanh nghiệp. b. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của HABECO: - Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, phê chuẩn, thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. - Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ này. Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO với tư cách nguyên	2. Trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO. a. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc thực hiện trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật HABECO theo quy định tại Điều lệ này, Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp. b. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của HABECO: - Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, phê chuẩn, thông qua theo quy định tại Điều lệ này. Chủ tịch HĐQT đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. - Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của HABECO thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ này. Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO với tư cách nguyên đơn, bị	

đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. Ngoài ra Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO đối với tất cả các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Chủ tịch HĐQT như quy định tại phần trên.	đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với những giao dịch đó. Ngoài ra Tổng Giám đốc đại diện cho HABECO đối với tất cả các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền đại diện theo pháp luật của Chủ tịch HĐQT như quy định tại phần trên.	
Điều 4. Vốn điều lệ	**Điều 4. Vốn điều lệ**	
1. Vốn điều lệ của HABECO được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.	1. Vốn điều lệ của HABECO được góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.	
2. Vốn điều lệ của HABECO tại thời điểm thành lập là 2.318.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng chẵn).	2. Vốn điều lệ của HABECO tại thời điểm thành lập là 2.318.000.000.000 đồng (Hai nghìn ba trăm mười tám tỷ đồng chẵn).	
3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 231.800.000 cổ phần (Hai trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).	3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 231.800.000 cổ phần (Hai trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm nghìn cổ phần) với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).	
4. HABECO có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong các trường hợp sau đây: a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HABECO hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong HABECO nếu HABECO đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh	4. HABECO có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong các trường hợp sau đây: a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HABECO hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong HABECO nếu HABECO đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh	Sửa lại các khoản mục tham chiếu cho phù hợp với Luật DN 2020

nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông; b. HABECO có thể mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định và Điều 129 của Luật Doanh Nghiệp; mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan; c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.	nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông; b. HABECO có thể mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định và Điều 132 của Luật Doanh Nghiệp; mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan; c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp	
5. HABECO chỉ được sử dụng vốn điều lệ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và không trái quy định của pháp luật.	5. HABECO chỉ được sử dụng vốn điều lệ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và không trái quy định của pháp luật.	
CHƯƠNG IV **CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ TỨC**	**CHƯƠNG II.** **CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ TỨC**	
Mục 1. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	**Mục 1. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU**	
Điều 13. Cổ phần	**Điều 13.Cổ phần**	
1. Vốn điều lệ của HABECO được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)	1. Vốn điều lệ của HABECO được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)	
2. Tại thời điểm có hiệu lực của Điều lệ này: - Số lượng cổ phần của HABECO là 231.800.000 cổ phần và	2. Tại thời điểm có hiệu lực của Điều lệ này: - Số lượng cổ phần của HABECO là 231.800.000 cổ phần và	

được quyền chào bán, Toàn bộ số cổ phần này đã được phát hành và thanh toán đầy đủ. - Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.	được quyền chào bán, Toàn bộ số cổ phần này đã được phát hành và thanh toán đầy đủ. - Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.	
3. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.	3. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.	
4. Sau thời điểm thành lập, HABECO có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định của khoản 7 Điều này và khoản 2 Điều 15 Điều lệ.	3. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.	
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau theo số lượng cổ phần sở hữu.	4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau theo số lượng cổ phần sở hữu.	
6. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	5. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
7. Toàn bộ các cổ phần mới hoặc chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong HABECO, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác HABECO phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp	6. Toàn bộ các cổ phần mới hoặc chứng khoán khác có thể được chuyển đổi thành cổ phần phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong HABECO, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác HABECO phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp	

(tối thiểu ba mươi (30) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của HABECO quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	(tối thiểu ba mươi (30) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của HABECO quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	
8. HABECO có thể mua lại cổ phần do chính HABECO đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do HABECO mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.	7. HABECO có thể mua lại cổ phần do chính HABECO đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do HABECO mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.	
9. HABECO có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	8. HABECO có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
Điều 14. Cổ phiếu	**Điều 14. Cổ phiếu**	
1. Cổ phiếu là chứng chỉ do HABECO phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của HABECO.	1. Cổ phiếu là chứng chỉ do HABECO phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của HABECO.	

2. Cổ phiếu của HABECO phát hành là cổ phiếu ghi tên: a. Cổ phiếu có ghi rõ họ tên, địa chỉ của tổ chức hay cá nhân sở hữu cổ phần và các thông tin khác theo Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp; việc chuyển nhượng cổ phiếu loại này phải tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật. b. Hội đồng quản trị HABECO quyết định chọn mẫu cổ phiếu HABECO và cách thức quản lý cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật. Mọi cổ phiếu HABECO chỉ hợp lệ khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của HABECO và đóng dấu của HABECO. c. Các cổ đông sau khi nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc nộp tiền mua cổ phần của HABECO được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của HABECO và nhận một hoặc một số cổ phiếu cho số cổ phần của mình. d. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do HABECO phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật HABECO ký trên cổ phiếu chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra. e. . Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được HABECO cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho HABECO. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh	2. Cổ phiếu của HABECO phát hành là cổ phiếu ghi tên: a. Cổ phiếu có ghi rõ họ tên, địa chỉ của tổ chức hay cá nhân sở hữu cổ phần và các thông tin khác theo Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp; việc chuyển nhượng cổ phiếu loại này phải tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật. b. Hội đồng quản trị HABECO quyết định chọn mẫu cổ phiếu HABECO và cách thức quản lý cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật. Mọi cổ phiếu HABECO chỉ hợp lệ khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của HABECO và đóng dấu của HABECO. c. Các cổ đông sau khi nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc nộp tiền mua cổ phần của HABECO được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của HABECO và nhận một hoặc một số cổ phiếu cho số cổ phần của mình. d. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu đo HABECO phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật HABECO ký trên cổ phiếu chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra. e. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được HABECO cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho HABECO. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 121 Luật doanh	

nghiệp. g. Đối với cổ phiếu có mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của HABECO có quyền yêu cầu chủ sở hữu của cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ thực hiện việc cấp cổ phiếu mới.	nghiệp. g. Đối với cổ phiếu có mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của HABECO có quyền yêu cầu chủ sở hữu của cổ phiếu đăng thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ thực hiện việc cấp cổ phiếu mới.	
	3. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty	Điều 8 PL01 Thông tư 116
Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	**Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**	
Chào bán cổ phần là việc HABECO tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ 1. HABECO thực hiện chào bán cổ phần theo một trong các hình thức sau đây: a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; b. Chào bán ra công chúng; c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.	Chào bán cổ phần là việc HABECO tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ 1. HABECO thực hiện chào bán cổ phần theo một trong các hình thức sau đây: a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; b. Chào bán ra công chúng; c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.	
2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện chào bán cổ phần thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.	2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện chào bán cổ phần thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.	

3. Sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phần, HABECO đăng ký lại vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.	3. Sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phần, HABECO đăng ký lại vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.	
4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp đã được ghi đúng và đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của HABECO.	Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp đã được ghi đúng và đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của HABECO.	
5. Sau khi cổ phần được bán, HABECO phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. HABECO có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu; trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong HABECO.	Sau khi cổ phần được bán, HABECO phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. HABECO có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu; trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong HABECO.	
6. Cổ phiếu của HABECO được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của HABECO. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phiếu phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và HABECO phát hành chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và	Cổ phần của HABECO được tự do chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của HABECO. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và HABECO phát hành chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ	Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020

số cổ phần còn lại.	phần còn lại.	
7. Cổ phiếu HABECO được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và sau khi HABECO đã hoàn tất việc lập Sổ đăng ký cổ đông.	Cổ phần HABECO được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và sau khi HABECO đã hoàn tất việc lập Sổ đăng ký cổ đông.	
8. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật	Khoản 2 điều 9 PL 01 TT116
9. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần của HABECO thực hiện theo quy định tại các điều 122; 123; 124 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần của HABECO thực hiện theo quy định tại các điều 123, 124, 125 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.	
Điều 17. Phát hành trái phiếu	**Điều 17. Chào bán trái phiếu**	Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có mục riêng về "Phát hành trái phiếu" giống Luật Doanh nghiệp 2014. Tuy nhiên, Công ty cổ phần vẫn có quyền phát hành trái phiếu (Luật DN, Luật Chứng khoán..)

1. HABECO có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	1. HABECO có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	
2. HABECO không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác: a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó; b. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.	2. Chào bán trái phiếu của HABECO thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.	
3. Đại hội đồng cổ đông HABECO có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.	3. Đại hội đồng cổ đông HABECO có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.	
Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu	**Điều 18. Mua cổ phần, trái phiếu**	Điều 131 Luật DN 2020
Cổ phần, trái phiếu của HABECO có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.	Cổ phần, trái phiếu của HABECO có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần	
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	**Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**	
1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại HABECO hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy	1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại HABECO hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của	Khoản 1 điều 132 Luật DN 2020

định tại Điều lệ HABECO có quyền yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu HABECO mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HABECO trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.	cổ đông quy định tại Điều lệ HABECO có quyền yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu HABECO mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến HABECO trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	
2. HABECO phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	2. HABECO phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	Khoản 2 điều 132 Luật DN 2020
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của HABECO	**Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của HABECO**	
HABECO có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	HABECO có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị HABECO có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;	Khoản 1 Điều 133 Luật DN 2020
2. Hội đồng quản trị HABECO quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao	2. Hội đồng quản trị HABECO quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao	Khoản 2 Điều 133 Luật DN 2020

hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.	hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu HABECO và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.	
3. HABECO có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong HABECO. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của HABECO phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho HABECO. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được HABECO trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. HABECO chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn quy định.	3. HABECO có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong HABECO theo trình tự, thủ tục sau đây: a. Quyết định mua lại cổ phần của HABECO phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của HABECO, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho HABECO; b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được HABECO trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. HABECO chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.	Khoản 3 Điều 133 Luật DN 2020
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được	**Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được**	

mua lại	**mua lại**	
1. HABECO chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, HABECO vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.	1. HABECO chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, HABECO vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.	
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.	2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Khoản 2 Điều 134 Luật DN 2020
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với HABECO.	3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với HABECO.	
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của HABECO giảm hơn 10% thì HABECO phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.	4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của HABECO giảm hơn 10% thì HABECO phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.	Khoản 4 Điều 134 Luật DN 2020
Điều 22. Thu hồi cổ phần	**Điều 22. Thu hồi cổ phần**	Điều 10, PL 01,

		TT116/2020/TT-BTC
1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho HABECO theo quy định.	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho HABECO theo quy định.	
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của HABECO. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Khoản 4, điều 10 PL 01 TT 116
5. Trong phạm vi mà pháp luật cho phép, cổ đông nắm giữ cổ	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách	

phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất tiền gửi kỳ hạn tương ứng với thời hạn chậm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.	6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.	
Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông	**Điều 23. Sổ đăng ký cổ đông**	
1. HABECO phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.	1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.	
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của HABECO; Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; b. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;	2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của HABECO; b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Điều 122 Luật DN 2020

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; d. Số lượng, giá trị cổ phần từng loại của mỗi cổ đông đã mua ngày đăng ký cổ phần.	c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; đ. Số lượng, giá trị cổ phần từng loại của mỗi cổ đông đã mua ngày đăng ký cổ phần.	
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của HABECO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.	3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của HABECO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.	
	4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.	Khoản 4 điều 122 Luật DN
	5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.	Khoản 5 điều 122 Luật DN
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý HABECO	**Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý HABECO**	Điều 137 Luật DN
1. Đại hội đồng cổ đông;	1. Đại hội đồng cổ đông;	Ý nghĩa của điều này là công ty chọn 1 trong 2 mô hình: có BKS

2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Ban Tổng giám đốc; 5. Và các phòng ban, đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.	2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.	hoặc Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT; không liệt kê các thành phần trong bộ máy Doanh nghiệp
Điều 29. Quyền của cổ đông	**Điều 29. Quyền của cổ đông**	-
1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của HABECO và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của HABECO của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.	1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của HABECO và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của HABECO của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.	
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:	Điều 115 Luật DN
a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;	
b. Trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh có liên quan đến quyền lợi của cổ đông, và được quyền kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của HABECO, chất vấn, kiến nghị về công việc của Hội đồng		Bỏ vì Quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 5% trở lên được quy định tại khoản 3 điều này.

quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO.		
c. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	
d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong HABECO;	c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong HABECO;	
e. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hoặc theo các thỏa thuận mà cổ đông bán cổ phần là một bên tham gia;	d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hoặc theo các thỏa thuận mà cổ đông bán cổ phần là một bên tham gia;	
g. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	Khoản đ điều 115 Luật DN
h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ HABECO, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ HABECO, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	
i. Khi HABECO giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại HABECO;	g. Khi HABECO giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại HABECO;	
k. Yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này;	h. Yêu cầu HABECO mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này;	
	i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang	

	nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Điểm i khoản 1 ĐIều 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;	Điểm k khoản 1 ĐIều 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
	k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Điểm l khoản 1 ĐIều 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
l. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	l. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Điều 115 quyền của cổ đông phổ thông Bỏ quy định về thời gian sở hữu cổ phần trong 6 tháng
a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;	a. Xem xét, tra cứu, và trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty	ĐIểm a khoản 2 Điều 115 LDN
b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và	

này;	Điều 140 Luật Doanh nghiệp	
c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải có đầy đủ nội dung được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;	c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu có đầy đủ nội dung được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;	ĐIểm c khoản 2 Điều 115 LDN
d. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	d. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:	
a. Hội đồng quản trị HABECO vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;	a. Hội đồng quản trị HABECO vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;	
b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị HABECO đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;	b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị HABECO đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;	
c. Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, về tham nhũng hoặc cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại cho HABECO của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị HABECO, thành viên Hội đồng quản trị.	c. Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính; có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, về tham nhũng hoặc cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại cho HABECO của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị HABECO, thành viên Hội đồng quản trị.	
d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ HABECO.		Nếu có quy định khác thì quy định tại khoản này, câu này là

		trích từ luật.
e. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản; văn bản yêu cầu phải có đầy đủ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị HABECO, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	d. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	
	5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:	
	a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	ĐIểm a khoản 5 Điều 115 LDN
	b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác có quyền đề cử.	ĐIểm b khoản 5 Điều 115 LDN
5. Cổ đông có thể uỷ quyền người khác đại diện thay mình	6. Cổ đông có thể uỷ quyền người khác đại diện thay mình	

tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với các điều kiện sau:	tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với các điều kiện sau:	
a. Chỉ được uỷ quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông;	a. Chỉ được uỷ quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông;	
b. Phải có giấy uỷ quyền;	b. Phải có giấy uỷ quyền;	
c. Người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách chính mình và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.	c. Người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách chính mình và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.	
6. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO:		Bỏ vì đã quy định tại khoản 5 điều này
a. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 hoặc Khoản 5 Điều 70 của Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.		
b. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc		

Đại hội đồng cổ đông.		
Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông	**Điều 30. Trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông**	
1. Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi số vốn đã góp vào HABECO.	1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.	
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi HABECO dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được HABECO hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra (nếu có).	2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi HABECO dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được HABECO hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của HABECO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HABECO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra (nếu có).	
3. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế của HABECO.	3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty	Khoản 3 Điều 119 Luật DN
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị	Khoản 4 Điều 119 Luật DN
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	
6. Chịu trách nhiệm các nhân khi nhân danh HABECO dưới mọi hình thức thực hiện một số hành vi sau:	6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh HABECO dưới mọi hình thức thực hiện một số hành vi sau:	

a, Vi phạm pháp luật; b, Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c, Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với HABECO.	a, Vi phạm pháp luật; b, Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c, Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với HABECO.	
	7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác	Khoản 5 Điều 119 Luật DN
	8. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử	Khoản 3 Điều 144 Luật DN
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	
Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	**Mục 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông	**Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**	
1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của HABECO.	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.	
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây	
a. Thông qua định hướng phát triển của HABECO;	a. Thông qua định hướng phát triển của HABECO;	-
b. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;	b. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;	
c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;	c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;	
d. Số lượng, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên HABECO;	d. Số lượng, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên HABECO;	Điểm c khoản 2 Điều 138 LDN
e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO đã được kiểm toán;	e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO đã được kiểm toán;	-
f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	

g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;	g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;	
h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;	h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;	
i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát HABECO gây thiệt hại cho HABECO và cổ đông HABECO;	i. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên gây thiệt hại cho HABECO và cổ đông HABECO;	Điểm h khoản 2 Điều 138 LDN
k. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) HABECO và chỉ định người thanh lý;	j. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) HABECO và chỉ định người thanh lý;	
l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại.	k. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.	
l. HABECO ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	m. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của HABECO đã được kiểm toán giữa công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại	Điểm b khoản 4 Điều 293 NĐ 155/2020

	Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết	
	n. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;	điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp
	o. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;	Điểm a khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020
	p. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của được kiểm toán giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;	Khoản 3b Điều 167 LDN 2020
n. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.	q. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	Điểm m khoản 2 Điều 138 LDN 2020
	r. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Điểm l khoản 2 Điều 138 LDN 2020
	s. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Điểm k khoản 2 Điều 138 LDN 2020

o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy dịnh tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	
4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người dại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến HABECO. Thông báo phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. HABECO phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến HABECO. Thông báo phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp.	Pháp luật không quy định doanh nghiệp phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh về người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trong công ty cổ phần

		niêm yết trong vòng 05 ngày làm việc
Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 33. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**	Điều 139 Luật DN
1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị HABECO, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:	2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
	3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:	
a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của HABECO;	a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của HABECO;	
b. Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO đã được kiểm toán;	b. Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO đã được kiểm toán;	
c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;	c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;	

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của HABECO, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của HABECO, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	
e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;	e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;	
g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.	g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.	
h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền được quy định theo Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	h. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền được quy định pháp luật và Điều lệ HABECO.	
3. Hội đồng quản trị HABECO phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp sau:	Điều 140 Luật DN 2020
a. Xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;	- Xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;	
b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định của Điều lệ này;	- Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên theo quy định của Điều lệ này;	
c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	- Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	
d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại	- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy	

khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này;	định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	
d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	
e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.	- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.	
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.	b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại gạch đầu dòng thứ 2 khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 và thứ 5 khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.	Khoản 2 Điều 140 Luật DN

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.	c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với HABECO.	
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này hoặc Tổng Giám đốc có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này hoặc Tổng Giám đốc có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	
7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của	e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;	Khoản 5 điều 140 Luật DN

Điều lệ này.	- Lập chương trình và nội dung cuộc họp; - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; - Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Xác định thời gian và địa điểm họp; - Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; - h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.	
8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được HABECO hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do các cổ đông tự chi tiêu, chi phí ăn, ở và đi lại khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.	f. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2,3 và 4 của Điều này sẽ được HABECO hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do các cổ đông tự chi tiêu, chi phí ăn, ở và đi lại khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của HABECO. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của HABECO. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1 Điều 141 Luật DN
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ	Khoản 2 điều 141 Luật DN

công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông	
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.	Khoản 3 điều 141 Luật DN
Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 35. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.	
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản	

và được gửi đến HABECO chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại HABECO, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	và được gửi đến HABECO chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại HABECO, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;	3. Nếu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên	-
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 36. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**	

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán; trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc được chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tay hoặc địa chỉ đăng ký của cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn tới toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán; trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc được chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tay hoặc địa chỉ đăng ký của cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn tới toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	khoản 1 và khoản 2 điều 143 Luật DN Điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện	2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại	

theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	
Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 37. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.	
2. Từ Đại hội lần thứ hai trở đi, Hội đồng quản trị căn cứ số lượng cổ đông để xác định số lượng sở hữu cổ phần của cổ đông và nhóm cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông cho phù hợp với điều kiện tổ chức Đại hội.	2. Từ Đại hội lần thứ hai trở đi, Hội đồng quản trị căn cứ số lượng cổ đông để xác định số lượng sở hữu cổ phần của cổ đông và nhóm cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông cho phù hợp với điều kiện tổ chức Đại hội	
3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của HABECO và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;	3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	khoản 2 Điều 144 LDN + khoản 2 Điều 16 PL I Thông tư 116/2020 Cổ đông không bắt buộc phải nộp giấy ủy quyền theo mẫu của Doanh nghiệp, miễn là giấy ủy quyền xuất trình đảm bảo các nội dung theo quy định của pháp luật

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp; d. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.		
4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).	4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).	
5.Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền. c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp HABECO nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người uỷ quyền đã hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền. c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp HABECO nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	
6. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu HABECO nhận được thông báo bằng văn bản về một trong		Bỏ vì lặp ý của khoản 6 điều này

các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.		
7. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng nếu đủ điều kiện có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.	6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng nếu đủ điều kiện có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng	
8. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây: a, Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b, Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c, Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d, Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.	7. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây: a, Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b, Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c, Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d, Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.	
Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 38. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết	
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết	Khoản 2 Điều 145 Luật DN

vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai (02) trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai (02) trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.	
3. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp .Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba (03) trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền biểu quyết quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp .Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba (03) trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền biểu quyết quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	Khoản 3 Điều 145 Luật DN
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này.	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này.	-
Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 39. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**	

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp HABECO phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp HABECO phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết, theo trình tự sau:	khoản 1 Điều 146 LDN
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, HABECO sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết và không có ý kiến được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. b. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. c. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi kiểm phiếu hoặc tiến hành biểu quyết vấn đề đó. d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành	khoản 1a Điều 20 PL I – TT116 + Bổ sung nội dung ĐHĐCĐ trực tuyến

	viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến muộn đăng ký và hiệu lực của của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu cao nhất sẽ làm chủ toạ cuộc họp; Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu cao nhất sẽ làm chủ toạ cuộc họp; Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Khoản 2 Điều 146 Luật DN

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.	4. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.	
6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp. Ngoài ra, Chủ toạ Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.	5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả họp; b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp người dự không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;	Khoản 8 Điều 146 Luật DN
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.	6. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng	
8. Chủ toạ của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản	7. Chủ toạ của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại	

ánh được mong muốn của đa số tham dự.	hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.	
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.	8. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp có thể có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.	
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	9. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện phápđể: a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa diểm chính họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:	10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:	

a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội"); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội; Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.	a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ Đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại hội"); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội; Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.	
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội. Hàng năm, HABECO phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Để linh hoạt hơn trong hoạt động, HABECO có thể xem xét đưa ra quy định cho phép cổ đông tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông qua điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc khác.	11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội. Hàng năm, HABECO phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Để linh hoạt hơn trong hoạt động, HABECO có thể xem xét đưa ra quy định cho phép cổ đông tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông qua hình thức họp trực tuyến.	Khoản 10 Điều 20 PL 01 TT116
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**	
1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; b. Thông qua định hướng phát triển HABECO; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d. Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO; g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; h. Tổ chức lại, giải thể HABECO.	2. Đối với các vấn đề sau đây, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; b. Thông qua định hướng phát triển HABECO; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d. Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của HABECO; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể HABECO	Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2020
3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý HABECO; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần	3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý HABECO; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần	

nhất được kiểm toán của HABECO; đ. Tổ chức lại hay giải thể HABECO; e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO;	nhất được kiểm toán của HABECO; đ. Tổ chức lại hay giải thể HABECO; e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO.	
4. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (ngoài các nội dung theo quy định khoản 3 và khoản 5 Điều này) được thông qua khi được cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác (ngoài các nội dung theo quy định khoản 3 và khoản 5 Điều này) được thông qua khi được cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.	
5.Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ HABECO.	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ HABECO.	
6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện	6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự	

100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	đại diện 100% tổng số phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	
7 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.	7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO.	8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO.	
	9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để	**Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để	

thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	
1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO;	
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Điều lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ;	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này	
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;	Khoản 3 Điều 149 LDN Quyết định lấy ý kiến bằng văn bản là của HĐQT, không cần TGĐ ký tên

phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.	e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến HABECO theo một trong các hình thức sau đây: a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến HABECO theo một trong các hình thức sau đây: a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về HABECO sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông	5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của	

không nắm giữ chức vụ quản lý HABECO. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; đ. Các vấn đề đã được thông qua; e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý HABECO. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; đ. Các vấn đề đã được thông qua; e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	
6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO;	6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của HABECO trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;	
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm	

phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO;	theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO;	
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 42. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác của HABECO. Biên bản phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 4 điều 150 Luật DN , điều chỉnh cho khoản 2 Điều 23 PL I của TT116/2020
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp	
3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	
4. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	4. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Chọn 1 trong 2 phương thức, nếu đã CBTT 24h thì không cần gửi thư cho cổ đông sau đại hội
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc	

Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.	họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.	
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	
Điều 43. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 43.Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	
1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;	2. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;	
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ HABECO. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại	3. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ HABECO. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyết định bị hủy bỏ có thể xem xét	Diễn đạt lại

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.	tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.	
Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**Mục 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 44. Hội đồng quản trị	**Điều 44. Hội đồng quản trị**	
1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HABECO, có toàn quyền nhân danh HABECO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HABECO không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HABECO, có toàn quyền nhân danh HABECO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HABECO, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1, điều 153 Luật DN
2. Hội đồng quản trị HABECO có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn và kế hoạch hằng năm của HABECO; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Kiến nghị loại, tổng giá trị, mức giá và thời điểm phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của HABECO trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này;	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của HABECO; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Kiến nghị loại, tổng giá trị, mức giá và thời điểm phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo quy định của pháp luật. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá bán cổ phiếu và trái phiếu của HABECO trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	

g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HABECO, trừ hợp đồng và giao dịch có liên quan theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 32 và Điều 69 của Điều lệ này; i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối với Tổng giám đốc HABECO; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương đối các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc; Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó theo đề nghị của Tổng Giám đốc. k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của HABECO; l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của HABECO và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các tiểu ban giúp việc HĐQT. Cán bộ của các Tiểu ban này có thể do HĐQT cử cán bộ Tổng công ty kiêm nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc thuê	e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp; f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của HABECO, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng giám đốc HABECO và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ, Quy chế HABECO quy định; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó theo đề nghị của Tổng Giám đốc; j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty HABECO; k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, các đơn vị trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của HABECO và	

chuyên gia nếu thấy cần thiết; m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; n. Trình báo cáo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông; o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản HABECO; q. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị HABECO sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; s. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập/giải thể các tiểu ban giúp việc HĐQT. Cán bộ của các Tiểu ban này có thể do HĐQT cử cán bộ Tổng công ty kiêm nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết; l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông ; n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty hoặc yêu cầu phá sản HABECO; p. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành các Quy chế nội bộ khác của Tổng công ty. r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản	Điểm b khoản 1 ĐIều 130 Luật Doanh nghiệp Điểm q khoản 2 Điều 27 PL I tại TT116/2020

	trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; s. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ và Quy chế của HABECO	
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ HABECO gây thiệt hại cho HABECO thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho HABECO; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của HABECO liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện Nghị quyết này.	5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ HABECO gây thiệt hại cho HABECO thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của HABECO có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Khoản 4, điều 153 Luật DN
5. Hội đồng quản trị phải xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công, phân cấp trong Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xử lý công việc và quản lý giám sát của Hội đồng quản trị. Xây dựng quy chế quản trị HABECO để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	6. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công, phân cấp trong Hội đồng quản trị để bảo đảm việc xử lý công việc và quản lý giám sát của Hội đồng quản trị. Xây dựng quy chế quản trị HABECO để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc,	Khoản 2 Điều 270 Nghị định 155

và cán bộ quản lý của HABECO trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của HABECO trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	
6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.	7. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
7. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt HABECO.	8. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt HABECO.	
Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 45. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên, số lượng cụ thể thành viên hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau: a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;	Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán (NĐ 71/2017/NĐ-CP hết hiệu lực)

	c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam.	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.	Khoản 2 Điều 154 Luật DN
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;	
5. Số lượng cụ thể, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	5. Số lượng cụ thể, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	Khoản 1 Điều 156 Luật DN Điều 275 Nghị định

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty; c. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật; d. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị không được đảm nhiệm hoặc được uỷ quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của HABECO; e) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 5 công ty khác.	a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của HABECO; c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thanh viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác; d. Có sức khoẻ, phẩm chất dạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật; e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của HABECO. f. Không đồng thời là Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, người quản lý khác của HABECO hoặc là người liên quan của những người này.	155/2020/NĐ-CP
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng	2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin	

viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau: - Họ tên, ngày tháng năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho HABECO trong trường hợp ứng viên đó hiên đang là thành viên Hội đồng quản trị HABECO; - Các lợi ích có liên quan tới HABECO (nếu có); - Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có).	liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau: - Họ tên, ngày tháng năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho HABECO trong trường hợp ứng viên đó hiên đang là thành viên Hội đồng quản trị HABECO; - Các lợi ích có liên quan tới HABECO (nếu có); - Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có).	
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sau (06) ứng viên; từ	

70% được đề cử tối đa sau (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	70% đến 80% được đề cử tối da bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối da tám (08) ứng viên.	
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	
5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị dược xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người ứng cử vào có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ này.	5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ người ứng cử vào có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ này.	
Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Điều 47. Chủ tịch Hội đồng quản trị**	
1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Khoản 1 Điều 156 LDN
2. Chủ tịch Hội dồng quản trị HABECO không kiêm Tổng giám đốc HABECO.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị HABECO không kiêm Tổng giám đốc HABECO.	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản	Điều 156 Luật DN

trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty. g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc phê chuẩn; h) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; g. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc phê chuẩn; h. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Lặp ý điểm b khoản này Nếu có quyền và nghĩa vụ khác thì quy định tại đây – Điều lệ.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất	Khoản 4 Điều 156 LDN

	năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị	
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.	
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu	6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận	Khoản 4 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020

người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	
Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị	**Điều 48. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	
1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị	Khoản 1 Điều 157 Luật DN
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Khoản 2 Điều 157 Luật DN 2020
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.	Loại bỏ	Lặp nội dung khoản 2 điều này
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập của	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập của	

Hội đồng quản trị; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên; c. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;	Hội đồng quản trị; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên; c. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;	
5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lý quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 4 Điều này có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.	4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lý quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 4 Điều này có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.	
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.	

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp kèm theo đến Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp kèm theo đến Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.	
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được	7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua cuộc họp trực	

tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	
9. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại điểm b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của HABECO. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên	8. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của HABECO. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản	

quan chưa được công bố một cách thích đáng; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với HABECO và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	9. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với HABECO và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	
11. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	10. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	11. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	
13. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các	12. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các	

cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	
Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị	**Điều 49. Biên bản họp Hội đồng quản trị**	
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt nó hiệu lực áp dụng.	3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt nó hiệu lực áp dụng.	

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	
Điều 51. Người phụ trách quản trị HABECO	**Điều 51. Người phụ trách quản trị HABECO**	
1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) làm Người phụ trách quản trị HABECO để hỗ trợ hoạt động quản trị HABECO được tiến hành một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HABECO theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị HABECO để hỗ trợ hoạt động quản trị HABECO được tiến hành một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký HABECO theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.	
2. Người phụ trách quản trị HABECO phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.	2. Người phụ trách quản trị HABECO phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.	
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị HABECO khi cần nhưng khối trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị tùy từng thời điểm.	3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị HABECO khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị tùy từng thời điểm.	
4. Người phụ trách quản trị HABECO có các quyền và nghĩa	4. Người phụ trách quản trị HABECO có các quyền và	

vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa HABECO và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của HABECO; h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	nghĩa vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa HABECO và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của HABECO; h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO; i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Điểm h Khoản 3 Điều 281 nghị định 155/2020/NĐ-CP
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	Điều 160 Luật DN
1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng	Phân tách trường hợp miễn

trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này; b. Có đơn xin từ chức; không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ này; c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật; d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân; e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; g. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án. h. Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho HABECO với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;	quản trị trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này; b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật; d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân; e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; g. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) b. Không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ này. c. Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho HABECO với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.	nhiệm/bãi nhiệm riêng theo quy định tại Điều 160 Luật DN 2020
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ HABECO, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ HABECO, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội	

bất thường trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	
4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.	4. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.	
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.	1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 của Điều lệ này.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, có trách nhiệm thực hiện uỷ quyền, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền, có trách nhiệm thực hiện uỷ quyền, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được uỷ quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.	
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau: a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO trong từng thời kỳ; b. Được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý trong HABECO	3. Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau: a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO trong từng thời kỳ; b. Được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý trong HABECO	

cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của HABECO và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình; c. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình; d. Thực hiện Điều lệ của HABECO, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị; e. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại HABECO thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và tuân thủ quy chế quản lý người đại diện của Cơ quan quản lý người đại diện.	cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của HABECO và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình; c. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội dồng quản trị về những hành vi của mình; d. Thực hiện Điều lệ của HABECO, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị; e. Thành viên Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại HABECO thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và tuân thủ quy chế quản lý người đại diện của Cơ quan quản lý người đại diện.	
Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	**Mục 4. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ**	
Điều 56. Tổng giám đốc	**Điều 56. Tổng giám đốc**	
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của công	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên	

ty.	của công ty.	
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
3. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của HABECO, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước cổ đông và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của HABECO, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của HABECO và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	3. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của HABECO, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước cổ đông và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của HABECO, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của HABECO và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	
4. Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực. Các Phó tổng giám đốc được Tổng Giám đốc phân công điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của HABECO. Các Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc về các phần việc được phân công.	4. Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực. Các Phó tổng giám đốc được Tổng Giám đốc phân công điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của HABECO. Các Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc về các phần việc được phân công.	
Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	**Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**	
1. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội	1. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh	Điều 162 Luật DN

đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b.Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ HABECO; d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của HABECO; đ. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng/bổ nhiệm để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho người điều hành doanh nghiệp và báo cáo Hội đồng quản trị; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, các chức danh quản lý trong HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị; g. Tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng	doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của HABECO; d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong HABECO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; f. Tuyển dụng lao động; g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của HABECO; i. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng/bổ nhiệm để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho người điều hành doanh nghiệp và báo cáo Hội đồng quản trị;	

lao động của họ; h. Tuyển dụng lao động; i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; k. Xây dựng các bản dự toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, năm báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý vốn, tình hình tài chính hàng tháng, quý, năm cho Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông HABECO; l) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và quyết định phương án đầu tư được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; m) Quyết định chương trình phát triển thị trường, tiếp thị theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, các quy chế nội bộ của HABECO, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;	j. Tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; k. Xây dựng các bản dự toán, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, năm báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý vốn, tình hình tài chính hàng tháng, quý, năm cho Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông HABECO; l. Thực hiện kế hoạch kinh doanh và quyết định phương án đầu tư được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; m. Quyết định chương trình phát triển thị trường, tiếp thị theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; n. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, các quy chế nội bộ của HABECO, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;	
2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của HABECO theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, hợp đồng lao động ký với HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho HABECO thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho HABECO.	2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của HABECO theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO, hợp đồng lao động ký với HABECO và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho HABECO thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho HABECO.	

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.	3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.	
4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	
Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	**Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc**	
Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước theo quy định Khoản 5 Điều 162 Luật DN
2. Có trình độ tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của HABECO;	2. Có trình độ tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của HABECO;	
3. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;	3. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;	
	4. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của HABECO,người đại diện phần vốn nhà nước tại HABECO, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại HABECO.	
Điều 66. Công khai các lợi ích liên quan	**Điều 66. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về**	Điều 291 NĐ 155/2020/NĐ-CP

	quyền lợi	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh từ Trưởng, Phó phòng ban và tương đương trở lên phải có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của HABECO mà họ có thể được hưởng thông qua pháp nhân kinh tế, các giao dịch cá nhân khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh từ Trưởng, Phó phòng ban và tương đương trở lên phải có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của HABECO mà họ có thể được hưởng thông qua pháp nhân kinh tế, các giao dịch cá nhân khác.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	
3. HABECO không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	3. HABECO không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác	
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa HABECO với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO, hoặc những người liên quan đến họ hoặc HABECO, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa HABECO với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO, hoặc những người liên quan đến họ hoặc HABECO, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan	Điều lệ HABECO hiện hành sử dụng "Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất" làm nguồn căn cứ đối chiếu giá trị tài sản. Do vậy, đề xuất sử dụng thống nhất thuật ngữ "Báo cáo tài chính

lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc, b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.	lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc, b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép	được kiểm toán gần nhất" ở Điều lệ

	thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.	
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của HABECO hoặc công ty con của HABECO vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.	5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của HABECO hoặc công ty con của HABECO vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.	
Điều 67. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường	**Điều 67. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường**	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ, hành động, quyết định, ý kiến hoặc sai sót nào của một thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý của HABECO (dù là được quy định trong Điều lệ này) vì lý do người đó là do cổ đông đó chỉ định hoặc người đó là người liên quan của cổ đông đó.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của HABECO vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Cổ đông sẽ không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ, hành động, quyết định, ý kiến hoặc sai sót nào của một thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý của HABECO (dù là được quy định trong Điều lệ này) vì lý do người đó là do cổ đông đó chỉ định hoặc người đó là người liên quan của cổ đông đó.	
2. HABECO sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do HABECO thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của HABECO) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng	2. HABECO bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác,	Khoản 2 Điều 48 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được HABECO (hay công ty con của HABECO) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của HABECO (hay công ty con của HABECO) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của HABECO, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. HABECO có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	nhân viên hoặc đại diện được HABECO (hay công ty con của HABECO) ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty (hay công ty con của HABECO), hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. 3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của HABECO, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. HABECO có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
Điều 68. Nghĩa vụ của những người quản lý HABECO	**Điều 68. Trách nhiệm của người quản lý HABECO**	Sửa tên Điều tham chiếu theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây: a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây: a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan,	Khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp

HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO; c. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông của HABECO; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d. Không được đem tài sản của HABECO chuyển nhượng, tặng, cho người khác; không được tiết lộ bí mật của HABECO, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc/và theo các quy định hiện hành của HABECO. e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HABECO về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của HABECO.	Điều lệ HABECO, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO; c. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông của HABECO; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; d. Không được đem tài sản của HABECO chuyển nhượng, tặng, cho người khác; không được tiết lộ bí mật của HABECO, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc/và theo các quy định hiện hành của HABECO. e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HABECO về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.	điểm đ khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp
2. Khi HABECO không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì: a. Phải thông báo tình hình tài chính của HABECO cho tất cả chủ nợ biết; b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của HABECO, kể cả cho người quản lý; c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a	2. Khi HABECO không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì: a. Phải thông báo tình hình tài chính của HABECO cho tất cả chủ nợ biết; b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của HABECO, kể cả cho người quản lý; c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b	

và b khoản này; d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của HABECO.	khoản này; d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của HABECO.	
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	3. Các trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	
	4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1,2,3 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.	khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp
Điều 69. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	**Điều 69. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**	
1. Hợp đồng, giao dịch giữa HABECO với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của HABECO và những người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác và có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần hoặc những người liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa HABECO với người có liên quan sau đây: a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của HABECO và người có liên quan của họ; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của HABECO phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.	khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp

riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;		
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản HABECO ghi trong báo cáo tài chính sau kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đai diện công ty ký hợp đồng phải thông báo đến các thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên về các đối tượng liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản HABECO ghi trong báo cáo tài chính sau kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại sau khi đã trừ số cổ phiếu của cổ đông có liên quan đồng ý.	3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây: a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này; b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất giữa HABECO và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp
	4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao	khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp

	dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 3 và khoản 7 Điều 40 Điều lệ HABECO.	
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Chủ tịch Hội đồng quản trị, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho HABECO các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Chủ tịch Hội đồng quản trị, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho HABECO các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
Điều 70. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	**Điều 70. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc**	Điều 163 Luật Doanh nghiệp
1. HABECO có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	1. HABECO có quyền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	
2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây: a. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được trả tiền	2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:	khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp

lương, tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng được hưởng gắn với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý của HABECO. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên; b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao; c. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. d. Tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.	a. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng được hưởng gắn với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý của HABECO. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên; b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao; c. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. d. Tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.	
3. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO; phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc phê duyệt được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO; phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
Mục 7. BAN KIỂM SOÁT	**Mục 5. BAN KIỂM SOÁT**	

Điều 71. Ban kiểm soát	**Điều 71. Ban kiểm soát**	
Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành HABECO: 1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của HABECO.	Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành HABECO. 1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của HABECO.	
2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên của Ban phụ trách từng loại công việc.	2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên của Ban phụ trách từng loại công việc.	
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát: a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp; phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. c. Không phải vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản	3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên: a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản	Sửa điều kiện của Kiểm soát viên theo đúng quy định của Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Quy định của HABECO hiện nay yêu cầu Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc Kế toán viên, đồng nghĩa với việc yêu cầu Kiểm soát viên phải có Chứng nhận/Chứng chỉ về nghiệp vụ kế toán/kiểm toán viên (Đây là tiêu chuẩn cao hơn so với

trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác. d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO; e. Không là thành viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó.	lý khác; d. Không phải là người quản lý HABECO; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của HABECO; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO; e. Không là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó. f. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của HABECO; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp; người đại diện phần vốn nhà nước tại HABECO	quy định của Luật và có thể gây khó khăn trong công tác tuyển chọn nhân sự).
4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp làm việc chuyên trách tại HABECO.	4. Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định "Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn". Như vậy, quy định hiện tại của Điều lệ HABECO đang quy định tiêu chuẩn cao hơn so với Nghị định. Việc quy định Trưởng Ban kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc

		Kiểm toán viên, đồng nghĩa với việc Trưởng Ban Kiểm soát phải có Chứng chỉ/Chứng nhận về nghiệp vụ kế toán/kiểm toán, có thể khó khăn hơn trong công tác bổ nhiệm nhân sự. Do vậy, đề xuất sửa lại tiêu chuẩn bằng quy định của Nghị định. Đề xuất bổ sung theo Điều 38 Điều lệ mẫu theo PL01 Thông tư 116.
5. Kiểm soát viên không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của HABECO, và cũng không là người có liên quan với các chức danh kể trên hoặc người quản lý khác; Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	5. Kiểm soát viên không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác của HABECO hoặc là người có liên quan với các chức danh kể trên; Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua	Bỏ quy định về thời gian nắm giữ do Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định.

	đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	
6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	
Điều 72. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	**Điều 72. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**	Điều 170 Luật Doanh nghiệp.
1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.	1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.	khoản 1 Điều 170 Luật Doanh nghiệp.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên	3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội	khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông.	đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO.	4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO.	
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này.	5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này.	khoản 5 Điều 170 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.	6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.	

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.	7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.	
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	khoản 8 Điều 170 Luật Doanh nghiệp.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của HABECO. 10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. 12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO. 13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của HABECO. 10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. 12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO. 13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	

Điều 73. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	**Điều 73. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**	
1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành.	Bổ sung và sửa cách trình bày tham chiếu theo khoản 1 Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của HABECO làm việc	2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của HABECO trong giờ làm việc.	khoản 2 Điều 171 Luật Doanh nghiệp
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Ban kiểm soát.	3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.	khoản 3 Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
5. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các cổ đông,		Đã gộp vào khoản 1 Điều này.

thành viên Hội đồng quản trị.		
6. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Bổ sung tham chiếu theo khoản 1 Điều 289 Nghị định 155.
7. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.	5. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.	
Điều 74. Quyền lợi của Kiểm soát viên	**Điều 74. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**	Điều 172 Luật Doanh nghiệp
Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Kiểm soát viên chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Kiểm soát viên không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân	Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Kiểm soát viên chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Kiểm soát viên không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân	

hằng ngày của thành viên;	hằng ngày của thành viên;	
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;	2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;	
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO.	3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO.	
Điều 75. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên	**Điều 75. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**	Điều 173 Luật Doanh nghiệp.
1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.	1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.	khoản 1 Điều 173 Luật Doanh nghiệp.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO.	2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO.	
3. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông HABECO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	3. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông HABECO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO	4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO	
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì các kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của HABECO.	5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì các kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty	khoản 5 Điều 173 Luật Doanh nghiệp.
6. Trường hợp phát hiện có kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.	Khoản 6 Điều 173 Luật Doanh nghiệp, tất cả chủ thể phát hiện đều phải thông báo.
Điều 76. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	**Điều 76. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**	
1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.	1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.	
2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.	2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.	
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Điều lệ HABECO; b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn xin từ chức; d. Các trường hợp khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO. e. Bị mất trí, bị chết theo qui định của Pháp luật.	theo quy định tại khoản 3 Điều 71 của Điều lệ HABECO; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; 4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO; d. Bị mất trí, bị chết theo qui định của Pháp luật.	
4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	5. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.	6. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.	
Mục 8. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN	**Mục 6. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN**	
Điều 77. Trình báo cáo hàng năm	**Điều 77. Trình báo cáo hàng năm**	
1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải	1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại	khoản 1 Điều 175 Luật Doanh

chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của HABECO; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành HABECO.	hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: a. Báo cáo kết quả kinh doanh của HABECO; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành HABECO; d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.	nghiệp.
2. Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.	2. Báo cáo tài chính hằng năm của HABECO phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.	
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.	3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	khoản 3 Điều 175 Luật Doanh nghiệp.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của HABECO chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của HABECO liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.	4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 15 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của HABECO liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	khoản 4 Điều 175 Luật Doanh nghiệp.
Điều 78. Công khai thông tin về HABECO	**Điều 78. Công khai thông tin về HABECO**	
1. HABECO phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử	1. HABECO phải công bố định kỳ trên trang thông tin	

của Tổng công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây: a. Thông tin cơ bản về HABECO và điều lệ HABECO; b. Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm; c. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; d. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hằng năm; Nội dung công bố thông tin quy định tại Điểm b và Điểm c Điều này bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ (HABECO) và Báo cáo tài chính hợp nhất; đ. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo; e. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác; f. Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức HABECO.	điện tử của Tổng công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây: a. Thông tin cơ bản về HABECO và điều lệ HABECO; b. Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm; c. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; d. Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hằng năm; Nội dung công bố thông tin quy định tại Điểm b và Điểm c Điều này bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ (HABECO) và Báo cáo tài chính hợp nhất; đ. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo; e. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác; f. Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức HABECO.	
2. Báo cáo thực trạng quản trị HABECO bao gồm các thông tin sau đây: a. Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu	2. Báo cáo thực trạng quản trị HABECO bao gồm các thông tin sau đây: a. Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu	

và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; b. Thông tin về người quản lý Tổng công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với Tổng công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý Tổng công ty; c. Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc; d. Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ; đ. Thông tin về Đại hội công nhân, viên chức; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động; e. Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; g. Thông tin về các bên có liên quan của HABECO, giao dịch của HABECO với bên có liên quan; h. Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ này.	và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; b. Thông tin về người quản lý Tổng công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với Tổng công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý Tổng công ty; c. Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc; d. Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ; đ. Thông tin về Đại hội công nhân, viên chức; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động; e. Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; g. Thông tin về các bên có liên quan của HABECO, giao dịch của HABECO với bên có liên quan; h. Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ này.	
3. HABECO phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện	3. HABECO phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty về các thông tin bất	Hiện nay, quy định công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Danh mục sự kiện phải công bố thông tin quy định tại Điều lệ của HABECO

sau đây: a. Tài khoản của HABECO tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa; b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của HABECO; c. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của HABECO; d. Thay đổi người quản lý HABECO, gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán; đ. Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý HABECO; e. Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của HABECO; g. Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính; h. Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.	thường theo quy định pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng niêm yết trên thị trường chứng khoán.	hiện tại không đủ. Do vậy, đề xuất sửa nội dung này.

3. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
4. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.	5. Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.	
5. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.	6. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.	
CHƯƠNG VI **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**	**CHƯƠNG III. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**	
Điều 79. Chế độ kế toán	**Điều 79. Chế độ kế toán**	
1. HABECO hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của HABECO.	1. HABECO hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của HABECO.	
2. Năm tài chính của HABECO bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên của HABECO bắt đầu từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.	2. Năm tài chính của HABECO bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên của HABECO bắt đầu từ ngày HABECO được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.	
	3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp HABECO có các nghiệp vụ kinh tế	Bổ sung tham chiếu khoản 3 Điều 54 Phụ lục I ban hành kèm

	phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	theo thông tư 116/2020/TT-BTC
3. HABECO thực hiện chế độ kế toán và thống kê theo pháp luật hiện hành về kế toán, thống kê, kiểm toán của nhà nước Việt Nam: a. Công tác kế toán thực hiện theo hệ thống chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, b. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của HABECO phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của HABECO. HABECO lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.	4. HABECO thực hiện chế độ kế toán và thống kê theo pháp luật hiện hành về kế toán, thống kê, kiểm toán của nhà nước Việt Nam: a. Công tác kế toán thực hiện theo hệ thống chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, b. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của HABECO phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của HABECO. HABECO lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của HABECO.	Bổ sung tham chiếu theo khoản 2 Điều 54 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán trong toàn HABECO theo đúng quy định của pháp luật.	5. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức công tác tài chính, kế toán, hạch toán trong toàn HABECO theo đúng quy định của pháp luật.	
5. HABECO sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	6. HABECO sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	
6. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, HABECO có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.	7. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, HABECO có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.	

7. HABECO sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà HABECO mở tài khoản.	8. HABECO sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà HABECO mở tài khoản.	
Điều 80. Báo cáo tài chính	**Điều 80. Báo cáo tài chính**	
1. HABECO phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 81 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước theo quy định.	1. HABECO phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 81 của Điều lệ này. HABECO công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. HABECO phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp luật hiện hành.	Thông tư 96/2020/TT-BTC
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của HABECO trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của HABECO cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của HABECO và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của HABECO trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của HABECO cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của HABECO và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.	
3. HABECO phải lập các báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý	3. HABECO phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán	Khoản 3 Điều 55 PL 01 TT116

theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.	niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Thông tư 96/2020/TT-BTC
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của HABECO.	4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của HABECO.	
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sau tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của HABECO và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sau tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của HABECO và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
Điều 82. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của công ty	**Điều 82. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận của công ty**	
1. Sau khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, Đại hội đồng cổ đông quyết định trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ, mức trích quỹ tối đa không quá tỷ lệ (%) theo quy định của pháp luật trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ . Việc chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật.	1. Sau khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, Đại hội đồng cổ đông quyết định trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ, mức trích quỹ tối đa không quá tỷ lệ (%) theo quy định của pháp luật trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ . Việc chi và quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật.	
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được phân phối như sau:	2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được phân phối theo quy định pháp luật hiện hành áp dụng	

- Chia cổ tức cho các cổ đông; - Trích quỹ đầu tư phát triển; - Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi; - Trích quỹ an sinh xã hội; - Trích các quỹ khác (nếu có);	đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	
3. Mức trích, tỷ lệ trích các quỹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.	3. Mức trích, tỷ lệ trích các quỹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật hiện hành và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.	
	4. Mức chia cổ tức cho các cổ đông được xác định theo Điều 24 và Điều 25 Điều lệ này.	Bổ sung dẫn chiếu
	5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Bổ sung tham chiếu khoản 6 Điều 51 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 85. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam	**Điều 85. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam**	
Đảng bộ Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.	Đảng bộ Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp Nhà nước.	Doanh nghiệp Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là Doanh nghiệp Nhà nước. – Khoản 11 điều 4 Luật DN
CHƯƠNG X **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU**	**CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU**	

Điều 90. Con dấu của HABECO	**Điều 90. Con dấu của HABECO**	
	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.	Khoản 1 Điều 43 Luật Doanh nghiệp
1. Hội đồng Quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của HABECO. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a. Tên của HABECO; b. Mã số doanh nghiệp của HABECO.	2. Hội đồng Quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của HABECO. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a. Tên của HABECO; b. Mã số doanh nghiệp của HABECO.	
2. Trước khi sử dụng mẫu dấu mới, Tổng Giám đốc phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Bỏ nội dung này	Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ nội dung này.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu	4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu	
Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của HABECO	**Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của HABECO**	
1. HABECO phải lưu giữ các tài liệu sau đây: a. Điều lệ HABECO; sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; quy	1. HABECO phải lưu giữ các tài liệu sau đây: a. Điều lệ HABECO; sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; quy	Điều 11 Luật Doanh nghiệp.

chế quản lý nội bộ của HABECO; sổ đăng ký cổ đông; b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác; c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của HABECO; d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của HABECO; e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán; g. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập; h. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm; i. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.	chế quản lý nội bộ của HABECO; sổ đăng ký cổ đông; b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác; c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của HABECO; d. Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của HABECO; e. Bản cáo bạch để chào bán chứng khoán; g. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập; h. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm; i. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.	
2. HABECO phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.	2. HABECO phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.	
CHƯƠNG XI **NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**	**CHƯƠNG V. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**	Sửa tên Chương tham chiếu theo Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.
Điều 92. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	**Điều 92. Giải quyết tranh chấp nội bộ**	Điều 62 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định, giữa: a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.	khoản 1 Điều 62 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải hoặc quyết định hòa giải không được các bên thực hiện, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài thương mại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.	2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.	
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.	3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.	Khoản 3 Điều 62 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG XII **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**	**CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ CÔNG TY**	
Điều 93. Chấm dứt hoạt động	**Điều 2. Giải thể công ty**	
1. HABECO có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Toà án tuyên bố HABECO phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Kết thúc thời gian hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020 Điều 59 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.
2. Việc giải thể HABECO do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.	2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	
Điều 94. Thanh lý	**Điều 94. Thanh lý**	
1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể HABECO, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên; trong đó, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định	1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của HABECO hoặc sau khi có quyết định giải thể HABECO, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông	theo khoản 1 Điều 61 Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.

từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên HABECO hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được HABECO ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của HABECO.	chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của HABECO hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được HABECO ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của HABECO.	
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt HABECO trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý HABECO trước Toà án và các cơ quan hành chính.	2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt HABECO trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý HABECO trước Toà án và các cơ quan hành chính.	
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của HABECO; g. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.	3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau: a. Các chi phí thanh lý; b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của HABECO; g. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.	

4. Việc phá sản HABECO được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.	4. Việc phá sản HABECO được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.	
CHƯƠNG XIII **QUY ĐỊNH THỰC HIỆN**	**CHƯƠNG VII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**	Sửa tên Chương tham chiếu theo Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 95. Bổ sung, sửa đổi và hiệu lực của Điều lệ	**Điều 95. Điều lệ HABECO**	Điều 63 Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được quyền thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của bản Điều lệ này.	1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được quyền thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của bản Điều lệ này.	
2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO.	2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO.	
	CHƯƠNG VIII. NGÀY HIỆU LỰC	Bổ sung Chương XIV tham chiếu theo Phụ lục I ban hành kèm thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 96. Ngày hiệu lực	**Điều 96. Ngày hiệu lực**	
1. Bản Điều lệ này gồm 13 Chương, 96 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30/6/2020 của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội họp và nhất trí thông qua toàn văn của Điều lệ và có hiệu lực	1. Bản Điều lệ này gồm 13 Chương, 96 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội họp và nhất trí thông qua toàn văn của Điều lệ và có hiệu lực kể từ	

kể từ ngày này.	ngày này.	
2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a. 01 bản gốc đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh tại Hà Nội. b. 04 bản gốc lưu trữ tại HABECO. c. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của HABECO.	2. Điều lệ này được lập thành 05 bản gốc và được lưu trữ tại HABECO. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của HABECO.	Phòng ĐKKD không lưu giữ Điều lệ của Doanh nghiệp nếu Doanh nghiệp không thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp (Ví dụ: Chuyển đổi loại hình, Chuyển đổi địa chỉ trụ sở khác tỉnh...). Do vậy, đề xuất sửa nội dung như điều chỉnh.
3. Các bản sao và trích lục của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc HABECO mới có giá trị./.	3. Các bản sao và trích lục của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc HABECO mới có giá trị./.	
	Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản.	

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Ghi chú:

- *Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.*

Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I.	**CHƯƠNG I.**	
QUY ĐỊNH CHUNG	**QUY ĐỊNH CHUNG**	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**	
1. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Habeco để bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Habeco; quy định về sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Đồng thời quy chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Habeco.	1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ HABECO và các quy định hiện hành khác của pháp luật	Tham chiếu Điều 1 Quy chế QTNB mẫu tại PL số 02 Thông tư số 116/2020/TT-BTC
2. Đối tượng áp dụng: a, Cổ đông; b, Thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; c, Ban điều hành gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; d, Cán bộ quản lý khác của Habeco.	2. Đối tượng áp dụng: a. HABECO; b. Cổ đông; c. Tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông; d. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp của HABECO và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này; e. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến HABECO.	Tham chiếu Điều 1 Quy chế QTNB mẫu tại PL số 02 Thông tư số 116/2020/TT-BTC
Điều 2. Giải thích từ ngữ	**Điều 2. Giải thích từ ngữ**	

1. Chữ viết tắt a. "Habeco" là Tổng công ty cổ phần Bia –Rượu – Nước giải khát Hà Nội.	1. Chữ viết tắt "HABECO" là Tổng công ty cổ phần Bia –Rượu – Nước giải khát Hà Nội	
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Quản trị công ty" là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm: - Đảm bảo cơ cấu quản trị minh bạch, hiệu quả. - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan. - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông. - Đảm bảo vai trò định hướng của Hội đồng quản trị; điều hành, quản lý của Ban điều hành; kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát. b. "Công ty đại chúng" là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán; c. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy đinh tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán; d. "Người quản lý doanh nghiệp" được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp. e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;	2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm: - Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; - Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty; - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty; Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. b. "Công ty đại chúng" là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán; c. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy đinh tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;	Tham chiếu Điều 40 Luật Chứng khoán

f. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Habeco. g. "Thành viên HĐQT độc lập" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp; h. "Người phụ trách quản trị Habeco" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP; i. "Người có liên quan" là các nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; j. "Điều lệ Habeco" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội. k. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014. l. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán 62/2010/QH12 thông qua ngày 24/11/2010.	d. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ HABECO; e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của HABECO; f. "Thành viên HĐQT không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ HABECO. g. "Thành viên HĐQT độc lập" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp; h. "Người phụ trách quản trị HABECO" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; j. "Điều lệ HABECO" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội.	

	k. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020. l. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019.	
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.	3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.	
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.	4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.	
CHƯƠNG II.	**CHƯƠNG II.**	
CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	**CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG**	
Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông.	**Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông**	

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có dư số cổ phiếu của Habeco. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin của cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Habeco.	1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm cổ phần của cổ đông được ghi nhận chính thức. Cổ phần của cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và cổ đông được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại HABECO. 2. Đối với cổ phiếu dã được đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, chỉ những người có tên trên sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của HABECO mới được nhận các quyền phát sinh liên quan đến cổ phiếu mà mình sở hữu. 3. Trường hợp cổ phiếu đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sau khi được thành lập - gọi tắt là VSD), việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu có hiệu lực vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD. Trường hợp cổ phiếu chưa lưu ký, việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu có hiệu lực vào ngày ghi sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do VSD quản lý.	
2. Sổ đăng ký cổ đông của Habeco, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Habeco là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền, nghĩa vụ của cổ đông.	4. Sổ đăng ký cổ đông của HABECO, danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp cho HABECO là căn cứ để xác định tư cách, quyền, nghĩa vụ của cổ đông.	Luật **<u>không</u>** quy định sổ đăng ký cổ đông hay danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp là căn cứ duy nhất xác định quyền,

		nghĩa vụ cổ đông. Đề xuất bỏ từ "duy nhất".
Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.	**Điều 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.**	
1. Mọi cổ đông sở hữu cổ phần cùng loại đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.	1. Mọi cổ đông sở hữu cổ phần cùng loại đều được đối xử bình đẳng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.	Điều 41.1(a) của Luật Chứng khoán 2019.
2. Cổ đông lớn không được dùng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của Habeco và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Habeco.	2. Cổ đông lớn không được dùng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của HABECO và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	
Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin.	**Điều 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp, kiểm tra thông tin**	
1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác, gửi yêu cầu bằng văn bản đến Tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời thông báo bằng văn bản đến Văn phòng Hội đồng quản trị Habeco biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì phải gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Văn phòng Hội đồng quản trị Habeco. Trường hợp sửa đổi thông tin không chính xác, cổ đông gửi kèm bản sao chứng thực các giấy tờ chứng minh thông tin.	1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình, gửi yêu cầu bằng văn bản đến Tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời thông báo bằng văn bản đến Văn phòng Hội đồng quản trị HABECO biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì phải gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Văn phòng Hội đồng quản trị HABECO. Trường hợp sửa đổi thông tin không chính xác, cổ đông gửi kèm bản sao chứng thực các giấy tờ chứng minh thông tin.	Sửa đổi tham chiếu mục đ, khoản 1 điều 115 Luật DN

2. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Habeco, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp Văn phòng Hội đồng quản trị Habeco để được cung cấp tài liệu.	2. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ HABECO, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp Văn phòng Hội đồng quản trị HABECO để được cung cấp tài liệu.	
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền:	Điều 115 quyền của cổ đông phổ thông Bỏ quy định về thời gian sở hữu cổ phần trong 6 tháng

a. Yêu cầu xem xét, trích lục Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm và báo cáo của Ban kiểm soát theo trình tự sau: - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận Văn thư tại trụ sở chính của Habeco. - Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công các phòng ban có liên quan cung cấp thông tin về Văn phòng Hội đồng quản trị là đầu mối tiếp nhận thông tin. Văn phòng Hội đồng quản trị sẽ cung cấp thông tin cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc từ chối cung cấp thông tin.	a. Xem xét, tra cứu, và trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty theo trình tự sau: - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận Văn thư tại trụ sở chính của HABECO. - Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và phân công các phòng ban có liên quan cung cấp thông tin về Văn phòng Hội đồng quản trị là đầu mối tiếp nhận thông tin. Văn phòng Hội đồng quản trị sẽ cung cấp thông tin cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc từ chối cung cấp thông tin.	Điểm a khoản 2 Điều 115 LDN

b. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Habeco nếu xét thấy cần thiết theo trình tự sau: - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Ban kiểm soát bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận Văn thư tại trụ sở chính của Habeco. - Ban kiểm soát xem xét yêu cầu, thực hiện kiểm tra trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu và phản hồi bằng văn bản cho cổ đông, nhóm cổ đông trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	b. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO nếu xét thấy cần thiết theo trình tự sau: - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi yêu cầu bằng văn bản cho Ban kiểm soát bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp cho bộ phận Văn thư tại trụ sở chính của HABECO. - Ban kiểm soát xem xét yêu cầu, thực hiện kiểm tra trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu và phản hồi bằng văn bản cho cổ đông, nhóm cổ đông trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	
c. Yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải nêu rõ thông tin cổ đông (họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số CMND/Hộ chiếu/ Chứng thực cá nhân hợp pháp khác/ Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Habeco, nội dung yêu cầu hoặc các vấn đề cần kiểm tra và mục đích kiểm tra, chữ ký của cổ đông (có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu nếu là tổ chức) hoặc nhóm cổ đông.	c. Yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải bao gồm các thông tin sau: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của HABECO; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra, chữ ký của cổ đông (có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu nếu là tổ chức) hoặc nhóm cổ đông.	Sửa đổi tham chiếu mục c khoản 2 điều 115 Luật DN Địa chỉ liên lạc sẽ đảm bảo có thể liên lạc với cổ đông thay vì địa chỉ thường trú.
d. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin hoặc kiểm tra thì Ban kiểm soát Habeco phải trả lời cho cổ đông bằng	đ. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin hoặc kiểm tra thì Ban kiểm soát HABECO phải trả lời cho cổ đông bằng	

văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu và nêu rõ lý do từ chối.	văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu và nêu rõ lý do từ chối.	
4. Cổ đông yêu cầu xem xét, trích lục và sao chụp một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Văn phòng Hội đồng quản trị để được cung cấp tài liệu.	4. Cổ đông yêu cầu xem xét, trích lục và sao chụp một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Văn phòng Hội đồng quản trị để được cung cấp tài liệu.	
5. Habeco gửi trích tài liệu trích lục, sao chụp cho cổ đông trực tiếp bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email của cổ đông.	5. HABECO gửi trích tài liệu trích lục, sao chụp cho cổ đông trực tiếp bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email của cổ đông.	
Điều 6. Cổ đông đăng ký làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.	**Điều 6. Cổ đông đăng ký làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.**	
1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc thắc mắc liên quan đến quyền và lợi ích của cổ đông được quy định trong Điều lệ Habeco hoặc theo quy định của pháp luật phải đăng ký với Văn phòng Hội đồng quản trị. Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ vào lịch làm việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc trực tiếp với cổ đông hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Thư ký Habeco	1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc thắc mắc liên quan đến quyền và lợi ích của cổ đông được quy định trong Điều lệ HABECO hoặc theo quy định của pháp luật phải đăng ký với Văn phòng Hội đồng quản trị. Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ vào lịch làm việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc quyết định làm việc trực tiếp với cổ đông hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Thư	

thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).	ký HABECO thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).	
2. Thư ký Habeco có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Habeco.	2. Thư ký HABECO có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ HABECO.	
Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng.	**Điều 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng**	
1. Habeco tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Habeco một cách nhanh chóng, chính xác. 2. Thông tin của Habeco được cung cấp thông qua các kênh sau:	1. HABECO tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ HABECO một cách nhanh chóng, chính xác. 2. Thông tin của HABECO được cung cấp thông qua các kênh sau:	

a. Website chính thức của Habec: http://www.habeco.com.vn b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với các công ty đại chúng; c. Thông cáo báo chí của Habeco; d. Phát ngôn của Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin; e. Các báo cáo, các văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng của Habeco.	a. Website chính thức của HABECO: http://www.HABECO.com.vn b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với các công ty đại chúng; c. Thông cáo báo chí của HABECO; d. Phát ngôn của Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin; e. Các báo cáo, các văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng của HABECO.	
CHƯƠNG III.	**CHƯƠNG III.**	
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	
Điều 8. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 8. Triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 33 Điều lệ Habeco.	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 33 Điều lệ HABECO.	

2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau: a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng quản trị Habeco về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Văn phòng Hội đồng quản trị sẽ gửi Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (Hose) và công bố trên website của Habeco. b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Habeco.	2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như sau: a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng quản trị HABECO về kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Văn phòng Hội đồng quản trị sẽ gửi Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp gửi VSD và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (Hose) và công bố trên website của HABECO. b. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ HABECO.	
	Điều 9. <u>Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</u> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dược lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số	Bổ sung tham chiếu Điều 34 ĐIều lệ HABECO sửa đổi, bổ sung

	doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	
	Điều 10. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Bổ sung tham chiếu điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
	Điều 11. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ HABECO	Tham chiếu Điều 142 Luật Doanh nghiệp và điều 35 Điều lệ HABECO sửa đổi, bổ sung
	Điều 12. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 HABECO.	Tham chiếu Điều 37 Điều lệ HABECO sửa đổi, bổ sung và Điều 144 Luật Doanh nghiệp

Điều 9. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 13. Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Habeco phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau: a. Chứng minh thư nhân dân/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân; b. Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền dự họp).	1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, HABECO phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau: a. Chứng minh thư nhân dân/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước công dân; b. Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền dự họp).	
2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu cử và/hoặc Phiếu bầu cử, Mã đại biểu. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, có đóng dấu treo của Habeco.	2. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, Mã đại biểu, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, có đóng dấu treo của HABECO.	Nội dung trong quy định hiện hành bị lặp lại Sửa thống nhất theo điều lệ
	Điều 14. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 38 Điều lệ HABECO.	
Điều 10. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 15. Bầu, biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.**	

1. Tất cả các nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.	1. Tất cả các nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử (nếu có) theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.	
2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội: a. Tán thành (đồng ý) với nội dung; b. Không tán thành (không đồng ý) với nội dung; c. Không có ý kiến với nội dung.	2. Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội: a. Tán thành (đồng ý) với nội dung; b. Không tán thành (không đồng ý) với nội dung; c. Không có ý kiến với nội dung.	

3. Phương thức bầu, biểu quyết: a. Phương thức nộp "Phiếu biểu quyết": mỗi cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ô ý kiến: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu "X" vào ô mình chọn. Phương thức này để thông qua các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội. b. Phương thức nộp "Phiếu bầu cử": cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Phương thức này (phương thức bầu dồn phiếu) để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. c. Phương thức giơ "Thẻ biểu quyết": Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác với nội đung nêu tại điểm a và b khoản này, trừ các báo cáo, tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	3. Phương thức bầu, biểu quyết: a. Phương thức nộp "Thẻ biểu quyết": mỗi cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông được phát một (01) Thẻ biểu quyết trong đó có ba (03) ô ý kiến: Tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý), không có ý kiến. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu "X" vào ô mình chọn. b. Phương thức nộp "Phiếu bầu cử": cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Phương thức này (phương thức bầu dồn phiếu) để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. c. Phương thức giơ "Thẻ biểu quyết": Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giơ thẻ biểu quyết lên cao. Phương thức biểu quyết cụ thể sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm.	Sửa đổi thống nhất với khoản 2 điều này. Ngoài ra, để công tác tổ chức biểu quyết tại Đại hội được linh hoạt, phương thức biểu quyết tại cuộc họp sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ từng thời điểm. Đề xuất nội dung khoản này như nội dung nêu trên.

4. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử: a. Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Habeco, không tẩy xóa, cạo sửa, phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện. b. Về nội dung: - Đối với "Phiếu biểu quyết" không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu "X" bằng bút mực chọn một trong ba ô biểu quyết. - Đối với "Phiếu bầu cử": + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu; + Không ghi bằng bút chì, không gạch tên các ứng viên. + Số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá số phiếu được biểu quyết. + Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.	4. Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử: a. Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của HABECO, không tẩy xóa, cạo sửa, phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện. b. Về nội dung: - Đối với "Thẻ biểu quyết" không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu "X" bằng bút mực chọn một trong ba ô biểu quyết. - Đối với "Phiếu bầu cử": + Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu; + Không ghi bằng bút chì, không gạch tên các ứng viên. + Số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá số phiếu được biểu quyết. + Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.	

5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu: a. Đại hội bầu Ban kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả kiểm phiếu, biểu quyết. b. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.	5. Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu: a. Đại hội bầu Ban kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả kiểm phiếu, biểu quyết. b. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số Thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung; ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông c. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được đếm riêng. Tổng số ý kiến Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.	Bổ sung tham chiếu khoản 1 Điều 20 Phụ lục 01 Thông tư 116/TT-BTC
Điều 11. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 16. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.**	
1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa thống nhất với Điều lệ sửa đổi bổ sung, theo đó, sử dụng thống nhất thuật ngữ "Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán"

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Habeco; b. Thông qua định hướng phát triển Habeco; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d. Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Habeco; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habeco; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể Habeco.	2. Đối với các vấn đề sau đây, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO; b. Thông qua định hướng phát triển HABECO; c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; d. Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát HABECO; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của HABECO; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể HABECO.	

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c.Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Habeco; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghị trong báo cáo tài chính gần nhất của Habeco; đ. Tổ chức lại hay giải thể Habeco; e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Habeco;	3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c.Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý HABECO; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghị trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của HABECO; đ. Tổ chức lại hay giải thể HABECO. e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ HABECO.	
4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5, Điều này.	4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.	Sửa đổi tham chiêu khoản 2 điều 148 Luật Doanh nghiệp

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Habeco. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Habeco.	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ HABECO.	
6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phiếu biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.	Nội dung này được bổ sung để phù hợp với khoản 6 Điều 40 của Điều lệ HABECO sửa đổi.
7. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.	7. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít	

	nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.	8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của HABECO	Sửa đổi tham chiếu khoản 8 điều 41 Điều lệ HABECO
	9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết đưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa theo Điều lệ
	Điều 17. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông 1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ HABECO có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý đo yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời	Bổ sung tham chiếu Tham chiếu Điều 132 Luật Doanh nghiệp

	hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. 2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ HABECO trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	
Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 18. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.** Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 42 Điều lệ HABECO	Sửa đổi tham chiếu Điều 42 Điều lệ HABECO Sau ĐHĐCĐ, cả nghị quyết và biên bản họp được tập hợp và công bố cùng một lúc.
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác của Habeco. Biên bản phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.		Quy định này đã có trong Điều lệ, tham chiếu điều 42, Điều lệ HABECO
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.		

3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.		
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tự của Habeco trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.		
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.		
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Habeco.		
Điều 13. Công bố quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 19. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**	Sau ĐHĐCĐ, HABECO phải CBTT đồng thời Biên bản họp và nghị quyết

1. Trong thời gian hai mươi bốn (24h) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Habeco thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau: a. Trang thông tin điện tử của Habeco; b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy bản chứng khoán Nhà nước; c. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.	1. Trong thời gian hai mươi bốn (24h) giờ kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), HABECO thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau: a. Trang thông tin điện tử của HABECO; b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; c. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.	
2. Việc công bố thông tin trên các phương tiện trên thực hiện theo hướng dẫn, quy định.	2. Việc công bố thông tin trên các phương tiện trên thực hiện theo hướng dẫn, quy định.	
	Điều 20. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO; 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung Tham chiếu Điều 152 Luật Doanh nghiệp

	theo quy định tại Điều 43 Điều lệ HABECO, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	
Điều 14. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**	
1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây : a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Habeco, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp). b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Habeco.	1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ HABECO có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây : a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (quy định tại Khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp). b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ HABECO.	

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.	2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyết định bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ HABECO và Luật doanh nghiệp.	
	Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	Bổ sung quy định về họp ĐHĐCĐ trực tuyến
	1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế này. 2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế này. b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ *cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.*	

	3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. 4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. 5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 38 Điều lệ HABECO. 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.	

	b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành" ("Đồng ý"), "Không tán thành" ("Không đồng ý"), "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. 7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông d. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 Quy chế này. e. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 41 Điều lệ HABECO. 8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, Điều 42 Điều lệ HABECO. 9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông	

	Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế này. 10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này. 11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. 12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.	
CHƯƠNG IV	**CHƯƠNG IV.**	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 15. Thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 23. Thành viên Hội đồng quản trị**	

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ..... thành viên .	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ ba (03) đến mười một (11) thành viên số lượng cụ thể thành viên hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	Sửa đổi tham chiếu điều 45 Điều lệ HABECO sửa đổi, bổ sung
2. Thành viên Hội đồng quản trị Habeco phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	2. Thành viên Hội đồng quản trị HABECO phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	
a. Đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của HABECO. c. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật. d. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị không được đảm nhiệm hoặc được uỷ quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của HABECO.	a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của HABECO; c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không quá 5 công ty khác; d. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật; e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của HABECO. f. Không đồng thời là Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, người quản lý khác của HABECO hoặc là người liên quan của những người này.	Sửa đổi bổ sung tham chiếu Khoản 1 Điều 155 Luật DN và nghị định 155/2020/NĐ-CP, Điều 46 Điều lệ HABECO.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan đến Habeco theo quy định tại các văn bản nội bộ của Habeco về công bố thông tin và tuyên bố này được lưu trữ tại trụ sở Habeco bao gồm các thông tin trong báo cáo sáu (06) tháng và báo cáo năm theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán.	3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan đến HABECO theo quy định tại các văn bản nội bộ của HABECO về công bố thông tin và tuyên bố này được lưu trữ tại trụ sở HABECO bao gồm các thông tin trong báo cáo sáu (06) tháng và báo cáo năm theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán.	
4. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh quản lý ở Habeco hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 18 Luật doanh nghiệp và Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng.	4. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh quản lý ở HABECO hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 17 Luật doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng.	
5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều lệ Habeco và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Habeco.	5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều lệ HABECO và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị HABECO.	
Điều 16. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.	**Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.**	
1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo điều 2 khoản này.Việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Habeco.	1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo điều 2 khoản này.Việc đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sau (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sau (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Tham chiếu theo điều 115 Luật Doanh nghiệp
3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trường hợp đã xác định được ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Habeco để cổ đông có thể tìm hiểu các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị tối thiểu bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý; e. Các lợi ích có liên quan đến Habeco (nếu có); f. Các thông tin khác (nếu có).	3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trường hợp đã xác định được ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HABECO để cổ đông có thể tìm hiểu các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị tối thiểu bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý; e. Các lợi ích có liên quan đến HABECO (nếu có); f. Các thông tin khác (nếu có).	

4. Ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.	4. Ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.	
5. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên . Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.	5. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên . Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.	
Điều 17. Cách chức, bầu thành viên Hội đồng quản trị.	**Điều 25. Cách chức, bầu thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Habeco.	1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO.	

2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị a. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Habeco thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. b. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.	2. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị a. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ HABECO thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. b. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.	
Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**	

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 46 Điều lệ Habeco; b. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của cơ quan pháp luật; c. Có đơn xin từ chức; không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ Habeco; d. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật; e. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Điều 18 Luật Doanh nghiệp; f. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân; g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; h. Habeco bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án; i. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; j. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Habeco với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ HABECO; b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật; d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân; e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; g. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) b. Không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ HABECO. c. Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho HABECO với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.	Sửa theo quy định của Điều lệ HABECO sửa đổi, bổ sung

2. Ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
3. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.	4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.	
Điều 19. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	**Điều 27. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**	
Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Habeco; 2. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Habeco; 3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có); 4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); 5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; 6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; 7. Các kế hoạch trong tương lai.	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO; 2. Báo cáo về tình hình kinh doanh của HABECO; 3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội dồng quản trị (nếu có); 4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); 5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; 6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; 7. Các kế hoạch trong tương lai;	

	8. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; 9. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	
Điều 20. Cuộc họp Hội đồng quản trị	**Điều 28. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	
1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành	Khoản 1 Điều 157 Luật DN

nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của HABECO hoặc ở nơi khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Khoản 2 Điều 157 Luật DN
3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.		Lặp nội dung khoản 2 điều này
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập của Hội đồng quản trị; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên; c. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, đề nghị phải nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Đa số thành viên Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập của Hội đồng quản trị; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý từ cấp trưởng phòng, ban và tương đương trở lên; c. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;	
5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lý quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ	3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị hợp lý quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì	

tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 4 Điều này có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.	Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại khoản 4 Điều này có quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của HABECO, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.	
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.	
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp kèm theo đến Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp kèm theo đến Kiểm soát viên. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.	
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường	6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.	

hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:	
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;	- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;	
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.	- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.	
Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.	Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.	
Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	

9. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại điểm b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của HABECO. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;	7. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của HABECO. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;	

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định của Điều lệ HABECO sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với HABECO và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	8. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với HABECO và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	
11. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	9. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
12. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	10. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	

13. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	11. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.	
Điều 21. Biên bản họp Hội đồng quản trị	**Điều 29. Biên bản họp Hội đồng quản trị**	
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản, có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ toạ và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.	
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội	3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội	

dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt nó hiệu lực áp dụng.	dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt nó hiệu lực áp dụng.	
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	
Điều 22. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.	**Điều 30. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**	
Habeco công bố thông tin trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ từ khi Đại hội đồng cổ đông có Nghị quyết về việc thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	HABECO công bố thông tin trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ từ khi Đại hội đồng cổ đông có Nghị quyết về việc thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
CHƯƠNG V	**CHƯƠNG V.**	
BAN KIỂM SOÁT	**BAN KIỂM SOÁT**	
Điều 23. Kiểm soát viên.	**Điều 31. Kiểm soát viên**	

1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo Điều lệ Habeco. 3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 4. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp làm việc chuyên trách tại Habeco. 5. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan đến Habeco. 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Habeco.	1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên. 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo Điều lệ HABECO. 3. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 4. Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. 5. Kiểm soát viên phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan đến HABECO. 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ HABECO.	Sửa đổi theo quy định của Điều lệ HABECO sửa đổi, bổ sung
Điều 24. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.	**Điều 32. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.**	
1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên lục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban Kiểm soát theo khoản 2 Điều này. Việc đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Habeco.	1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên Ban Kiểm soát theo khoản 2 Điều này. Việc đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	Luật Doanh nghiệp bỏ quy định về thời hạn nắm giữ tối thiểu.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Tham chiếu theo điều 115 Luật Doanh nghiệp

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang điện tử của Habeco để cô đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát tối thiểu bao gồm: a. Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Công ty mà ứng viên đang là Kiểm soát viên và/hoặc giữ chức danh quản lý; e. Các lợi ích có liên quan đến Habeco (nếu có); f. Các thông tin khác nếu có.	3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang điện tử của HABECO để cô đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát tối thiểu bao gồm: a. Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Công ty mà ứng viên đang là Kiểm soát viên và/hoặc giữ chức danh quản lý; e. Các lợi ích có liên quan đến HABECO (nếu có); f. Các thông tin khác nếu có.	
4. Ứng viên Ban kiểm soát có văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.	4. Ứng viên Ban kiểm soát có văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.	
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Ban kiểm soat đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	Sửa tỉ lệ tham chiếu theo khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

(tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt từ 51% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp) theo quy định .	(tỷ lệ biểu quyết thông qua đạt từ 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp) theo quy định của pháp luật.	
Điều 25. Cách thức bầu Kiểm soát viên.	**Điều 33. Cách thức bầu Kiểm soát viên**	
Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên đươc thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.	Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên đươc thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.	
Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.	**Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**	
1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.	1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định.	
2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.	2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chức cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết.	
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Điều lệ Habeco; b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 71 của Điều lệ HABECO; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Sửa tham chiếu theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

c. Có đơn xin từ chức; d. Các trường hợp khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Habeco. e. Bị mất trí, bị chết theo qui định của Pháp luật.	4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO; đ. Bị mất trí, bị chết theo qui định của Pháp luật. e. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	
4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.		Chuyển thành điểm e khoản 4 Điều này.
5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Habeco thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.	5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.	
Điều 27. Báo cáo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	**Điều 35. Báo cáo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**	
Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:	

a, Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO;	Sửa tham chiếu theo Điều 172 Luật Doanh nghiệp.
b, Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;	b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;	
c, Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Habeco;	c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của HABECO;	
d, Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;	d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;	
e, Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.	e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.	
	g. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch	Nội dung này được bổ sung theo Điều 290 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
Điều 28. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.	**Điều 36. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát**	

Việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Điều lệ Habeco.	Việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Điều lệ HABECO.	
Điều 29. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.	**Điều 37. Công bố thông tin về thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**	
Habeco công bố thông tin trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ từ khi Đại hội đồng cổ đông có Nghị quyết về việc thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	HABECO công bố thông tin trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ từ khi Đại hội đồng cổ đông có Nghị quyết về việc thay đổi, bầu, bầu lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
	CHƯƠNG V	
	TỔNG GIÁM ĐỐC	
	Điều 38. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều 57 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan. **Điều 39**. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc a) Nhiệm ký, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Điều lệ, quy chế nội bộ của HABECO và các quy định pháp luật có liên quan. b) Việc ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định tại mục (i) Khoản 2 Điều	Bổ sung theo Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC

	44 Điều lệ, các quy chế nội bộ của HABECO và các quy định pháp luật có liên quan.	
CHƯƠNG VI	**CHƯƠNG VI.**	
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG/BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG/BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	**Điều 40. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**	
Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên đứng trong tiểu ban và một trong số thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban thực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên đứng trong tiểu ban và một trong số thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	
CHƯƠNG VII	**CHƯƠNG VII.**	
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.	**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**	

Điều 31. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.	**Điều 41. Việc mời tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc**	
1. Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời một số thành viên Ban điều hành, Kiểm soát viên tham dự.	1. Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời một số thành viên Ban điều hành tham dự.	Theo Điều 157.7 của Luật Doanh nghiệp, chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các **Kiểm soát viên** (tức là không chỉ giới hạn ở Trưởng Ban Kiểm soát) như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó, Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Do vậy, đề xuất sửa tương ứng.
2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành tham dự cuộc họp.	2. Tại các cuộc họp quan trọng của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành tham dự cuộc họp.	
3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành tham dự.	3. Tại các cuộc họp quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành tham dự.	

4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải chuyển đến người được mời ít nhất năm (05) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, có ý kiến khi được Chủ tọa cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp.	4. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải chuyển đến người được mời ít nhất năm (05) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời họp dự thính có thể tham gia thảo luận, có ý kiến khi được Chủ tọa cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp.	
Điều 32. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.	**Điều 42. Thông báo văn bản của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**	
Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	
Điều 33. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin.	**Điều 43. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin**	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Habeco phải cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Habeco theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm soát.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của HABECO phải cung cấp tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của HABECO theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm soát.	
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Habeco phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	
3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc cũng như cán bộ quản lý	3. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám đốc cũng như	

các cấp báo cáo về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	cán bộ quản lý các cấp báo cáo về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	
4. Tổng Giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:	4. Tổng Giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:	
a. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Habeco đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và hàng năm);	a. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của HABECO đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và hàng năm);	
b. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động Habeco theo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và hàng năm);	b. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động HABECO theo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và hàng năm);	
c. Trước ngày 31/3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	c. Trước ngày 31/3 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	
d. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm các thông tin quy định tại các quy chế Habeco.	d. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm các thông tin quy định tại các quy chế HABECO.	

5. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát một (01) bản để báo cáo.	5. Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền, Kế toán trưởng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát một (01) bản để báo cáo.	
Điều 34. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.	**Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.**	
1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Habeco, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung, luôn vì lợi ích chung của Habeco. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.	1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ HABECO, quy chế hoạt động và kế hoạch hành động chung, luôn vì lợi ích chung của HABECO. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.	
2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua email, điện thoại) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.	2. Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua email, điện thoại) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.	
3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trao đổi trình độ	3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trao đổi trình độ	

chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Habeco.	chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo hội nghị, hội thảo, khảo sát nêu trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của HABECO.	
CHƯƠNG VIII	**CHƯƠNG VIII.**	
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ.	**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ.**	
Điều 35. Đánh giá hoạt động	**Điều 45. Đánh giá hoạt động**	
1. Phương thức đán giá hoạt động a. Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau: - Tự nhận xét, đánh giá; - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm. b. Đối với cán bộ quản lý cấp trung, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.	1. Phương thức đánh giá hoạt động a. Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau: - Tự nhận xét, đánh giá; - Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; - Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm. b. Đối với cán bộ quản lý cấp trung, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.	
2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:	2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:	

a. Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên Hội đồng quản trị định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ Habeco và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. b. Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát tại Điều lệ Habeco và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. c. Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Habeco, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát.	a. Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên Hội đồng quản trị định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Điều lệ HABECO và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. b. Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát tại Điều lệ HABECO và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. c. Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của HABECO, có tham khảo ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát.	
d. Việc đánh giá hoạt động đối với cán bộ đảm nhiệm vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong Hợp đồng lao động do Tổng Giám đốc quyết định.	d. Việc đánh giá hoạt động đối với cán bộ đảm nhiệm vị trí quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong Hợp đồng lao động do Tổng Giám đốc quyết định.	
Điều 36. Khen thưởng, kỷ luật	**Điều 46. Khen thưởng, kỷ luật**	

1. Khen thưởng a. Thẩm quyền khen thưởng: - Hội đồng quan trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. - Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm. b. Chế độ khen thưởng: - Bằng tiền mặt; - Bằng hiện vật. c. Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc được thực hiện theo Quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý Habeco. d. Việc khen thưởng đối với các chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động của Habeco.	1. Khen thưởng a. Thẩm quyền khen thưởng: - Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. - Tổng Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc bổ nhiệm. b. Chế độ khen thưởng: - Bằng tiền mặt; - Bằng hiện vật. - Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhiên viên (nếu có). c. Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc được thực hiện theo Quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý HABECO. d. Việc khen thưởng đối với các chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động của HABECO.	Bổ sung nhằm tăng tính đa dạng trong hình thức
2. Kỷ luật. Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ quản lý Habeco thực hiện theo quy định nội bộ Habeco và pháp luật lao động.	2. Kỷ luật. Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ quản lý HABECO thực hiện theo quy định nội bộ HABECO và pháp luật lao động.	

CHƯƠNG IX	CHƯƠNG IX.	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**	
	Điều 47. Sửa đổi bổ sung 1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.	Chuyển từ khoản 2 Điều 37 Quy chế cũ sang khoản 2 Điều 45 Quy chế sửa đổi.
Điều 37. Điều khoản thi hành.	**Điều 48. Hiệu lực thi hành**	Sửa tên Điều tham chiếu Điều 7 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC.
1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.	1. Quy chế này gồm 9 chương, 48 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội thống nhất thông qua ngày ….. tháng …. năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.	

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Habeco quy định khác hoặc chưa đề cấp trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Habeco.	2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	
	3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày tháng năm 2021)

Ghi chú:

- *Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán.*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.*

Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	**CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**	
Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh	**Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**	
1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm, lề lối làm việc, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng quan trị Tổng công ty (sau đây viết tắt là HĐQT).	1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm, lề lối làm việc, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng quan trị HABECO (sau đây viết tắt là HĐQT).	
2. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Người đại diện phần vốn của HABECO tại các Doanh nghiệp khác, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Tổ thư ký và giúp việc HĐQT, Trưởng các bộ phận của Tổng công ty và cá nhân có quan hệ làm việc với HĐQT chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.	2. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Người đại diện phần vốn của HABECO tại các Doanh nghiệp khác, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng HĐQT, Thư ký HABECO, Phụ trách quản trị HABECO, Trưởng các bộ phận của HABECO và cá nhân có quan hệ làm việc với HĐQT chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.	Sửa đổi cho phù hợp với phân công nhiệm vụ thực tế của phòng ban chức năng/cán bộ của HABECO
Điều 2. Giải thích từ ngữ	**Điều 2. Giải thích từ ngữ**	

- " Điều lệ": Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội được ban hành lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/5/2013. - "HĐQT": Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. - "Bộ phận": các Phòng, Ban, Viện, Nhà máy, Xí nghiệp của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. - "Quy chế": Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.	1. *Điều lệ* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội được ban hành lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 09/06/2008, sửa đổi lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/05/2013, sửa đổi lần thứ hai tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28/4/2016, sửa đổi lần thứ ba tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019, sửa đổi lần thứ bốn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 30/6/2020, và sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày ...../...../2021. 2. *HĐQT* là Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. 3. *Bộ phận* là các Phòng, Ban, Viện, Nhà máy, Xí nghiệp của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. 4. *Quy chế* là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. 5. Bộ phận giúp việc HĐQT là bộ phận/cá nhân do HĐQT thành lập/bổ nhiệm, bao gồm: Văn phòng HĐQT, Thư ký HABECO, Phụ trách quản trị HABECO.	
Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị	**Điều 3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị**	
1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể HĐQT, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch và các thành viên HĐQT.	6. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể HĐQT, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch và các thành viên HĐQT.	
2. Các thành viên HĐQT cùng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông về Nghị quyết, Quyết	7. Các thành viên HĐQT cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông về Nghị quyết, Quyết định	

định của HĐQT đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của HABECO.	của HĐQT đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của HABECO.	
3. Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ HABECO và quy định của pháp luật; bảo đảm sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.	8. Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ HABECO và quy định của pháp luật; bảo đảm sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.	
4. Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định Điều lệ HABECO, quy định của pháp luật và Quy chế làm việc.	9. Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định Điều lệ HABECO, quy định của pháp luật và Quy chế làm việc.	
5. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.	10. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.	
CHƯƠNG II. TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC	**CHƯƠNG II.TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**	
Điều 4. Trách nhiệm, cách thức và phạm vi giải quyết công việc của HĐQT	**Điều 4. Trách nhiệm, cách thức và phạm vi giải quyết công việc của HĐQT**	
1. HĐQT giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 44 của Điều lệ HABECO. Hội đồng quản trị thảo luận tập thể và quyết định, theo đa số đối với các vấn đề được quy định tại Điều 44 của Điều lệ HABECO và những vấn đề quan trọng khác mà Luật Doanh nghiệp quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.	1. HĐQT giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 44 của Điều lệ HABECO. Hội đồng quản trị thảo luận tập thể và quyết định, theo đa số đối với các vấn đề được quy định tại Điều 44 của Điều lệ HABECO và những vấn đề quan trọng khác mà Luật Doanh nghiệp quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định.	
2. Cách thức giải quyết công việc của HĐQT:	2. Cách thức giải quyết công việc của HĐQT:	
a) Thảo luận và quyết nghị từng vấn đề tại cuộc họp HĐQT thường kỳ hoặc bất thường.	a. Thảo luận và quyết nghị từng vấn đề tại cuộc họp HĐQT thường kỳ hoặc bất thường.	

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức hội nghị để thảo luận, theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Tổ Thư lý và giúp việc HĐQT gửi toàn bộ hồ sơ và Phiếu xin ý kiến đến từng thành viên HĐQT để xin ý kiến bằng văn bản.	b. Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức hội nghị để thảo luận, theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Bộ phận giúp việc HĐQT gửi toàn bộ hồ sơ và Phiếu xin ý kiến đến từng thành viên HĐQT để xin ý kiến bằng văn bản.	
Các nghị quyết của HĐQT được thông qua khi có quá nửa tổng số thành, viên HĐQT đồng ý. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên HĐQT thông qua phiếu được thực hiện như sau:	Các nghị quyết của HĐQT được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên HĐQT đồng ý. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên HĐQT thông qua phiếu được thực hiện như sau:	
- Nếu vấn đề được đa số thành viên HĐQT đồng ý, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trình Chủ tịch HĐQT quyết định và báo cáo HĐQT trong cuộc họp gần nhất.	- Nếu vấn đề được đa số thành viên HĐQT đồng ý, Bộ phận giúp việc HĐQT trình Chủ tịch HĐQT quyết định và báo cáo HĐQT trong cuộc họp gần nhất.	
- Nếu vấn đề chưa được đa số thành viên HĐQT đồng ý, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định việc đưa vấn đề ra| cuộc họp HĐQT gần nhất để biểu quyết.	- Nếu vấn đề chưa được đa số thành viên HĐQT đồng ý, Bộ phận giúp việc HĐQT báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định việc đưa vấn đề ra cuộc họp HĐQT gần nhất để biểu quyết.	
Điều 5. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch HĐQT	**Điều 5. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch HĐQT**	
Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giải quyết công việc được quy định tại Điều 47 của Điều lệ HABECO và những vấn đề khác mà Luật Doanh nghiệp quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT quyết định, cụ thể như sau:	Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm giải quyết công việc được quy định tại Điều 47 của Điều lệ HABECO và những vấn đề khác mà Luật Doanh nghiệp quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT quyết định, cụ thể như sau:	
1. Chỉ đạo nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự ái đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức quản lý, nhân sự chủ chốt và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của HABECO.	1. Chỉ đạo nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn, phương án đổi mới tổ chức quản lý, nhân sự chủ chốt và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của HABECO.	

2. Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ họp; chủ trì các cuộc họp HĐQT.	2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; 3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;	
3. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT.	4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các văn bản đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc phê chuẩn;	
4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết; định của HĐQT; có quyền đình, chỉ các quyết định của Tổng giám đốc khi phát hiện các quyết định này trái với các quy định của pháp luật hoặc nghị quyết, quyết định của HĐQT.	5. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc khi phát hiện các quyết định này trái với các quy định của pháp luật hoặc nghị quyết, quyết định của HĐQT.	
5. Chủ tịch HĐQT ban hành phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT và có thể điều chỉnh việc phân công khi thấy cần thiết.	6. Ban hành phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT và có thể điều chỉnh việc phân công khi thấy cần thiết.	
6. Quyết định cử thành viên HĐQT (nếu không phải là Người đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO) đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát ở nước ngoài.	7. Quyết định cử thành viên HĐQT (nếu không phải là Người đại diện phần vốn Nhà nước tại HABECO) đi công tác, học tập, tham quan, khảo sát ở nước ngoài.	
7. Thay mặt HĐQT ký các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trường HABECO sau khi các quyết định đó đã được HĐQT thông qua.	8. Thay mặt HĐQT ký các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng HABECO sau khi các quyết định đó đã được HĐQT thông qua.	
8. Thay mặt HĐQT ký quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc HĐQT và ký các quyết định về nhân sự của bộ máy giúp việc HĐQT.	9. Thay mặt HĐQT ký quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc HĐQT và ký các quyết định về nhân sự của bộ máy giúp việc HĐQT.	

9. Thay mặt HĐQT tiếp nhận và trả lời các báo cáo, tờ trình lên HĐQT của Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong công tác điều hành.	10. Thay mặt HĐQT tiếp nhận và trả lời các báo cáo, tờ trình lên HĐQT của Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong công tác điều hành.	
10. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không thể thực hiện nhiệm vụ thì các thành viên còn lại bầu chọn một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.	11. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
Điều 6. Cách thức xử lý công việc của Chủ tịch HĐQT	**Điều 6. Cách thức xử lý công việc của Chủ tịch HĐQT**	
1. Xử lý công việc trên cơ sợ hộ sơ, tài liệu trình của Tổng giám đốc và Phiếu xừ lý văn bản do Chánh Văn Phòng hoặc Phiếu xử lý công việc do Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trình; chương trình, kế hoạch công tác và tình hình thực tế của HABECO.	1. Xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của Tổng giám đốc và Phiếu xử lý văn bản do Chánh Văn Phòng hoặc Phiếu xử lý công việc do Bộ phận giúp việc HĐQT trình; chương trình, kế hoạch công tác và tình hình thực tế của HABECO.	
2. Có quyền làm việc với Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các bộ phận liên quan để giải quyết công việc.	2. Có quyền làm việc với Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các bộ phận liên quan để giải quyết công việc.	
Điều 7. Xử lý hồ sơ trình và báo kết quả	**Điều 7. Xử lý hồ sơ trình và báo kết quả**	

1. Chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trình, Chủ tịch HĐQT có ý kiến vào Phiếu trình và chuyển lại Thư ký.	1. Chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ phận giúp việc HĐQT trình, Chủ tịch HĐQT có ý kiến vào Phiếu trình và chuyển lại Thư ký.	
2. Đối với các nội dung trình là những vấn đề cần làm rõ, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc và bộ phận liên quan trình bày thêm trước khi quyết định. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT thông báo cho Tổng giám đốc chuẩn bị nội dung và tổ chức buổi làm việc.	2. Đối với các nội dung trình là những vấn đề cần làm rõ, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc và bộ phận liên quan trình bày thêm trước khi quyết định. Bộ phận giúp việc HĐQT thông báo cho Tổng giám đốc chuẩn bị nội dung và tổ chức buổi làm việc.	
3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT về đề án, văn bản dự thảo, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT thông báo cho Tổng giám đốc.	3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT về đề án, văn bản dự thảo, Bộ phận giúp việc HĐQT thông báo cho Tổng giám đốc.	
a) Trường hợp phải hoàn chỉnh lại văn bản, Tổng giám đốc chỉ đạo bộ phận liên quan hoàn chỉnh lại văn bản dự thảo đề trình Chủ tịch HĐQT trong thời gian sớm nhất.	a. Trường hợp phải hoàn chỉnh lại văn bản, Tổng giám đốc chỉ đạo bộ phận liên quan hoàn chỉnh lại văn bản dự thảo đề trình Chủ tịch HĐQT trong thời gian sớm nhất.	
b) Trường hợp dự thảo văn bản được HĐQT, Chủ tịch HĐQT thông qua, trong vòng 02 ngày làm việc, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT hoàn chỉnh các nội dung cần thiết để trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành.	b. Trường hợp dự thảo văn bản được HĐQT, Chủ tịch HĐQT thông qua, trong vòng 02 ngày làm việc, Bộ phận giúp việc HĐQT hoàn chỉnh các nội dung cần thiết để trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành.	
4. Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ trình, nếu Chủ tịch HĐQT chưa có ý kiến thì Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT phải xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT và thông báo cho Tổng giám đốc biết rõ lý do.	4. Trong 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ trình, nếu Chủ tịch HĐQT chưa có ý kiến thì Bộ phận giúp việc HĐQT phải xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT và thông báo cho Tổng giám đốc biết rõ lý do.	
Điều 9. Bộ máy giúp việc HĐQT	**Điều 8. Bộ máy giúp việc HĐQT**	
1. HĐQT sử dụng Bộ máy điều hành và con dấu của HABECO để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	1. HĐQT sử dụng Bộ máy điều hành và con dấu của HABECO để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.	

2. Bộ máy giúp việc của HĐQT gồm có Tổ thư ký và giúp việc HĐQT. Nhiệm vụ của Tổ thư ký và giúp việc HĐQT:	2. Bộ máy giúp việc của HĐQT gồm có Thư ký HABECO, Phụ trách quản trị, Văn phòng HĐQT. Nhiệm vụ của Bộ máy giúp việc của HĐQT:	
a) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát.	a. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát.	
b) Hoàn thiện thủ tục của các cuộc họp, chuẩn bị nội dung, tài liệu cho các cuộc họp.	b. Hoàn thiện thủ tục của các cuộc họp, chuẩn bị nội dung, tài liệu cho các cuộc họp.	
c) Tổ thư ký và giúp việc HĐQT tham dự và ghi chép nội dung các cuộc họp.	c. Thư ký HABECO tham dự và ghi chép nội dung các cuộc họp.	
d) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.	d. Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.	
e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.	e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.	
f) Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	f. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	
g) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của HABECO.	g. Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của HABECO.	
h) Thạm mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động.	h. Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động.	
i) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.	i. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.	
j) Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong việc	j. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong việc	

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy đinh của pháp luật và Điều lệ HABECO.	thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy đinh của pháp luật và Điều lệ HABECO.	
k) Kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản, nội quy, quy chế, hợp đồng trước khi trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành.	k. Kiểm tra tính hợp pháp của các văn bản, nội quy, quy chế, hợp đồng trước khi trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành.	
1) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT phân công.	l. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐQT phân công.	
3. Trách nhiệm của Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trong việc chuẩn bị hồ sơ trình HĐQT.	3. Trách nhiệm của Bộ phận giúp việc HĐQT trong việc chuẩn bị hồ sơ trình HĐQT.	
a) Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT chương trình Chủ tịch HĐQT những vấn đề thuộc phạm vi giải quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT nêu tại các Điều 44, 47 Điều lệ HABECO và có đủ thủ tục theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.	a. Bộ phận giúp việc HĐQT chương trình Chủ tịch HĐQT những vấn đề thuộc phạm vi giải quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT nêu tại các Điều 44, 47 Điều lệ HABECO và có đủ thủ tục theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.	Cập nhật theo điều lệ sửa đổi và bổ sung
b) Khi nhận được hồ sơ của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ về thủ lục và lập Phiếu trình giải quyết công việc, trình Chủ tịch HĐQT.	b. Khi nhận được hồ sơ của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ về thủ lục và lập Phiếu trình giải quyết công việc, trình Chủ tịch HĐQT.	
- Thẩm tra về mặt thủ tục: Nếu hồ sơ trình chưa đầy đủ, trong 02 ngày làm‘việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQr yêu cầu bộ phận liên quan trình bổ sung đủ hồ sơ theo quy định.	- Thẩm tra về mặt thủ tục: Nếu hồ sơ trình chưa đầy đủ, trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT yêu cầu bộ phận liên quan trình bổ sung đủ hồ sơ theo quy định.	
- Thẩm tra về nội dung và tính thống nhất, hợp pháp của văn bản: Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT có ý kiến thẩm tra độc lập về nội dung, tính thống nhất, hợp pháp của văn bản; đồng thời phối hợp với bộ phận soạn thảo chỉnh sửa những nội dung không đúng, không phù hợp trong văn bản dự thảo trước khi trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT.	- Thẩm tra về nội dung và tính thống nhất, hợp pháp của văn bản: Bộ phận giúp việc HĐQT có ý kiến thẩm tra độc lập về nội dung, tính thống nhất, hợp pháp của văn bản; đồng thời phối hợp với bộ phận soạn thảo chỉnh sửa những nội dung không đúng, không phù hợp trong văn bản dự thảo trước khi trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT.	

c) Chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT phải hoàn thành công việc thẩm tra và lập phiếu trình, kèm theo đầy đủ hồ sơ, tài liệu, trình Chủ tịch HĐQT, HĐQT.	c. Chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ phận giúp việc HĐQT phải hoàn thành công việc thẩm tra và lập phiếu trình, kèm theo đầy đủ hồ sơ, tài liệu, trình Chủ tịch HĐQT, HĐQT.	
Điều 10. Nguyên tắc phối hợp trong công tác quản trị, điều hành giữa HĐQT và Tổng giám đốc	**Điều 9. Nguyên tắc phối hợp trong công tác quản trị, điều hành giữa HĐQT và Tổng giám đốc**	
1. HĐQT và Tổng giám đốc phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý điều hành HABECO; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường hỗ trợ lẫn nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển chung của HABECO theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	1. HĐQT và Tổng giám đốc phối hợp hoạt động theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý điều hành HABECO; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường hỗ trợ lẫn nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển chung của HABECO theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO.	
2. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Tổng giám đốc HABECO trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của HĐQT, các báo cáo, đề án trình HĐQT; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐQT về nhiệm vụ kinh tế - xã hội của HABECO; nghiên cứa giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Tổng giám đốc; trả lời chất vấn của cổ đông.	2. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Tổng giám đốc HABECO trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của HĐQT, các báo cáo, đề án trình HĐQT; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện nghị quyết của HĐQT về nhiệm vụ kinh tế - xã hội của HABECO; nghiên cứa giải quyết theo thẩm quyền các kiến nghị của Tổng giám đốc; trả lời chất vấn của cổ đông.	
3. Đối với các Tờ trình, đề xuất của Tổng giám đốc, HĐQT thảo luận, thông qua và đưa ra quyết định trong kỳ họp gần nhất. Tổng giám đốc có trách nhiệm thi hành quyết định của HĐQT. Trong trường hợp Tổng giám đốc trình, đề xuất những vấn đề khẩn cấp cần được thông qua ngay, HĐQT họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để trả lời chậm nhất trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được Tờ trình/văn bản của Tổng giám đốc.	3. Đối với các Tờ trình, đề xuất của Tổng giám đốc, HĐQT thảo luận, thông qua và đưa ra quyết định trong kỳ họp gần nhất. Tổng giám đốc có trách nhiệm thi hành quyết định của HĐQT. Trong trường hợp Tổng giám đốc trình, đề xuất những vấn đề khẩn cấp cần được thông qua ngay, HĐQT họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để trả lời chậm nhất trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được Tờ trình/văn bản của Tổng giám đốc.	

4. Đối với các cuộc họp thương thảo Hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thi Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết để tham dự hoặc cử thành viên HĐQT khác tham dự nếu xét thấy cần thiết.	4. Đối với các cuộc họp thương thảo Hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thi Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết để tham dự hoặc cử thành viên HĐQT khác tham dự nếu xét thấy cần thiết.	
5. Các cuộc họp với các cơ quan liên quan, đối tác, khách hàng ... có tính chất quan trọng, liên quan tới đổi mới tổ chức, cơ chế chính sách, đinh hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vưởng mắc lớn cua HABECO thì Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo HĐQT tham dự.	5. Các cuộc họp với các cơ quan liên quan, đối tác, khách hàng ... có tính chất quan trọng, liên quan tới đổi mới tổ chức, cơ chế chính sách, đinh hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vưởng mắc lớn của HABECO thì Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo HĐQT tham dự.	
6. HĐQT phê duyệt các quy chế quàn lý nội bộ của HABECO và Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính, của các. Công ty TNHH MTV 100% vốn của HABECO, tùy trường hợp cụ thể có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc ký ban Hành, phê duyệt một số quy chế hoạt động nội bộ. Tổng giám đốc phê duyệt các quy định, quy trình khác của HABECO.	6. HĐQT phê duyệt các quy chế quàn lý nội bộ của HABECO và Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của các Công ty TNHH MTV 100% vốn của HABECO, tùy trường hợp cụ thể có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc ký ban hành, phê duyệt một số quy chế hoạt động nội bộ. Tổng giám đốc phê duyệt các quy định, quy trình khác của HABECO.	
7. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định, của HĐQT và ĐHĐCĐ. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho HABECO thì Tổng giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét, điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định (nếu cần). Trường hợp HĐQT không thay đổi quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền được bảo lưu ý kiến và kiến nghị.	7. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định, của HĐQT và ĐHĐCĐ. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho HABECO thì Tổng giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét, điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định (nếu cần). Trường hợp HĐQT không thay đổi quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền được bảo lưu ý kiến và kiến nghị.	
8. Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ hoặc trái với quyết định của ĐHĐCĐ; đồng thời có	8. Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của HĐQT nếu xét thấy trái với pháp luật, trái với Điều lệ hoặc trái với quyết định của ĐHĐCĐ; đồng thời có trách	

trách nhiệm báo cáo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm vè những ý kiến của mình trước pháp luật và HĐQT về các vấn đề nói trên.	nhiệm báo cáo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và HĐQT về các vấn đề nói trên.	
9. Các trách nhiệm, quyền hạn khác của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 54, Điều lệ HABECO.	9. Các trách nhiệm, quyền hạn khác của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 58, Điều lệ HABECO.	
Điều 11. Quan hệ giữa HĐQT vói các tổ chức chính tri, đoàn thể quần chúng trong Tổng công ty	**Điều 10. Quan hệ giữa HĐQT với các tổ chức chính trị, đoàn thể quần chúng trong HABECO**	
1. Trong hoạt động của mình, HĐQT giữ mối liên hệ thường xuyên với Đảng uỷ Tổng công ty và Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể.	1. Trong hoạt động của mình, HĐQT giữ mối liên hệ thường xuyên với Đảng uỷ HABECO và Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể.	
2. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ Tổng công ty và Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, vận động cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng, phát triển doanh, nghiệp, thực hiện các chù trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	2. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ HABECO và Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, vận động cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng, phát triển doanh, nghiệp, thực hiện các chù trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	
3. HĐQT và các thành viên HĐQT có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Đảng uỷ và các Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể quần chúng.	3. HĐQT và các thành viên HĐQT có trách nhiệm giải quyết và trả lời các kiến nghị của Đảng uỷ và các Ban chấp hành các tổ chức đoàn thể quần chúng.	
Điều 12. Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Ban kiểm soát	**Điều 11. Nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT và Ban kiểm soát**	
1. Ban kiểm soát cỏ quyền và nhiệm vụ giám sát HĐQT trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.	1. Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ giám sát HĐQT trong việc quản lý và điều hành HABECO.	
2. HĐQT có nhiệm vụ phối hợp với Ban kiểm soát để việc kiểm tra của Ban kiểm soát không gây cản trở cho các hoạt động bình thường của HĐQT, không gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.	2. HĐQT có nhiệm vụ phối hợp với Ban kiểm soát để việc kiểm tra của Ban kiểm soát không gây cản trở cho các hoạt động bình thường của HĐQT, không gián đoạn hoạt động kinh doanh của HABECO.	

3. Trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, nếu phát hiện thấy có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ HABECO, Quy chế này và theo quy định của pháp luật, Ban kiểm soát cần thông báo ngay bằng văn bản tới HĐQT và yêu cầu người có hành vi vi phạm đó chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời yêu cầu người đó phải thực hiện các giải pháp khắc phục hậu quả.	3. Trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, nếu phát hiện thấy có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ HABECO, Quy chế này và theo quy định của pháp luật, Ban kiểm soát cần thông báo ngay bằng văn bản tới HĐQT và yêu cầu người có hành vi vi phạm đó chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời yêu cầu người đó phải thực hiện các giải pháp khắc phục hậu quả.	
4. Trước khi trình báo cáo hoặc đưa ra các đánh giá, kết luận hoặc kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông về các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tổng công ty, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT.	4. Trước khi trình báo cáo hoặc đưa ra các đánh giá, kết luận hoặc kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông về các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tổng công ty, Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT.	
CHƯƠNG III **CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	**CHƯƠNG III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 13. Chương trình công tác	**Điều 12. Chương trình công tác**	
Chương trình công tác hàng năm gồm hai phần: 1. Phần một thể hiện tổng quát các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của HĐQT trên tất cả các lĩnh vực công tác.	Chương trình công tác hàng năm gồm hai phần: 1. Phần một thể hiện tổng quát các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của HĐQT trên tất cả các lĩnh vực công tác.	
2. Phần hai bao gồm nội dung các cuộc họp thường kỳ của HĐQT và danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản và những vấn đề cần trình HĐQT trong năm.	2. Phần hai bao gồm nội dung các cuộc họp thường kỳ của HĐQT và danh mục các báo cáo, đề án, dự thảo văn bản và những vấn đề cần trình HĐQT trong năm.	
HĐQT chỉ thảo luận và giải quyết những nội dung công việc có trong chương trình công tác của HĐQT (trừ trường hợp đột xuất được quy định khoản 4, Điều 48 của Điều lệ HABECO	HĐQT chỉ thảo luận và giải quyết những nội dung công việc có trong chương trình công tác của HĐQT (trừ trường hợp đột xuất được quy định khoản 3, Điều 48 của Điều lệ HABECO và	Cập nhật theo Điều lệ sửa đổi

và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật).	các trường hợp khác theo quy định của pháp luật).	
Điều 14. Trình tự xây dựng Chương trình công tác của HĐQT	**Điều 13. Trình tự xây dựng Chương trình công tác của HĐQT**	
1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trình HĐQT danh mục những đề án, dự thảo văn bản cần trình HĐQT trong năm tiếp theo. Danh, mục phải thể hiện rõ: tên đề án, văn bản dự thảo, bộ phận chủ trì soạn thảo, bộ phận phối hợp soạn thảo, thời hạn trình.	1. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, Bộ phận giúp việc HĐQT trình HĐQT danh mục những đề án, dự thảo văn bản cần trình HĐQT trong năm tiếp theo. Danh mục phải thể hiện rõ: tên đề án, văn bản dự thảo, bộ phận chủ trì soạn thảo, bộ phận phối hợp soạn thảo, thời hạn trình.	
2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày HĐQT thông qua chương trình công tác năm, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trình Chủ tịch HĐQT ký quyết định ban hành và gửi các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Trưởng các bộ phận có liên quan biết, thực hiện.	2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày HĐQT thông qua chương trình công tác năm, Bộ phận giúp việc HĐQT trình Chủ tịch HĐQT ký quyết định ban hành và gửi các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Trưởng các bộ phận có liên quan biết, thực hiện.	
3. Việc điều chỉnh chương trình công tác của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT và yêu cầu chỉ đạo của HĐQT. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT sắp xếp chương trình công tác của HĐQT, có trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong việc soạn thảo, điều chỉnh và đôn đốc thực hiện chương trình, công tác của HĐQT. Khi có sự điều chỉnh chương trình công tác, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT phải thông báo kịp thời cho các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc biết.	3. Việc điều chỉnh chương trình công tác của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc, Bộ phận giúp việc HĐQT và yêu cầu chỉ đạo của HĐQT. Bộ phận giúp việc HĐQT sắp xếp chương trình công tác của HĐQT, có trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong việc soạn thảo, điều chỉnh và đôn đốc thực hiện chương trình, công tác của HĐQT. Khi có sự điều chỉnh chương trình công tác, Bộ phận giúp việc HĐQT phải thông báo kịp thời cho các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc biết.	
Điều 15. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác	**Điều 14. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác**	
Hàng năm, HĐQT giao cho Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng	Hàng năm, HĐQT giao cho Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng	

ban chuyên môn rà soát, kiểm điểm việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác, thông báo với HĐQT tiến độ, kết quả xử lý các công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo; đồng thời đề nghị điều chỉnh, bổ sung công việc trong chương trình công tác năm tiếp theo.	ban chuyên môn rà soát, kiểm điểm việc thực hiện các đề án trong chương trình công tác, thông báo với HĐQT tiến độ, kết quả xử lý các công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo; đồng thời đề nghị điều chỉnh, bổ sung công việc trong chương trình công tác năm tiếp theo.	
	CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN HĐQT	Tham chiếu chương II Phụ lục 03 đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của các thành viên HĐQT	**Điều 15. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của các thành viên HĐQT**	
1. Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công.	1. Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Chủ tịch HĐQT về công việc thuộc lĩnh vực được phân công.	
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền và báo cáo kết quả công, việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất.	2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, trình HĐQT giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Thành viên HĐQT phải dành thời gian để nghiên cứu các nội dung chuẩn bị biểu quyết của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền và báo cáo kết quả công việc với HĐQT trong phiên họp gần nhất.	
3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra tại cuộc họp hoặc phiếu xin ý kiến.	3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường của HĐQT, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra tại cuộc họp hoặc phiếu xin ý kiến.	

4. Thành viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét, giải quyết một số vấn đề của HABECO theo nhiệm vụ được phân công.	4. Thành viên HĐQT có quyền đề nghị HĐQT xem xét, giải quyết một số vấn đề của HABECO theo nhiệm vụ được phân công.	
5. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý HABECO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, các hoạt động đầu tư, kinh doanh của HABECO (bao gồm cả Công ty mẹ và các Công ty con). Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên HĐQT tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.	5. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và cán bộ quản lý HABECO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, các hoạt động đầu tư, kinh doanh của HABECO (bao gồm cả Công ty mẹ và các Công ty con). Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên HĐQT tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.	
6. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc HABECO khi có yêu cầu.	6. Bộ phận giúp việc HĐQT có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc HABECO khi có yêu cầu.	
	7. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ HABECO và quy định của pháp luật hiện hành.	
	Điều 16. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ ba (03) đến mười một (11) thành viên số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng	Điều 46 Điều lệ sửa đổi bổ sung Điều 5 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	quản trị độc lập của HABECO không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. 3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. 4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc; 5. Số lượng cụ thể, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	
1.	**Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chủ yếu của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của HABECO; c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thanh viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác; đ. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;	Sửa thống nhất theo Điều lệ sửa đổi

	e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của HABECO. f. Không đồng thời là Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, người quản lý khác của HABECO hoặc là người liên quan của những người này.	
	Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1.Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây: a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ HABECO; b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; c. Bị mất trí, bị chết theo quy định của Pháp luật; d. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân; e. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân; g. HABECO bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) b. Không hoàn thành nhiệm vụ theo Điều lệ HABECO.	Sửa thống nhất theo Điều lệ

	c. Cung cấp thông tin cá nhân không trung thực khi gửi cho HABECO với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị. 3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ HABECO, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. 5. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức. 6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
	Điều 19. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO. 2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ	Khoản 5 Điều 115 Luật DN Sửa thống nhất theo điều lệ HABECO

	chức đề cử theo cơ chế được HABECO quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị HABECO. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật. 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ HABECO.	
	Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của HABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực,	Điều 10 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho HABECO, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của HABECO; g. Các lợi ích có liên quan tới HABECO (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 2. HABECO phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới HABECO của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	

	3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
	CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HABECO, có toàn quyền nhân danh HABECO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HABECO không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 44 Điều lệ HABECO. 3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ HABECO quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ HABECO gây thiệt hại cho HABECO thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho HABECO; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở	Điều 11 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	hữu cổ phần của HABECO có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.	
	Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của HABECO. 2. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của HABECO ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa HABECO với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc	Điều 12 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC Điều 44 Điều lệ sửa đổi bổ sung

	giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. 2. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán giữa HABECO và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. 3. Chấp thuận hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của HABECO trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định khoản 2 Điều này, và trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138.	

	Điều 23. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của HABECO; b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO. 2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. 3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm	Điều 13 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. 4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp; h. Các công việc khác phục vụ đại hội.	

	Điều 24. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thiết lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ HABECO và Quy chế quản trị nội bộ công ty.	Điều 14 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG IV **NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	**CHƯƠNG VI. NGUYÊN TẮC, TRÌNH TỰ TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 16. Họp Hội đồng quản trị	**Điều 25. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	Điều 15 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
1. HĐQT tổ chức họp mỗi quý một lần vào tháng đầu quý. Trường hợp cần thiết tổ chức các cuộc họp bất thường khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn bạc, xin ý kiến HĐQT: a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b) Hai thành viên HĐQT; c) Chủ tịch HĐQT;	2. HĐQT tổ chức họp mỗi quý một lần. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;	Khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp Tham chiếu điều khoản 3 Điều 48 Điều lệ Sửa đổi bổ sung

d) Đa số thành viên Ban kiểm soát.		
	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Tách từ khoản 1 Điều này Quy chế cũ
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp thường kỳ của HĐQT. Việc triệu tập, chuẩn bị, tổ chức họp và các nội dung khác liên quan đến cuộc họp bất thường, được thực hiện như đối với cuộc họp thường kỳ. Trường hợp cần thiết, do Chủ tịch HĐQT quyết định.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với HABECO; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
4. Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền cho một trong số thành viên HĐQT chủ trì cuộc họp HĐQT. Tuy nhiên việc ủy quyền này phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.	6. Chủ tịch HĐQT triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT, trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì uỷ quyền cho một trong số thành viên HĐQT chủ trì cuộc họp HĐQT. Tuy nhiên việc ủy quyền này phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.	
	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ HABECO quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại HABECO.	Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

	8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
2. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền hợp pháp trở lên dự họp.	9. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền hợp pháp trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ HABECO quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
	10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ HABECO.	Khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

	11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	Khoản 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
	12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
	13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp Khoản 11 Điều 48 của Điều lệ.
Điều 17. Công tác chuẩn bị cuộc họp HĐQT	**Điều 26. Công tác chuẩn bị cuộc họp HĐQT**	
1. Chủ tịch HĐQT quyết định cụ thể ngày họp, đại biểu tham dự và nội dung chương trình của cuộc họp.	1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập quyết định cụ thể ngày họp, đại biểu tham dự và nội dung chương trình của cuộc họp.	
2. Tổ thư ký và giúp việc HĐQT có nhiệm vụ: a) Kiểm tra tổng hợp các hồ sơ đề án trình ra cuộc họp. b) Chuẩn bị chương trình nghị sự cuộc họp, dự kiến thành, phần họp trình Chủ tịch HĐQT quyết định; chuẩn bị các điều kiện phục vụ cuộc họp. Chậm nhất 05 ngày làm việc, trước ngày cuộc họp bắt đầu, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành	2. Bộ phận giúp việc HĐQT có nhiệm vụ: a. Kiểm tra tổng hợp các hồ sơ đề án trình ra cuộc họp. b. Chuẩn bị chương trình nghị sự cuộc họp, dự kiến thành, phần họp trình Chủ tịch HĐQT quyết định; chuẩn bị các điều kiện phục vụ cuộc họp. Chậm nhất 05 ngày làm việc, trước ngày cuộc họp bắt đầu, Bộ phận giúp việc HĐQT báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định chính thức nội dung, chương trình, thời gian họp, thành phần	

phần tham dự cuộc họp và thông báo cho các thành viên HĐQT về quyết định của Chủ tịch HĐQT về các vấn đề trên. c) Đôn đốc phụ trách các bộ phận chuẩn bị tài liệu về nội dung sẽ được đưa ra bàn bạc trong cuộc họp HĐQT và các văn bản liên quan. d) Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT có trách nhiệm gửi giấy mời và tài liệu về các nội dung cuộc họp đến các thành viên HĐQT và đại biểu được mời họp, ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp họp bất thường). e) Trường hợp thay đổi ngày họp, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT thông báo cho thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp ít nhất 02 ngày trước ngày cuộc họp bắt đầu.	tham dự cuộc họp và thông báo cho các thành viên HĐQT về quyết định của Chủ tịch HĐQT về các vấn đề trên. c. Đôn đốc phụ trách các bộ phận chuẩn bị tài liệu về nội dung sẽ được đưa ra bàn bạc trong cuộc họp HĐQT và các văn bản liên quan. d. Bộ phận giúp việc HĐQT có trách nhiệm gửi giấy mời và tài liệu về các nội dung cuộc họp đến các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên và đại biểu được mời họp, ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp (trừ trường hợp họp bất thường) e. Trường hợp thay đổi ngày họp, Bộ phận giúp việc HĐQT thông báo cho thành viên HĐQT và các đại biểu được mời họp ít nhất 02 ngày trước ngày cuộc họp bắt đầu.	
Điều 18. Thành phần tham dự cuộc họp HĐQT	**Điều 27. Thành phần tham dự cuộc họp HĐQT**	
1. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nếu vắng mặt phải báo cáo bằng văn bản trước thời điểm diễn ra cuộc họp. Trường hợp ủy quyền cho người khác dự họp thì phải được trên 50% số thành viên HĐQT biểu quyết chấp thuận và phải có văn bản ủy quyền.	1. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nếu vắng mặt phải báo cáo bằng văn bản trước thời điểm diễn ra cuộc họp. Trường hợp ủy quyền cho người khác dự họp thì phải được trên 50% số thành viên HĐQT biểu quyết chấp thuận và phải có văn bản ủy quyền.	
2. Cuộc họp HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên của HĐQT tham dự.		Bỏ do đã quy định tại Điều 17 Quy chế này
3. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT.	2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT. Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT có thể tham dự cuộc họp của HĐQT khi HĐQT có yêu cầu hoặc được HĐQT cho phép.	
4. HĐQT mời đại diện Đảng uỷ Tổng công ty và các đại biểu khác dự họp khi thảo luận về những vấn đề có liên quan.	3. HĐQT mời đại diện Đảng uỷ HABECO và các đại biểu khác dự họp khi thảo luận về những vấn đề có liên quan.	

5. Đại biểu không phải là thành viên HĐQT được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.	4. Đại biểu không phải là thành viên HĐQT được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.	
Điều 19. Trình tự cuộc họp HĐQT	**Điều 28. Trình tự cuộc họp HĐQT**	
Cuộc họp HĐQT được tiến hành theo trình tự sau: 1. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT báo cáo số thành viên HĐQT có mặt, vắng mặt và đại biểu tham dự; thông báo chương trình cuộc họp.	Cuộc họp HĐQT được tiến hành theo trình tự sau: 1. Bộ phận giúp việc HĐQT HĐQT báo cáo số thành viên HĐQT có mặt, vắng mặt và đại biểu tham dự; thông báo chương trình cuộc họp.	
2. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp.	2. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp.	
3. HĐQT thảo luận từng vấn đề theo trình tự: a) Chủ tọa/Tổng giám đốc tóm tắt nội dung, nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT. Nếu vấn đề cần xin ý kiến đã được thuyết minh rõ trong tờ trình thì không phải trình bày thêm; b) Các thành viên HĐQT phát biểu ý kiến, nói rõ tán thành hay không tán thành hoặc ý kiến khác; c) Tổng giám đốc tiếp thu và giải trình những điểm chưa nhất trí, những câu hỏi của các thành viên HĐQT và các thành viên dự họp; đ) Chủ tọa kết luận và lấy ý kiến biểu quyết. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua khi được quá nửa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; e) Các vấn đề thảo luận chưa rõ, chủ tọa đề nghị HĐQT chưa thông qua và yêu cầu chuẩn bị thêm.	3. HĐQT thảo luận từng vấn đề theo trình tự: a. Chủ tọa/Tổng giám đốc tóm tắt nội dung, nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT. Nếu vấn đề cần xin ý kiến đã được thuyết minh rõ trong tờ trình thì không phải trình bày thêm; b. Các thành viên HĐQT phát biểu ý kiến, nói rõ tán thành hay không tán thành hoặc ý kiến khác; c. Tổng giám đốc tiếp thu và giải trình những điểm chưa nhất trí, những câu hỏi của các thành viên HĐQT và các thành viên dự họp; d. Chủ tọa kết luận và lấy ý kiến biểu quyết. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua khi được quá nửa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị; e. Các vấn đề thảo luận chưa rõ, chủ tọa đề nghị HĐQT chưa thông qua và yêu cầu chuẩn bị thêm.	

4. Chủ tọa cuộc họp kết luận cuộc họp của HĐQT.	4. Chủ tọa cuộc họp kết luận cuộc họp của HĐQT.	
Điều 20: Biên bản cuộc họp HĐQT	**Điều 29. Biên bản cuộc họp HĐQT**	
1. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT tổ chức việc ghi biên bản cuộc họp của HĐQT. Biên bản phải ghi đầy đủ nội dung: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; mục đích, chương trình và nội dung họp; thời gian, địa điểm họp; họ và tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; tóm tắt các ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến; các quyết định được thông qua; họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.	1. Bộ phận giúp việc HĐQT HĐQT tổ chức việc ghi biên bản cuộc họp của HĐQT. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian, địa điểm họp; c. Mục đích, chương trình và nội dung họp; d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định	Điều 158 Luật Doanh nghiệp

	tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.	
	4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của HABECO.	Khoản 4 Điều 158 Luật Doanh nghiệp
	5. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể thêm bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Anh và tiếng Việt thì nội dung biên bản bằng tiếng Việt nó hiệu lực áp dụng.	Sửa thống nhất với nội dung của Điều lệ.
2. Sau mỗi cuộc họp, Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT có trách nhiệm thông báo kịp thời những quyết định, kết luận của chủ tọa cuộc họp gửi các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan. Khi cần thiết, thông báo cho phòng, ban, Đảng uỷ, các tổ chức đoàn thể quần chúng về những vấn đề có liên quan.	6. Sau mỗi cuộc họp, Bộ phận giúp việc HĐQT có trách nhiệm thông báo kịp thời những quyết định, kết luận của chủ tọa cuộc họp gửi các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan. Khi cần thiết, thông báo cho phòng, ban, Đảng uỷ, các tổ chức đoàn thể quần chúng về những vấn đề có liên quan.	
CHƯƠNG V: THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VĂN BẢN	**CHƯƠNG VII. THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VĂN BẢN**	
Điều 21. Thủ tục gửi văn bản, trình giải quyết công việc	**Điều 30. Thủ tục gửi văn bản, trình giải quyết công việc**	
1. Tất cả các công văn, tờ trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT phải được vào sổ văn thư của Văn phòng. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT có trách nhiệm theo dõi việc phát, chuyển công văn, tờ trình trước khi chuyển đến địa chỉ xử lý theo thẩm quyền. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT phối hợp với Văn phòng tổ	1. Tất cả các công văn, tờ trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT phải được vào sổ văn thư của Văn phòng. Bộ phận giúp việc HĐQT có trách nhiệm theo dõi việc phát, chuyển công văn, tờ trình trước khi chuyển đến địa chỉ xử lý theo thẩm quyền. Bộ phận giúp việc HĐQT phối hợp với Văn phòng tổ chức lập	

chức lập danh mục công văn, tờ trình theo vấn đề, nội dung các cơ quan, đơn vị để theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý.	danh mục công văn, tờ trình theo vấn đề, nội dung các cơ quan, đơn vị để theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý.	
2. Các Tờ trình, công văn của Tổng giám đốc trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT phải do Tổng giám đốc ký và đóng dấu.	2. Các Tờ trình, công văn của Tổng giám đốc trình HĐQT, Chủ tịch HĐQT phải do Tổng giám đốc ký và đóng dấu.	
3. Các công văn, tờ trình, trình giải quyết công việc phải là bản chính và chỉ gửi một bản đến một địa chỉ có thẩm quyền xử lý. Nếu cần gửi đến các bộ phận có liên quan để báo cáo hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên bộ phận đó ở phần nơi nhận văn bản.	3. Các công văn, tờ trình, trình giải quyết công việc phải là bản chính và chỉ gửi một bản đến một địa chỉ có thẩm quyền xử lý. Nếu cần gửi đến các bộ phận có liên quan để báo cáo hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên bộ phận đó ở phần nơi nhận văn bản.	
4. Các tổ chức khác không thuộc phạm vi quản lý của HĐQT, thủ tục gửi văn bản đến HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác văn thư và các quy định pháp luật khác có liên quan.	4. Các tổ chức khác không thuộc phạm vi quản lý của HĐQT, thủ tục gửi văn bản đến HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác văn thư và các quy định pháp luật khác có liên quan.	
Điều 22. Hồ sơ trình giải quyết công việc	**Điều 31. Hồ sơ trình giải quyết công việc**	
Hồ sơ trình HĐQT giải quyết công việc gồm có: 1. Tờ trình của Tổng giám đốc.	Hồ sơ trình HĐQT giải quyết công việc gồm có: 1. Tờ trình của Tổng giám đốc.	
2. Phiếu trình giải quyết công việc của Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trình HĐQT. Trong phiếu trình phải ghi rõ nội dung trình, bộ phận trình; tóm tắt nội dung trình; ý kiến của các bộ phận liên quan (gồm cả những ý kiến khác nhau) về vấn đề trình; ý kiến đề xuất của chuyên viên theo dõi; ý kiến và chữ ký của Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT.	Phiếu trình giải quyết công việc của Bộ phận giúp việc HĐQT trình HĐQT. 2. Trong phiếu trình phải ghi rõ nội dung trình, bộ phận trình; tóm tắt nội dung trình; ý kiến của các bộ phận liên quan (gồm cả những ý kiến khác nhau) về vấn đề trình; ý kiến đề xuất của chuyên viên theo dõi; ý kiến và chữ ký của Bộ phận giúp việc HĐQT.	
3. Các tài liệu khác có liên quan.	3. Các tài liệu khác có liên quan.	
Điều 23. Quy định về việc ký văn bản	**Điều 32. Quy định về việc ký văn bản**	

Chủ tịch HĐQT ký: 1. Các văn bản quy định, quy chế của HĐQT;	Chủ tịch HĐQT ký: 1. Các văn bản quy định, quy chế của HĐQT;	
2. Các Nghị quyết, Quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT;	2. Các Nghị quyết, Quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; các văn bản chỉ đạo điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT;	
3. Quyết định, giải quyết khiếu nại của cổ đông theo quy định của pháp luật;	3. Quyết định, giải quyết khiếu nại của cổ đông theo quy định của pháp luật;	
4. Tờ trình, báo cáo của HĐQT gửi Bộ Công Thương và Đại hội đồng cổ đông;	4. Tờ trình, báo cáo của HĐQT gửi Bộ Công Thương và Đại hội đồng cổ đông;	
5. Các văn bản khác theo thẩm quyền.	5. Các văn bản khác theo thẩm quyền.	
Điều 24. Ban hành, công bố các văn bản của HĐQT	**Điều 33. Ban hành, công bố các văn bản của HĐQT**	
1. Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT, Văn phòng chịu trách nhiệm ban hành, các văn bản của HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký; bảo đảm đúng địa chỉ, đúng thủ tục.	1. Bộ phận giúp việc HĐQT, Văn phòng chịu trách nhiệm ban hành, các văn bản của HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký; bảo đảm đúng địa chỉ, đúng thủ tục.	
2. Các văn bản của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ban hành có liên quan trực tiếp đến giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông phải được thông báo hoặc niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và công bố thông tin theo quy định.	2. Các văn bản của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ban hành có liên quan trực tiếp đến giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông phải được thông báo hoặc niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và công bố thông tin theo quy định.	
CHƯƠNG VI **CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO**	**CHƯƠNG VIII. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**	Chương V Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 25. Trách nhiệm thông tin, báo cáo	**Điều 34. Trách nhiệm thông tin, báo cáo**	
1. Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT: Định kỳ có báo cáo, công bố thông tin của HĐQT theo quy định của Pháp luật, của Ủy	1. Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT: Định kỳ có báo cáo, công bố thông tin của HĐQT theo quy định của Pháp luật, của	Cập nhật tên gọi

ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của các cơ quan pháp luật; đồng thời, gửi các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về tình hình hoạt động kinh doanh của HABECO và các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của các cơ quan pháp luật; đồng thời, gửi các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.	
2. Trách nhiệm của Tổ Thư ký và giúp việc HĐQT trong công tác thông tin, báo cáo: a) Tổ chức việc cung cấp thông tin hàng tháng phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch HĐQT bao gồm: các vấn đề quan trọng trình HĐQT và các thông tin nổi bật trong tháng về hoạt động kinh doanh của HABECO; b) Theo dõi, đôn đốc các phòng, ban thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác thông tin khác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của HĐQT; c) Giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT biên soạn, tổng hợp các báo cáo định kỳ (quý, 6 tháng, năm, tổng kết nhiệm kỳ); báo cáo chuyên đề; báo cáo đột xuất được quy định tại khoản 1 Điều này; d) Tổ chức cập nhật vào mạng nội bộ của HABECO các báo cáo, thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, thông tin chỉ đạo, điều hành, chương trình, công tác, các hoạt động của HĐQT theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.	2. Trách nhiệm của Bộ phận giúp việc HĐQT trong công tác thông tin, báo cáo: a) Tổ chức việc cung cấp thông tin hàng tháng phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch HĐQT bao gồm: các vấn đề quan trọng trình HĐQT và các thông tin nổi bật trong tháng về hoạt động kinh doanh của HABECO; b) Theo dõi, đôn đốc các phòng, ban thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác thông tin khác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của HĐQT; c) Giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT biên soạn, tổng hợp các báo cáo định kỳ (quý, 6 tháng, năm, tổng kết nhiệm kỳ); báo cáo chuyên đề; báo cáo đột xuất được quy định tại khoản 1 Điều này; d) Tổ chức cập nhật vào mạng nội bộ của HABECO các báo cáo, thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, thông tin chỉ đạo, điều hành, chương trình, công tác, các hoạt động của HĐQT theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT.	

	Điều 35. Trình báo cáo hằng năm 1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: a. Báo cáo kết quả kinh doanh của HABECO; b. Báo cáo tài chính kiểm toán; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty. 2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ HABECO không có quy định khác. 3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của HABECO chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. 4. Cổ đông sở hữu cổ phần của HABECO liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời gian hợp lý.	Điều 18 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	Điều 36. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ HABECO. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 70 Điều lệ HABECO.	Điều 19 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Điều 37. Công khai các lợi ích liên quan Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của HABECO thực hiện theo quy định sau đây: 1. HABECO phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của HABECO theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với HABECO. 2. Thành viên Hội đồng quản trị của HABECO phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với HABECO, bao gồm: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ; 3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo	Điều 20 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	với HABECO trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: a. HABECO phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của HABECO; c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai; d. HABECO phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ HABECO. 5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình	Khoản 4 Điều 164 Luật DN

	thức trong phạm vi công việc kinh doanh của HABECO đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.	
	CHƯƠNG IX. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	

	Điều 38. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công. 2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. 3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.	Điều 21 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
	Điều 39. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết.	Điều 22 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC

	Điều 40. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	Điều 23 Phụ lục III đính kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC
CHƯƠNG VII **BỔ SUNG, SỬA ĐỔI**	**CHƯƠNG X. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI**	
Điều 26. Bổ sung và sửa đổi quy chế	**Điều 41. Bổ sung và sửa đổi quy chế**	
1. Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này phải được HĐQT xem xét trên cơ sở đề nghị của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.	1. Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này phải được HĐQT xem xét trên cơ sở đề nghị của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.	
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty. Quy chế này được lập thành 09 bản, có giá trị như nhau. Các bản sao hoặc trích lục quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT./.	2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO.	Chuyển sang Chương XI

	CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
	Điều 42. Hiệu lực thi hành	
	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội bao gồm 11 chương, 42 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm... Quy chế này được lập thành 09 bản, có giá trị như nhau. Các bản sao hoặc trích lục quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT./.	Điều 24 Phụ lục II ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày23 tháng 4 năm 2021)

Ghi chú:

- *Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.*

Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do
PHẦN I	**CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**	
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**	
Quy chế này quy định về nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc của Ban kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội. Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát để đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực và kịp thời mọi hoạt động của Ban kiểm soát.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên, cơ chế hoạt động, giám sát của Ban Kiểm soát và mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công HABECO và các quy định khác có liên quan. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên HABECO.	Tham chiếu Điều 1 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
PHẦN II	**CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN**	
QUY ĐỊNH CỤ THỂ		
Điều 3. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên	**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên**	Đổi tên điều theo Điều 3 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệm trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảo bảo lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO và cổ đông của HABECO. 3. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông HABECO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của HABECO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO. 5. Trường hợp vi phạm nghia vụ quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm các nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của HABECO.	1. Tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của HABECO. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên. 2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ HABECO, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. 3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của HABECO. 4. Trung thành với lợi ích của HABECO và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của HABECO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO. 6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại cho HABECO hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho HABECO.	

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động	**Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên**	Đổi tên điều theo Điều 4 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm bằng thể thức bỏ phiếu kín, theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Các kiểm soát viên bầu 01 người trong số các kiểm soát viên làm Trưởng Ban kiểm soát. 2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của HABECO. 4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên 2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. 4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	**Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**	

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp. 2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; có năng lực và trình độ chuyên môn về tài chính kế toán và quản trị doanh nghiệp; phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. 3. Không phải vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác tại HABECO. 4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO. 5. Không là thành viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó. 6. Kiểm soát viên không đồng thời là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của HABECO và cũng không là người có liên quan với các chức danh kể trên hoặc người quản lý khác. 7. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại HABECO.	Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; 2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của HABECO. 2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của HABECO; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp; người đại diện phần vốn nhà nước tại HABECO; Không phải là người quản lý HABECO; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của HABECO; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của HABECO; 3. Không là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của HABECO trong vòng ba (03) năm liền trước đó 4. Tiêu chuẩn và các điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ HABECO.	Điều chỉnh phù hợp với quy định của Điều lệ HABECO
	Điều 6. Cách thức bầu Kiểm soát viên	Tham chiếu Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 8 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số	

	thành viên quy định tại Điều lệ HABECO. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.	
Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	**Điều 7. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**	Tham chiếu Điều 9 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
1. Kiểm soát viên muốn từ nhiệm phải gửi đơn đến Đại hội đồng cổ đông kỳ họp gần nhất quyết định. 2. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải gửi đơn từ chứcc cho Ban kiểm soát để Ban bầu người khác thay thế và thông báo cho Hội đồng quản trị biết. 3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. c. Có đơn xin từ chức. d. Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ HABECO. e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. f. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho HABECO thì HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để đề nghị xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.	Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Quy chế này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; Các trường hợp khác do Điều lệ HABECO quy định. b. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ HABECO; - Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
	Điều 8. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Tham chiếu điểm b Khoản 1 Điều 8 Quy chế CBTT Sàn HSX
	1. Trường hợp Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, HABECO thực hiện	

	công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm. 2. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát để bầu Kiểm soát viên, HABECO phải công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy chế này. 3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông báo trên trang thông tin điện tử của HABECO, báo cáo và công bố thông tin tới Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của HABECO niêm yết trong vòng 24 giờ kể từ khi quyết định được thông qua và theo thông báo, công bố theo các quy định pháp luật có liên quan khác về công bố thông tin.	
	CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	**Điều 9. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**	Cập nhật theo quy định của Luật

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của HABECO, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO. 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của HABECO.	Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành HABECO. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của HABECO, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của HABECO. 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của HABECO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.	

7. Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO. 8. Khi phát hiện HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phụ hậu quả. 9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các cuộc họp khác của HABECO. 10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của HABECO để thực hiện các nhiệm vụ được giao. 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. 12. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO. 13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ HABECO và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO. 8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của HABECO. 10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của HABECO để thực hiện các nhiệm vụ được giao. 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. 12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của HABECO theo đề nghị của cổ đông. 13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp cần thiết. 14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. 15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị. 16. Xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO; tổ chức kiểm toán được chấp	

	thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết. 18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 19. Giám sát tình hình tài chính HABECO, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động. 20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ HABECO của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 23. Chứng kiến, giám sát Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 24. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. 25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ HABECO và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	

Điều 8. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	**Điều 10. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**	
1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. 2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT. 3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của HABECO làm việc. 4. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Ban kiểm soát. 5. Các nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các cổ đông, thành viên HĐQT. 6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm.	1.Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do HABECO phát hành. 5. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của HABECO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của HABECO trong giờ làm việc. 6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của HABECO theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát	điều 171 Luật Doanh nghiệp
	Điều 11. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Tham chiếu Điều 13 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
	1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp	

	luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ HABECO; b. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HABECO. 2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho HABECO. 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được HABECO hoàn lại.	
Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát	**Điều 12. Trưởng Ban kiểm soát**	Tham chiếu Điều 6 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát a. Chuẩn bị các chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ toạn các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban kiểm soát. b. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công cho thành viên của Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc. c. Yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin liên quan cho Ban kiểm soát. d. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát. e. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ HABECO. f. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên a. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát. b. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm ra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có. c. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát, tham gia góp ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích. d. Tham gia các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.	1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. 3. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Phân công cho thành viên của Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc; c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.	

	CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	
Điều 12. Chương trình hoạt động và các cuộc họp của Ban kiểm soát	**Điều 13. Cuộc họp của Ban kiểm soát**	
Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập các cuộc họp thường kỳ của ban kiểm soát, lập chương trình họp, thời gian, địa điểm họp gửi đến các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp.	1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
	Điều 14. Biên bản họp Ban kiểm soát	
	Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	
	CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	
	Điều 15. Trình báo cáo hàng năm	
	Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của HABECO, về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên. 3. Các báo cáo của Ban kiểm soát tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải đảm bảo có các nội dung sau:	Tham chiếu Điều 16 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC

	a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát; b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của HABECO; d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa HABECO, HABECO con, HABECO khác do HABECO nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa HABECO với HABECO trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác; f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông. 4. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của HABECO; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của HABECO khi xét thấy cần thiết.	
Điều 9. Quyền lợi của Kiểm soát viên	**Điều 16. Quyền lợi của Kiểm soát viên**	
1. Kiểm soát viên chuyên trách được trả tiền lương, tiền thưởng. Kiểm soát viên không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.	1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;	

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập. Tổng mức thù lao, chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan.	3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của HABECO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của HABECO.	
	Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan	Tham chiếu Điều 164 Luật Doanh nghiệp
	1. Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với HABECO, bao gồm: Kiểm soát viên phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với HABECO, bao gồm: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với HABECO trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 2. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của HABECO và không được	

	sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa HABECO, công ty con, công ty khác do HABECO nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. 4. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của HABECO hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
	CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	
	Điều 18. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	Tham chiếu Điều 19 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
	Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ HABECO. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.	
	Điều 19. Mối quan hệ với ban điều hành	Tham chiếu Điều 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
	Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành HABECO, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.	

	2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến. 3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của HABECO. 4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của HABECO, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát. 5. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất. 6. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.	
	Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	Tham chiếu Điều 21 Phụ lục IV ban hành kèm theo thông tư 116/2020/TT-BTC
	Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị HABECO, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát. 3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.	

	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. 5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ HABECO. 6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ HABECO. 7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO. 8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.	
PHẦN III	**CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
Điều 14. Sửa đổi bổ sung	**Điều 21. Sửa đổi bổ sung**	
Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được xem xét sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ HABECO và pháp luật hiện hành.	1.Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 2.Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của HABECO chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của HABECO	
Điều 15. Hiệu lực thi hành	**Điều 22. Hiệu lực thi hành**	
Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.		Chỉ Ban kiểm soát – đối tượng

Điều 16. Trách nhiệm thi hành Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban, Viện Kỹ thuật, Giám đốc các Nhà máy trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quy chế./.	1. Quy chế này gồm … chương, … Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng HABECO Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội thống nhất thông qua ngày ... tháng ... năm .. và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. 2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật. 3. Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên của Tổng HABECO Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	áp dụng quy chế này, có trách nhiệm thi hành